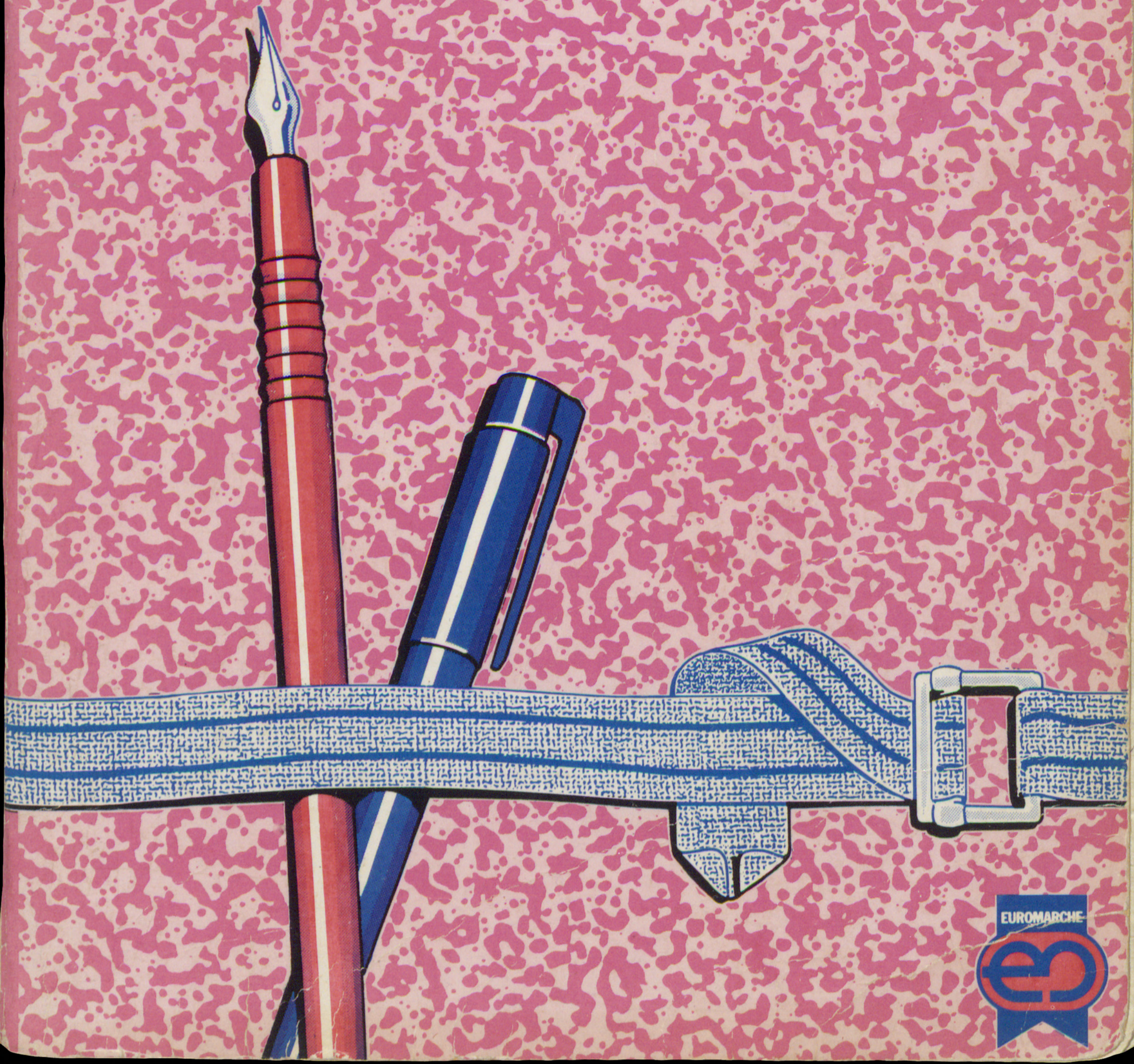
Cahier 192 pages

Bảng chữ VÂN KIỀU



EUROMARCHE

ARC HOANG 41

BULAC

Chú ý: Sau này, trên những trang bên trái (trang sau tờ) có ghi những nhóm chữ vần đồng loại. Sau chữ vần có những con số, đó số mã của vế Kiều chứa chữ vần ấy. Ở trang phải (trước mặt trang kia) thì mỗi hang gồm ba vế liền vần Kiều có mang vần ấy: hai chữ đầu là đuôi vế Bát có số mã đứng trước; hai chữ sau là đuôi vế Lục theo sau, cuối cùng bốn chữ cuối là đuôi câu Bát theo sau nữa. Như vậy mỗi hàng bên trang phải gồm đủ ba vần ~~[illegible]~~ đồng loại và thuộc loại được nêu ở trên trang trái

Ví xem trang sau, bên phải, hàng hai có:

"14 nho gia": vế 14: "Vương quan là dòng NHO GIA"

Tố nga: vế 15: "Đầu lòng hai ả TỐ NGA"

EM LÀ THUÝ VÂN: vế 16: "Thuý Kiều là chị, em là Thuý Vân"

Ba chữ vần GIA, NGA, LÀ được đăng lục ở trang trái (theo A, B, C) với số mạ của vế nó: 14, 15, 16.

Trái lại, trên trang trái, tìm mỗi chữ vần thì thấy số mạ của những vế mang nó: nếu số là lẻ thì là vần (cuối) vế Lục (cột giữa trên trang phải), nếu số là chẵn đại có gạch dưới, thì là vần ~~[illegible]~~ (cột đầu), nếu số là chẵn mà không gạch, thì là vần lưng (sáu) vế Bát (cột ấy cuối)

		trang
1	A OA	1b
2	E Ê I IA OE UÊ UY UYA	8b
3	O Ô U UA	14b
4	Ơ Ư ƯA	15b
5	x I, A OA O Ô UÔ Ơ ƯƠ UI	19b
6	AM	32b
7	ĂM ÂM	32b
8	x M, E Ê I IÊM YÊM	33b
9	ÔM ƠM ƯƠM	33b
10	AN OAN ƠN	34b
11	ĂN ÂN ƯN UÂN ƯN	79b
12	x N, E Ê IÊ YÊ UYÊ IN	83b
13	ON ÔN UÔN ƠN ƯƠN	61b
14	x NG, A OA UÔ ƯỜNG	37b
15	ĂNG ÂNG ƯNG	44b
16	ONG ÔNG UNG	45b
17	IÊNG	44a
18	x NH, A OA Ê I UYNH	51b
19	AO	62b
20	EO ÊU IÊU IU	66b
21	AU ÂU	69b
22	AY OAY ÂY UÂY	73b

I

A OA

1A (85)	ba		43			
16B 23v	bà		83			
	da		22			
	đà		172	288		
	đà (la)		176			
	gia 家		14	275		
	hoa 花		42	78	103	146
2. OA (10)			160	171	177	224
5A 2v	hoa 華		115	152		
	la (đà)		191			
	la (lân)		287			
	là	2	16	24	44	62
		76	84	116	128	154
	ma 魔		88			
	mà (mặn)			23	162	
	mà		60	80	192	
	nga 娥			15		
	nhà		148	153	274	
	pha (tới)		86			
	ra		96	102	203	286
	ra (tha)			170		
	sa		82	104		
	ta		1	74	87	127
	tà		79	97		
	thà		75			
	và (mật)			98		
	xa		61	114	126	147
		178	190	202	276	161

65

	Âm vần	Vần	Chữ vần	Vần 8
1	A	23	55	16
2	ON	2	10	5
			65 =	21 ×3 +2

21 = 22 + 21

I) A[1] OA[2]

0		người ta	khéo là	bể dâu
14	nho gia	tố nga	em là	Thúy Vân
22	màu da	mặn mà	lại là	phần hơn
42	bông hoa	tháng ba	hội là	đạp thanh
60	thế mà	gần xa	xưa là	ca nhi
74	với ta	chẳng thà	gọi là	duyên sau
78	cỏ hoa	ác tà	ai mà	viếng thăm
82	châu sa	đàn bà	cũng là	lời chung
86	phôi pha	người ta	là ma	không chồng
96	bước ra	bóng tà	một và	ngọn lau
102	chẳng ra	vết hoa	châu sa	vắn dài
114	còn xa	tài hoa	còn là	tình anh
126	chẳng xa	biết ta	mới là	chị em
146	dưới hoa	đâu xa	vốn nhà	trâm anh
152	hào hoa	nước nhà	vẫn là	đồng thân
160	tìm hoa	nẻo xa	mặn mà	cả hai
170	tha ra	trướng hoa	chừng đà	thu không
176	la đà	bóng. hoa	nổi xa	bời bời
190	nhủ xa	dò la	đâu mà	đến đây
202	đâu xa	mắc ra	bút hoa	vẽ vời
274	có nhà	thường già	người xa	chưa về
286	vào ra	lân la	may đà	tròn hai

A / OA 2

1. A (53)	bà	809	882				
14 B 20 v	chà	334	606				
	đà	.	292				
	gà	837					
	già 家	371	480				
	lã (khâu)		318				
	là	316	372	418	444	608	
	.	663	828	838			
	mã	296	336				
	nha 衙		597				
	nhà	295	317	429	590	560	
	.	633	654	704			
	.	883					
	qua.	370	481	598			
	ra	291	588	632	884		
	sa sôi.	403	482	562	656		
	sa (song)		428				
	ta	417	443				
	tha (thước)		290				
	thá	664					
	vã (thảo.)		404				
	xa 561	596	703				
	quà	607	655	662	810		

2 OA (13)	hoa	335	402	430	442	589
8 B 4 v	.	634	702	808	827	836
	hoa. 華		416			
	ngoa	826				
	soa		294			

	âm vần	vần	chữ vần	vần 8
1	A	20	53	14
2	OA	4	13	8
		24	66	= 22 x 3

A0 A

KTV

290	khuất	tha	vội	ra	người	đã	rằng	tanh
294	kim	soa	về	nhà	đâu	mà	đến	đây
316	gọi	là	của	nhà	khấn	là	một	vuông
334	mẹ	cha	vì	hoa	đâu	mà	dám	thưa
370	xuân	qua	ngoại	già	mãi	là	hai	em
402	thêm	hoa	mùa	sa	thảo	và	bán	câu
416	tai	hoa	vào	ta	biết	là	có	nên
428	song	sa	tìm	nhà	tiệc	hoa	chưa	về
442	tìm	hoa	đôi	ta	chẳng	là	chiêm	bao
480	tư	gia	bay	qua	mới	sa	quẫn	vồi
588	vội	ra	than	hoa	thu	nhà	mở	sang
560	nói	nhà	một	xa	châu	sa	mây	hồng
596	nhưng	xa	sai	nha	chẳng	qua	vì	tiền
606	chuộc	cha	lại	già	lại	là	tư	tâm
632	kỳ	ra	nỗi	nhà	dạo	hoa	mây	hồng
654	về	nhà	cha	già	mái	sa	một	dâu
662	khỏe	già	cũng	là	chẳng	thà	lòng	tan
702	với	hoa	bao	xa	chia	nhà	tội	tôi
808	nguyệt	hoa	Tú	bà	về	già	kết	duyên
826	chẳng	ngoa	bẻ	hoa	ắt	là	đưa	nhau
836	buổi	hoa	mào	gà	lại	là	còn	nguyên
882	bạn	là	trong	nhà	khi	ra	vội	vàng

I

A OA / 3

1. A () 18.

la		1350			
ba	渡	1324	1364	1468	
bā		1139	1373		
da		923			
dà		984	1070	1432	
đà (đầy)			924		
gia	家		1013		
la (lần)			1287		
la (dò)			1372		
la	萝	1348			
là		1050	1214	1245	
là (rủ)			1233		
ma		970			
mà		1322			
mà (mặn)			1246	1470	
ngà		1389			
nha		1405			
nhà		972	1012	1132	1140
.		1157	1213	1349	
		1469			
ra		922	983	1154	1254
.		1286	1288	1320	
sa	rơi	1049	1138		
ta		971	1014	1069	
.			1362	1431	
tà		1252			
tha		1152			
tra		1193	1404		
xa		1048	1253	1363	
xa (xôi)			1232	1430	

2. OA () 4.

hoa	花	983	1068	1134
.		1212	1234	1244
.		1388	1436	
hòa	和		1374	
tòa		1390		

	Âm vần	Vần	Chữ [illegible]	Vần 8
1	A	26	56	18
2	OA	3	10	4
		29	66	= 22 × 3

922	bước	ra	màu da	đấy đà	làm sao
970	nhã	ma	cho ta	phép nhà	tạo đây
982	dở	ra	hiền hoa	nàng đã	quá tay
1012	cái	nhà	oan gia	đến ta	hay gì
1048	xa	xa	mới sa	biết là	về đâu
1068	đọa	hoa	biết ta	dễ đà	như chơi
1132	lại	nhà	chẳng tha	đập hoa	tơi bời
1138	mầu	sa	đàn bà	lìa nhà	đến đây
1152	mới	tha	Trong nhà	ý sa	dặn dồi
1212	cột	hoa	trong nhà	mới là	người soi
1232	xót	xa	nể là	như hoa	giữ đường
1244	dưới	hoa	kẻo là	mặn mà	với ai
1252	tài	tà	non xa	con sa	thế này
1286	cho	xa	lân la	sau xa	đá vàng
1308	tẩm	hoa	trắng ngà	mặt tôi	thiên nhiên
1320	mà	ra	thu ba	dở mà	buồn tênh
1348	đẳng	la	mái nhà	bằng ba	lửa nồng
1362	mật	ta	chiều xa	phong ba	cũng liều
1372	dò	la	Tì bà	cầm hoa	dám sao
1404	thôi	tra	sai nha	sân hoa	lạy quì
1430	xót	xa	vì ta	chờ đã	kẻo sau
1468	phong	ba	một nhà	mặn mà	hơn xưa

I

A – OA 4

1 A (62) 22B 20v

ba		1863				
bã		1722				
đã		1692	1794	1864		
gia 家		1527	1691	1766		
già		1532				
hà 河		1497				
la (lần)		1572	1767			
là		1488	1528	1538	1642	
	.	1666	1806			
lã (bức)		1801				
ma		1810				
mà		1592	1724	1828		
na (nốt)		1664				
nhã		1481	1489	1526	1534	
	.	1571	1665	1786	1812	
qua	.	1496	1596	1787	1862	
	.	1885	1894			
ra	.	1482	1498	1570	1640	
	.	1768	1802	1840		
sa	. nơi	1826				
ta		1480	1490	1537	1811	
	.	1842				
tra	.	1690	1723	1827	1884	1892
xa	.	1597	1788	1809	1804	
xa (xót)		1792	1886			

2 OA (7) 1B 2v

hoa	1533	1536	1753	1844	
.	1893				
hoà	1641	1805			

	Đơn vần	vần	chữ vần	vật
1	A	20	62	22
2	OA	2	7	1
		22	69 = 23 x 3 chữ vần	23

1480	cho	ta /	trong nhà /	nói	ra /	mối giường	
1488	chẳng	là /	lại nhà /	sau	ta /	biết tình	
1496	mình	gia /	quan hà /	dọn	ra /	cao đình	
1526	ở	nhà /	danh gia /	gọi	là /	Hoạn thư	
1532	cũng	già /	thân hoa /	tìm	nhà /	thì khắng	
1536	trắng	hoa /	cùng ta /	mới	là /	đường trên	
1590	mà	ra /	tả nhà /	lân	la /	dãi tày	
1596	nhủ	qua /	xa xa /	tính	mà /	thần hồn	
1640	mọc	ra /	sáng lòa /	biết	là	làm sao	
1664	mất	ra /	về nhà /	nào	là	tang thai	
1690	đã	trà /	oan gia /	sao	đà /	khác cho	
1722	một	bà /	ngành tra /	cứ	mà /	giải thưa	
1766	mình	gia /	lân la /	nàng	ra /	dạy lời	
1786	là	nhà /	ngày qua /	đường	xa /	thế này	
1792	xót	xa /	chướng hoa /	đồng	đà /	sang xuân	
1800	gần	xa /	bả là /	nàng	ra /	lay mừng	
* 1804	[illegible]						
1810	tình	ma /	đâu ta /	chủ	nhà /	đổi rời	
1826	nhỏ	sa /	hỏi tra /	chỉ	mà /	động dong	
1840	lắng	ra /	con Hoa /	thì	ta /	có đòn	
1862	cho	qua /	điểm ba /	đường	đà /	cạn tâm	
1884	hỏi	tra /	thưa qua /	xót	xa /	nỗi trình	
1892	hỏi	tra /	sân hoa /	~~thảo~~ lên	qua /	mặt tờ	
* 1804	mảo	xa /	đến lòa /	chẳng	là /	Thúc sinh	

I

A OA 3

1 A (58)	ba	2024	2034'				
20 B 20 v	bà	1945	2086'				
	gia 家	1918	2095	2222			
	gìa [illegible]	2085	2235				
	giã (điệu)	2200					
	giả tha	2062					
	la 羅	2256'					
	lã	1964'	2018'	2102'	2224'		
	.	2236'	2258'				
	nhà	1938	2032	2064'	2096'		
	.	2101	2158'	2223	2257		
	.	2302'					
	qua.	2047	2063	2301			
	ra	1910	1920'	1939	1946'		
	.	1963	1979	2046	2144'	2157	
	rã (quẻ?)	2102'					
	sa rồi	2017					
	sa (cà)	1919					
	ta	1911	1963	2048'	2201		
	tà	2016					
	tha	2156					
	tra	2300					
	trà	1922					
	xa	1924	1978	2033	2084		
		2094	2100	2142	2234		

2. OA (8)	hoa	1912	1923	1940	~~1944~~
2 B 1 v		1980	2016	2025	2143

âm vần	vần	chữ vần	vần #
A	20	58	20
OA	1	8	2
	21	66	⇒ 22 x 3

1910 bước	ra /	vườn ta /	có hoa /	bốn mùa
1918 xuất	gia /	cà sa /	tên ra /	Trạc Tuyền
1922 hương	trà /	vườn hoa /	dường ra /	bụi hồng
1938 vẽ	[illegible] /	lẻn ra /	vườn hoa /	với nàng
1944 cho	hoa /	đàn bà /	nói ra /	ngại lời
1962 duyên	ta /	cho ra /	ấy là /	ơn sâu
1978 nảo	xa /	đứng ra /	đuổi Hoa ×	bước vào
2016 bể	hoa /	nước sa /	cũng là /	lênh đênh
2024 trống	ba /	tường hoa /	tràng tà /	về tây
2032 tả	nhà /	nẻo xa /	am ba /	chữ bài
2046 dở	ra /	dạy qua /	lã ta /	hậu tình
2062 cửa	già [illegible] /	xem qua /	của nhà /	Hoạn nương
2084 tình	xa /	bợm già /	Tú bà /	đồng môn
2094 lanh	xa /	phá già /	vào nhà /	nữa đây
2100 nào	xa /	cháu nhà /	suốt rà /	chẳng ai
2142 cho	xa /	thẩm hoa /	mụ ra /	vội vàng
2156 chùa	tha /	bước ra /	tờ nhà /	hiệu đi
2200 mấu	già /	đến ta /	cũng là /	có nhau
2222 nghỉ	già /	không nhà /	biết là /	đi đâu
2234 xa	xa /	thông già /	biết là /	cố nguồn
2256 tiếng	la /	quanh nhà /	nào là /	phu nhà
2300 đợi	tra /	truyền qua /	một nhà /	cho yên

- hoa [tr]

A 55 / OA 6

1A (65) ba 2780'

228 24v bà 2363 2381 2772'

ca (kẩu) 2362

cha 2480 2756 2778

đà 2742'

gia 家 2589

già (tuổi) 2332'

già dặn 2718

hà 河 2440

la (dối) 2741

la (bao) 2626

là (ủi) 2705

lá 2330 2354' 2404' 2430'

. 2482' 2624' 2656' 2758'

2382'

. ma 魔 2391 2391

mà (mặn) 2497

mà 2392' 2402 2720'

nhà 2429 2433 2481 2740

. 2771

qua. 2496 2535

ra 2353 2486 2498'

. 2534 2536 2588 2628'

. 2654 2719 2770 2779

sa . rời 2441 2484

ta 2364' 2390 2434' 2590'

. 2380 2622 2627 2655

tha. 2428

tra 2352

xa 2403 2432 2488 2757

2 OA (4) hoa 花 2623

1B 4v hòa 2706'

ngọa 2704

tòa 2442'

	Âm vần	Vần	Chữ Vần	Vần đ
1	A	24	65	22
2	OA	4	4	1
		28	69 =	23 ×3

	2330	gọi	là /	tình	ma /	bà	già	gặp nhau
	2352	hận	tra /	nấp	ra /	tên	là	Hoạn thư
	2362	kiến	ca /	đàn	bà /	người	ta	thường tình
	2380	tại	ta /	Bạc	bà /	bến	là	Sở Khanh
	2390	phụ	ta /	tình	ma /	kêu	mà	ai thương
	2402	đó	mà /	phương	xa /	vốn	là	tiền trí
	2428	mà	tha /	việc	nhà /	mới	là	cao âu
	2432	cách	xa /	mặt	nhà /	là	ta	cam lòng
112	2440	sờn	hà /	mưa	sa /	nấu	tòa	cõi Nam
	2480	mẹ	cha /	vì	nhà /	hai	là	đặc trung
*	2484			gần	xa	bưng	ra	nói vào
*	2496	cho	qua /	mặn	mà /	trở	ra	thế hằng *
	2534	ngã	ra /	người	qua /	việc	ra	dồn dần
	2588	nhớ	ra /	quốc	gia /	người	ta	trông vào
121	2622	trước	ta /	tiên	hoa /	gọi	là	để sau
	2626	bao	la /	đãi	ta /	mà	ra	phụ lòng
	2654	mà	ra /	tại	ta /	tình	là	dây oan
212	2704	chẳng	ngoa /	áo	là /	chưa	lòa	bóng gương
	2718	đã	già /	tên	ra /	đệ	mà	giả nhan
	2740	lại	nhà /	dò	la /	nay	đà	khác xa
	2756	chước	cha /	dời	xa /	cũng	là	Thúy Vân
	2770	chạy	ra /	vào	nhà /	ông	bà	ra ngay
	2778	xin	cha /	chân	ra /	dậu	ba	bốn lần
*	2484	nước	sa /	gần	xa /	bưng	ra	nổi vào *

I
A - OA 7/1

A (54)	ba	3024	3112	3250	
(19B / 21v)	bà	2820	3113		
	cha	2979			
	già	2884	3008		
	la (lăn)	2989			
	là (biển)	3130			
	là	2882	2940	2980	3106
		3132	3182	3198	3230
	ma 魔	2976			
	nha 衙	3057			
	nhà	2898	2990	3007	3131
		3175	3228		
	pha	2938			
	qua	3150			
	qua 过	2939			
	ra	2809	2818	2897	3006
		3022	3056	3108	3176
	rà	3181			
	sa rơi	3097			
	ta	2974	3112	3151	3180
		3249			
	tha	2883	2978		
	xa (xôi)	2808			
	xa	2975	2988	3107	3196
		3229	3248		
	xa (xẩu)	3096			

OA (9)	hoa 花	2810	2919	2896
2B 2v	.	3023	3058	3098
	.	3152	3174	
	hoà 和	3197		

	Âm vần	vần	chữ vần	vần B
1	A	21	54	19
2	OA	2	9	2
			63	= 21 × 3

2808 Xới	ra	chân ra	trời hoa	dạt bèo
2818 trở	ra	vườn hoa	ông bà	cũng sang
2882 chồng	bà	hỏi tra	lại già	thưa lên
2896 kẻ	hoa	trốn ra	một nhà	Bạc kia
2938 cũng	pha	can qua	hoạ là	thấy nhau
2974 đâu	ta	gần xa	làm ma	khói người
2978 hỏi	tra	này cha	này là	em dâu
2988 chẳng	ra	lâu la	nhớ nhà	khôn khuây
3006 bước	ra	một nhà	huyên già	còn tươi
3022 bước	ra	dầu hoa	gầy ba	bốn phần
3056 bước	ra	quan nha	tiệc hoa	vui vầy
3096 xăm	xa	mưa sa	mây hoa	cũng tài
3106 mới	là	gần xa	đổi ra	cầm kì
3112 có	tra	đàn bà	có ba	bảy đường
KTV 3130 bởi	tại	một nhà	đổi là	xứng đôi
3150 cho	qua	người ta	bể hoa	cuối mùa
3174 trăng	hoa	một nhà	mới ra	sắt cầm
3180 người	ta	một sà	mới là	tương tri
3196 gần	xa	đường hòa	hay là	Trang sinh
3228 mái	nhà	phương xa	biết là	tin đâu
3248 trời	xa	lưng ta	bằng ba	chữ tài

II. E Ê I, OE UÊ, IA, UY, UYA 1

1 E	(9)	e	164	322				
3,,	6v	che	39					
		nghe	112	134				
		nhe	320					
		rè	321					
		the	249	431				
2 Ê	(19)	bê	54					
7,,	9v	dề (dầm)	226					
		ghê	248					
		kề [illegible]	38					
		khê 溪	53					
		lê 梨	438					
		mê 迷	165	436				
		nề (nặng)	113					
		về	40	52	114	133	166	
			250	276	306	368	430	
3 I	(27)	chi	181	465	508			
10,,	14v	đi	180	260	510			
		gì	64	182	224	234		
			262	308	340	462		
		ghi	356					
		kì 鐘期		464				
		khi	338					
		nhi 兒	62					
		qui 葵	357					
		ri	261					
		si 痴	339					
		thi 詩	133					
		thì 時	63	358	509			
		thì	466					
3 I'		tri 知	460					
4 OE	(1)	hòe 槐	437					
5 UÊ	(2)	huề [illegible]	278					
		thuê	277					
6 IA	(5)	chia	367					
2,,	2v	kia	232	307	366	461		
7 UY	(1)	suy	233					
8 UYA	(2)	khuya	225	432				

	âm v	vần	chữ v	vế
1	E	9	4	3
2	Ê	19	9	7
3	I	27	14	10
4	OE	1	1	0
5	UÊ	2	2	0
6	IA	5	2	2
7	UY	1	1	0
8	UYA	2	1	0
		66	[34]	22 x 3 dòng

E1

E Ê I OE VÊ IA VY VYA
1 2 3 4 5 6 7 8

1

212	38	cấp kê	màn che	đỡ về	mặc ai
.222	52	ra về	tiếu khê	có bề	thênh thênh
.333	62	ca nhi	một thì	hiểu gì	yêu anh
122	112	khó nghe	nàng về	dám về	còn xa
321	132	cỗ thi	dở về	tiếng nghe	dần dần
123	164	còn e	cơn mê	đứt về	chín khôn
.333	180	bỏ đi	làm chi	duyên gì	hay không
382	224	cố gì	canh khuya	dầm dề	dọt mưa
673	232	thế kia	mã sụy	xa gì	mai sau
242	248	dài ghê	song the	đi về	chầm bưu
.333	260	chân đi	xanh rì	thấy gò	nửa đâu
255	276	chưa về	hồi thuê	đê huề	dọn sang
263	306	chân về	bến kia	sá gì	của rồi
.111	320	chẳng nhe	mụt rè	người e	cúi đầu
.333	338	mây khi	tình si	ích gì	đến ai
.333	356	làm ghi	hoa quì	tiếc thì	đổi tra
662	366	ươi! kia	sương chìa	đi về	cha nâng
[illegible]	430	chưa về	rèn the	vườn khuya	một mình
242	436	như mê	giải hoè	hoa lê	lại gần
363	460	trường tri	hoa kia	tiếc gì	với ai
.333	464	Chung kì	sá chi	dạy thì	phải vâng
.333	508	làm chi	ở thì	bỏ đi	một ngày

II
E Ê I OE
UÊ IA UY, UYA 2

1 E (5)	nghe	523	974				
2,, 3v	se	696					
	xe	870	894				
2 Ê (20)	bề	576	730	954	975		
6,, 10v	bề (bễ)	895					
	dễ (dễ)	575					
	khê 溪	535					
	lề	814					
	nề nặng	847					
	nghề	816	976				
	quê	815					
	khề	707	728	745			
	về	534	574	694	744	846	
3 I (37)	chì	840	939				
12,, 17v	đi	781	794	846	868		
	gì 618	652	690	706	796	841	
		848	956				
	ghi	650					
Kì = đời Kì = buổi	kì 期	616	692	729			
	kì 歧	869					
	khi	522	795	958			
	li 離	780	953	617			
	mi (trời)	845					
	ni (nầy)	896					
	nghi 疑	844					
	nghì 義	708	746				
	qui 為	651	957				
	quỉ 瑰	842					
	thì	940					
	vi 圍	938					

	I'	vì	524	691
	4. OE (0)			
	5. UÊ (1)	huề	532	
1,,	6. IA (2)	chia	782	
1,,	2v	kia	952	
	7 UY (0)			
	8 UYA (1)	khuya	695	

	âm vần	chữ v	vần	vần 8
1	E	3	5	2
2	Ê	10	20	6
3	I	17	37	12
4	OE	0	0	0
5	UÊ	1	1	1
6	IA	2	2	1
7	UY	0	0	0
8	UYA	1	1	0
		34	66 =	22 x 3 dòng

522	có khi	dễ nghe	thâm vì	mười phân
532	để huề	sơn khê	sinh về	hộ tang
574	mới về	đã dễ	bẩn bề	xôn xao
17 616	bất kỳ	sinh li	tiếc gì	đến duyên
650	làm ghi	vu qui	việc gì	chẳng xong
690	khó gỡ	giúp vì	3 trụng lì	cũng xong
694	đi về	đêm khuya	tóc se	mối sầu
706	còn gì	hương thề	đêm nghĩ	trúc mai
728	chán thề	2 bất kì	hai bề	vọn hai
744	chị về	lời thề	con nghĩ	trúc mai
780	sinh li	người đi	tơ chưa	xứ tằm
794	khi đi	có khi	còn gì	mà mong
814	đã lề	khi quê	dạy nghề	ăn chơi
840	mất chi	điều gì	buổi qui	mà thôi
844	sinh nghi	thà mi	đường đi	lối về
846	lối về	nặng nề	tiếc gì	đến hương
868	ra đi	4 phân kì	bánh xe	gập ghềnh
894	nuôi xe	bề lề	nằn nì	thấp cao
938	tá vi	biết chi	mụ khi	khẩn ngay
952	bên kia	lưu li	cam bề	tiểu tình
956	phận gì	vu qui	lại khi	đứng ngồi
974	đành nghe	một bề	ngừa nghề	sớm sao

IV E Ê I
oE uÊ Ia
uy uya 3

1 E (3)		hè	1240		
1..	3v	hè 夏	1305		
		khe (nhãn)	1218		
2 Ê (17)		bê	1389	1419	
6..	9v	chê	1209		
		dê	1086	1451	
		kê	1239		
		mê	1210	1291	1304
		nghề	1208	1220	1459
		phê	1452		
		quê	1290		
		vế	1292	1390	1418
3 I (30)		chi	1164	1326	1400
10..	15v	đi	980	1107	
		gì	981	1014	1108
			1110	1112	1238
		nì (nẫn)	1015		
		nghi	1181		
		nhi 兒	1106	1277	
		phi 飛	1016	1446	1558
		qui	1402	1406	
		sĩ	1407		
		thì	1445	1560	
		thì 時	982	1088	1163
		tri (trì)	1401		
		tri	1327		
		vi 圍	1444		
		vì	1328		

4 OE (1)		hòe	1306			
5 UÊ (2)		khuê 閨	1219	1278		
6 IA (7)		bia	1586			
4..	3v	chia	1038	1388		
		kia	1036	1362	1420	1584
7 UY (5)		Thuy	1276			
1..	3v	suy	1087	1585		
		uy	1408	1559		
8 UYA (1)		khuya	1037			

	âm v	vần	chữ v	vần 0
1	E	3	3	1
2	Ê	9	17	6
3	I	15	30	10
4	OE	1	1	0
5	UÊ	1	2	0
6	IA	3	7	4
7	UY	3	5	1
8	UYA	1	1	0
		36	66	= 22 x3 dòng

(6)

3

E3

		980	ra đi	tiếc gì	tuế thì	dở ra
		1014	hay gì	nằn nì	thị phi	rạch ròi
686		1036	dặm kia	đêm khuya	như chia	tấm lòng
		1085	thuê đề	mà suy	Tuất thì	phải chăng
		1106	kiện nhí	ra đi	chuốc gì	lại hơn
333	*	1110	cớ gì	sinh nghi	quản gì	được thân
		1162	trở kia	tức thì	trây chi	mà đời
		1208	tám nghề	thoa chê	cho mê	ngần đây
152		1218	khắt khe	phòng khuê	những nghề	nghiệp hay
		1238	là gì	hoa kề	bồn hè	trăng thâu
735		1276	Lâm truy	Kiều nhi	hương khuê	gửi vào
		1290	lại quê	mười mê	quay về	với xuân
214		1304	thì mê	gọi hè	lập lòe	đơm bông
		1325	lăm chi	tương tri	nặng vì	nước non
		1388	phân chia	mặt bề	lại về	lầu xanh
		1400	làm chi	tri tri	cao quí	cửa sông
		1406	lạy quì	đen sì	ra uy	nặng lời
		1418	phố về	một bề	tờ kia	mấy lần
		1444	giả vờ	thế thì	thị phi	hết điều
		1450	trình nghề	tay đề	ơn phê	xem tường
		1558	thì phi	ra uy	đưa thì	bẻ rằng
676		1584	nọ kia	hay suy	(thằng) [illegible] bịa	miệng người

II E Ê I OE
uê Ia uy uya 4

1. E (4)		nghe	1848	2105			
1 ~	2 v	the	1625	1850			
2. Ê (19)		ê (ủ)	1991				
6 \	10 v	bề	1646	1800			
		dề (dõ)	1799.				
	trễ	dề (ê)	1616.				
		ghê	2307.				
		hề	2104				
		mê	1615	1849			
		quế	1798.	2078			
		Tề 齐	1624				
		về	1614	1766	1990	2080	
			2106	2300	2308		
3 I (37)		y 衣	1743.	2264			
13 \	15 v	chi	1754	1764	1858	2159	
		chỉ	1744	1877			
		di	2105	2158	2216	2227	
		gì	1644	1756	1859	1878	
			2074	2124.	2226		
		kì 期际	.	1755.	2075	2228*	lúc
		nghi 仪寿		2263			
		nhi 儿		2218			
		phi 非是		1876			
		qui 苟手		2262			
		tì 婢		1742.	1992		
		thì	1860.	2076	2106	2290	
		thì 时	1645.	1765.	2160.		
		tri 知相	2217.				
		vi 微宾		2288			

4	OE				
5	VÊ				
6	IA (3)		chia	1626	
		2 v	kia	2079.	2299
7	UY (3)		uy 威	2306	
2 ~		2 v	Trung 增监		2289 2298
8	UYA				

	âm v	vần	chữ v	vần #
1	E	2	4	1
2	Ê	10	19	6
3	I	15	37	13
4	OE	0	0	0
5	UÊ	0	0	0
6	IA	2	3	0
7	UY	2	3	2
8	UYA	0	0	0
		31	66 =	22 dòng x 3

dùng 224
227

1614 nặng về –	cho mẹ –	ê dề trề –	cho coi
1624 biển Tề –	song the –	như chia –	mối sầu
1644 biết gì –	tức thì –	bốn bề –	lửa chong
1742 thị tì –	thanh y –	da thì –	quản bao
1754 nhìn chi –	bất kì –	kêu gì –	được oan
1764 mà chi –	qua thì –	mới về –	ninh gia
1798 thăm quê –	dã dề –	mọi bề –	gần xa
1848 chẳng nghe –	tê mê –	bình the –	vặn đàn
1858 ấy chi –	tứ gì –	tội thì –	tại người
1876 thị phi –	như chi –	còn gì –	là duyên
1990 cũng về –	ủ ê –	hoa tì –	trước sau
2074 hợp gì –	bất kì –	thế thì –	cũng thương
2078 còn quê –	bến kia –	đi về –	dầu hương
2104 chẳng hề –	phải nghe –	liệu về –	chân Thai
2124 quản gì –	ra đi –	tức thì –	sắm sanh
2158 liệu đi –	tình chi –	nửa thì –	chưa thôi
2216 xia đi –	tương tri –	mấy nhi –	thương tình
2226 vội gì –	ra đi –	đến kì –	dồn khơi
2262 vu qui –	loan nghi –	hà y –	rõ ràng
2288 hàn vi –	Lâm truy –	nọi thì –	xót thương
2298 Lâm truy –	xưa kia –	bắt về –	đợi tra
2306 giúp ông –	chỉn ghê –	tóm về –	đôi nơi

II
E Ê I OE uÊ Ia uy uya 5

1 E (2) — 2 ⌃ 2 v
nhe (nhẩn) 2824
ve 2832

2 Ê (13) — 3 ⌃ 7 v
bề 2477 2729
kề 2728
mê 2796. 2833
nghề 2890
trề (ê) 2893
về (vỗ) 2798
về 2478 2730 2826.
. 2888 2894

3 I (41) — 15 ⌃ 18 v
y 衣 2664
bì 2889
chi 2423 2466 2638 2677
đi 2422 2664 2678 2788
. 2899
gì 2410 2444 2446 2468
. 2476 2640 2676 2900
kì 旗 2312
kì 期 2405 *kíu
khi 2398. 2880
li 離 2639. 2797 2870
nghi 疑 2878
nghi 仪 2311
nghì 2424
nhi 兒 2789. 2872
phi 飛 ?? 2310
qui 為 2396. 2841
thì 2406 2412 2790
thì 時 2397. 2840
tri 知 2404 2411

4 OE

5 UÊ (1) thuê 2825

6 IA (5) — 2 ⌃ 2 v
kia 2665 2842
. 2892 2898
lìa. 2834

7 UY (4) — 2 v
thủy 2445 2467
Truy 2871. 2879

8 UYA

	Âm vần	Vần	chữ vần	vần B
1	E	2	2	2
2	Ê	7	13	3
3	I	18	41	15
4	OE	0	0	0
5	UÊ	1	1	0
6	IA	2	5	2
7	UY	2	4	0
8	UYA	0	0	0
		32	66 =	22 × 3 dòng

dùng 221
221
227

E-5

.333	2310	song	phi	–	mỹ nghi	/	tình kì	–	rập dân	
.333	2396	tử	qui	–	nhất thì	/	mấy khi	–	bạn hoàn	
.333	2404	tiền	tri	–	chi kì	–	nửa thì	–	năm năm	
.333	2410	vội	gì	–	tiền tri	–	ít thì	/	chẳng sai	
.333	2422	đỡ	đi	–	xiết chi	/	đến nghì	–	trời mây	
373	2444	sá	gì		biên thùy	–	thiếu gì	–	bá vương	
373	2466	mà	chi	–	biên thùy	–	làm gì	–	được nhau	
322	2476	hẹp	gì	–	hai bề	/	liệu về	/	cố hương	
.333	2638	làm	chi	–	liều li	–	còn gì	–	là thân	
363	2664	mà	đi	–	nạn kia	–	thanh y	–	một lần	
.333	2676	còn	gì	–	hề chi	/	nhắc đi	–	còn nhiều	
.222	2728	ngồi	kề	–	trăm bề	/	nàng về	–	thảo lư	
.333	2788	ra	đi	–	Kiều nhi	/	con thì	–	ở đâu	
232	2796	lại	mê	/	biệt li	–	vỗ về	–	nài khuyên	
152	2824	nhàn	nhe	–	của thuê	/	đi về	–	dặm khơi	
126	2832	mình	ve	–	lúc mê	–	hồn kia	/	chiêm bao	
336	2840	nửa	thì	–	ru qui	–	sầu kia	–	được nào	
373	2870	lưu	li	/	Lâm truy	–	thê nhi	–	một đoàn	
373	2878	tin	nghi	/	Lâm truy	–	hoặc khi	–	có lầm	
232	2888	đưa	về	/	ai bì	/	đủ nghề	–	vân thơ	
622	2892	thệ	kia	–	e [illegible]	/	gả về	–	Phúc lang	
633	2898	Bạc	bà	/	bán đi	/	thiếu gì	–	là nơi	

II
E, ÊÊI, OE
uÊ Ia uy uya 6|

1 E

2 Ê (5) Đề (bỏ) 2987
1,~ 3v kề 2988
vè 2986. 3032. 3184

3 I (24) bi (tỏi) 3030
8,~ 12v chi 3044. 3076
đi 3001 3048 3075. 3144
gì 2914 2918. 3045 3183
ghi 3145
khi 2905. 3000 3050
li 2915
nghi 3002
thì 2906
thì đị 3031 3046. 3049 3074
tri ko 3182

bì 3237

1,~ 4 OE (1) hòe 3236
5 UÊ
6 IA (1) bia 3238
1,~ 7 Uy (2) tùy 3146
2 TRUY [illegible] 2904

	âm vần	vần	chữ v	vần 8
1	E	0	0	0
2	Ê	3	5	1
3	I	12	24	8
4	OE	1	1	1
5	UÊ	0	0	0
6	IA	1	1	0
7	UY	2	2	1
8	UYA	0	0	0
		18	33 =	11 × 3 dòng

dòng { 11 | 11 ((1,1)

E6

633	2904	Lâm	truy	mọi	khi	ân	thì	giả	ân
.333	2914	là	gì	loạn	li	thiếu	gì	tái	tổ
.222	2986	nước	về	Bồ	đề	gần	kề	chẳng	xa
.333	3000	một	khi	tìm	đi	hồ	nghi	nửa	phần
332	3030	tù	bi	tứ	thì	cùng	về	một	nơi
.333	3044	làm	chi	hay	gì	qua	thì	thì	thôi
.333	3048	ra	đi	nhất	thì	phải	khi	tông	quyền
.333	3074	gặp (kịp)	thì	bạt	đi	kể	chi	bây	giờ
.336	3144	bỏ	đi	tình	ghi	xướng	tùy	mấy	nay
332	3182	trường	tri	thiếu	gì	cũng	về (vì)	đêm	nay
436	3236	quế	hòe	ai	bì	để	bia	muôn	đời

III
O Ô U Ua
1/1.

1 O (20) bò 1546
7/. 9v co 1345. 2021
cho 94 998 1200 1344
1346 1544 1692 2322
dò 1198 1694
hò (hẹn) 1006
lo 1545
no 2020
to 95 1693 2650
trò 3153

2. Ô (13) bồ 蒲 999
2/. 11v cô 姑 2649
đồ (đồ đạc) 2022
đồ (chỗ) 2460
đồ 圖 2461
hồ 湖 1593. 1987
hồ 瑚 1913
* mồ 96 2962
ngô 梧 1592
Ngô 吳 2462

3 U (21) bù 1194
3/. 14v chu 珠 2961
du 遊 2648
phu 孚 2320
phu (công) 夫 1199
phù 俘 2351
ru 347.
ru! 346 1192 3104
tu 修 3193. 3106

* hồ 壺 1834

Ư tù 酋 2960
tù 囚 2352
thu 秋 348. 1832 3105
thù 酬 1833 2321
thù 讎 2350 3154

4 UA (6) chùa 1914
3/. 4v mua 1988
mùa 1594. 1912 3152
thua 1986

	âm V	Vần	chữ V	Vần 3
1	O	9	20	7
2	Ô	11	13	2
3	U	14	21	8
4	UA	4	6	3
		40	60 =	20 dòng × 3

O Ô U UA
1 2 3 4

				1	2	3	4
112	94	biết	cho	nhỏ to	trước mồ	Bước ra	
. 333	346	lẩm	ru	nhè ru	xét thu	ngại ngùng	
121	998	đã	cho	liễu bồ	hẹn hò	về sau	
. 333	1192	mãi	ru	đường tu	đền bù	cho xuôi	
133	1198	dặm	dò	công phu	biết cho	dở điều	
. 111	1344	ấy	cho	tay co	điếm cho	một vài	
. 111	1544	ghẩu (xấu?)	cho	mà lo	có bò	đi đâu	
224	1592	tin	ngộ	giang hồ	mấy mùa	gió trăng	
. 111	1692	thái	cho	nạn to	thấm dò	dựa tin	
332	1832	đêm	thu	chén thù	trĩ hồ	hai bên	
424	1912	bởi	mùa	sao hồ	giữ chùa	tưng tình	
424	1986	nào	thua	giang hồ	nến mưa	lấy tài	
112	2020	ầm	no	quanh co	mọi đồ	kim ngân	
333	* 2350	báo	thù	hiến phù	phạm tù	hậu tra	
. 222	2460	hồ	đồ	cỡ đồ	sông Ngô	tung hoành	
321	2648	vân	du	đào cô	nhỏ to	sự vàng	
332	2960	thổ	tù	trâm chu 珠	ấy mà	hồng nhan	
. 333	3104	lẩm	ru	phong thu	là tù	mới là	
413	3152	cuối	mùa	bay trò	mà thu	đáy thôi	
331	* 2320	cho	phu	giả thù	để cho	mặc nàng	

IV
Ờ Ừ ỪA 1

1 Ơ (40) cờ 棋 642 1147
14 v. 25 v cờ 旗 120
cờ 期 338
chờ 303 366 352 1040
dờ 852
giờ 70 118 . 1042 . 1076
chờ ? giờ (cờ) 1044
lờ 72
mờ 485
ngờ (ngờ) 302 364 486 589
ngờ 590
sờ 106
sờ (sờ) 541
* tờ 228 540 552
570 588
tờ 1148
tờ (nhờ) 71
thơ 詩 640
thờ (ngày) 287
thờ (thời) 542
thờ 933
trờ 850
trờ (rồng) 365
vờ 1041 1074
xờ 572
2 Ư (3) sư 師 932
1 v 2 tư 思 568 725

* tờ (thời) 1241

3 ỪA (23) ưa 641 1240
7 v. 10 v chừa
chữa 108 1146
đừa 304
mừa 226 . 484 . 554 . 567
. 857 . 1045 1075 1242
337
sửa 566 571 934
thừa 119 336 724
thừa 726
vừa 1046
xưa 107

	âm v	vần	chữ v	vần 8
1	Ơ	25	40	14
2	Ư	2	3	1
3	ỪA	10	23	7
		37	66 = 22 × 3	
			dòng	chữ v

ơ ờ · ừa

70	bao	giờ	như tờ	rêu lờ	mờ xanh
106	đời	sờ	khua xưa	có chưa	ai đâu
118	bây	giờ	kịp thưa	cuốn cờ	đến ngay
228	đợt	mưa	ngây thơ	tóc tơ	chưa dài
302	ngẩn	ngơ	đợi chờ	xa đưa	ướm lòng
338	dàn	thưa	mai mưa	tình cờ	mấy khi
364	ngẩn	ngơ	nâng trơ	bên chờ	cuối trời
486	tổ	mưa	khi mơ	cũng ngờ	ngẩn sầu
540	trao	tờ	sờ sờ	mà thờ	thởi lòng
552	lòng	tơ	nằm chờ	nằm mưa	xót thân
566	nhạn	sưa	tuần mưa	tương tư	một ngày
570	bùi	tờ	song sưa	liễu xơ	xác vàng
588	bản	tờ	ngẩn ngơ	ân ngờ	rừng mây
640	quạt	thờ	một tia	tùng cờ	dật dìu
724	sẽ	thưa	tương tư	tờ thưa	mặc em
850	ngồi	trơ	tuôn mưa	phấn dờ	nỗi mình
932	trên	sư	phụng thờ	cho sưa	mối hàng
1040	mai	chờ	bờ vờ	bao giờ	cho phai
1044	đó	giờ	nắng mưa	đã vừa	người ôm
1074	giờ	vờ (chờ vờ)	nắng mưa	bao giờ	lạc thôi
1146	cũng	chừa	tùng cờ	bắt tờ	cung chiều
1240	chẳng	rìa	cành tơ	càng mưa	càng nồng

IV
Ơ Ư ƯA 2

1 Ơ (36) 8. 17 v

cờ 杌		2505. 2516. 2528	
cờ 旗	2256. 2512		
cờ 期	2177. 2506		
giờ	1668	1816. 1994	
	2274. 2335. 2356		
mở	1264		
ngờ	1817. 1896	2255	
ngỡ	2513		
nhớ	1908. 2278		
sờ	2355		
tờ chời	1281		
tờ	1263	1296	1530
	1818	1974	1995
tớ	1894. 1907		
thờ (ngập)		2277	
thờ 詩	1294	1669	
thờ (bờ)		1726	
trò	2526		
vờ (vật)		2178	

2 Ư (5) 3. 3 v

dư	1996		
hư	2504		
thư 殂	1528. 1895. 2354		

3 ƯA (25) 11. 11 v

rửa	1280.	2176	2273	
chưa		1262.	1976	2276
đũa (đong)		1410		
dừa	1529			
lừa	1412			
mưa	1282.	1670	1725.	2336
thưa	1724			
thừa	1411.	2527		
tưa	1295	1471		
vừa	1472	1906	2334	
xưa	1470	1975	2254	2272

	âm vận	vần	chữ vần	vần
1	Ơ	17	36	8
2	Ư	3	5	3
3	ƯA	11	25	11
		31	66 =	22 × 3 dòng

1262	chờ	chừa	vỡ tờ	những mỏ	canh dài
1280	chẳng	lìa	cành tỏ	càng mưa	càng nồng
1294	mối	thờ	nâng trưa	đường tơ	họa đàn
1410	đong	đưa	hương thừa	đánh lừa	con đen
1470	hơn	xưa	sơ trưa	sen vừa	nảy xanh
1528	Hoạn	thư	gió đưa	xe tơ	những ngày
1668	bấy	giờ	lầu thơ	nắng mưa	bồi bường
1724	giữi	thưa	mây mưa	bơ thờ	quen thân
1816	bây	giờ	ngẩn ngơ	như tơ	rối bời
1894	một	tờ	triển thi	ngẩn ngơ	chút tình
1906	mới	vừa	trong tờ	xin nhờ	của không
1974	kéo	đờ	sau xưa	lời chưa	hết lời
1994	nửa	giờ	chân tờ	đã dư	tơ tường
2176	cũng	rửa	tương cờ (kì)	vật vờ	hay sao
2254	rước	xưa	ngẩn ngơ	bóng cờ	tiếng la
2272	như	xưa	duyên ưa	bao giờ	hay không
2276	ấy	chưa	ngây thơ	được nhờ	bóng cây
2334	cho	vừa	bây giờ	như mưa	rót dần
2354	Hoạn	thư	chào sơ	bấy giờ	đến đây
2504	thực	hư	thừa cơ	khác cờ (kì)	tập công
2512	kéo	cờ	chẳng ngờ	sa cơ	cũng hèn
2526	trở	trò	có thừa	nên cơ	hội rày

E IV

Ơ Ư ƯA 3

1 Ơ (31)		cờ 棋	3108				
6..	11v	đỗ	3110				
		chờ	2711				
		giờ	2576	2752	2845	2918	
			2955	3011	3076	3095	
		hờ	3124				
		ngờ	2768				
		ngỡ	3012	3123			
		sơ 初	2575				
		tờ	2776	2846	2849	2916	
			2956	3074	3109		
		tờ	2751	2775 (nhỉ)	2824		
		thơ (trên)		2574			
		thơ 詩		2890			
		thờ (thần)		2794	2916		
		vờ		2917			
2 Ư (4)		dư	2918				
1..	4v	hư 虛	2730				
		Từ	2917				
		thư	2823				

3 ƯA (31)		ưa	3042				
15..	11v	chừa	2774				
		dừa	2732	2792	3041		
		đừa	2850				
		lửa	2892				
		mừa	2744	2667	2793	3078	
		sửa	2743	2766			
		thừa	2712	3096			
		trưa	2731				
		vừa	2891	3040	3073		
		xưa	2710	2742	2750	2822	
			2844	2848	2954	3010	
			3072	3077	3094	3122	

	âm v	vần	chữ v	vần 8
1	Ơ	11	31	6
2	Ư	4	4	1
3	ƯA	11	31	15
		26	66 =	22 × 3

dòng chữ v

2574	cõn thơ /	ngày sờ /	bây giờ /	là đây
2710	ngày xưa	lòng chờ /	năm thừa /	ở đây
2730	thảo lư /	sớm trưa /	muối dưa /	chay lòng
2742	khác xưa	lừa sửa /	vách mưa /	rã rời
2750	năm xưa	nhu tơ /	bây giờ /	hỏi ai
2766	phấn sửa	dầm mưa	càng ngờ /	ngẩn dường
2774	cho chưa	như tơ /	tóc tơ /	với chàng
2792	như dưa	tuôn mưa /	thẩn thờ /	hôm mai
2822	ngày xưa	chép thư /	đưa tờ /	nhắn nhe
2844	tình xưa	bao giờ /	vò tơ /	trăm vòng
2848	ngày xưa	tiếng tơ /	gió đưa /	lay rèm
2890	vẫn thờ /	gan vừa /	phải lừa /	thì lừa
2916	tóc tơ /	họ Từ /	sức dư /	muôn người
2926	thẩn thờ /	bơ vơ /	bao giờ /	cho xong
2954	sau xưa	bây giờ /	tóc tơ /	rành rành
3010	ngày xưa	bao giờ /	còn ngờ /	nhiêm bao
3040	cũng vừa	muối dưa	đã ưa /	nâu sồng
3072	nguyền xưa	khi vừa /	xe tơ /	gặp thì
3076	bây giờ /	nước xưa	dầm mưa /	đã nhiều
3094	mai xưa	đến giờ /	đã thừa /	xâu xa
3108 3108	cầm cờ (kỳ) /	xe tơ /	lại dở /	cả đời
3122	năm xưa	mà ngờ /	hững hờ	chàng Tiêu

E

IV

Ơ Ư ƯA 4·

1 Ơ (8)	cờ 棋	3221	
1. 6v	chờ	3222	
	giờ	3136	3192
	tờ (bài)	3135	
	tỏ	3191	.3213
	thơ 詩	3220	
2 Ư			
3 ƯA (4)	chùa	3212	
3. 3v	vừa	3214	
	xưa	3134	3190

âm vần	vần	chữ v	v.8
1 Ơ	6	8	1
2 Ư	0	0	0
3 ƯA	3	4	3
	9	12	= 4 ×3 dòng

3134 tình xưa — đào tơ — bây giờ — là đây

3190 ngày xưa — đường tơ — bây giờ — mới thôi

3212 cũng chừa — tóc tơ — trời vừa — rạng đông

3220 cầm thơ — cuộc cờ — khi chờ — trăng lên

Ả, Õ, Õ, Ũ, Ũ} 1
OA, UÕ, UÕ}

1 (1) Bài có 3 nghĩa, sẽ đánh dấu khác nhau
chấm dưới = bài vở
chấm trên = đề, viết
— dưới = kể mãi

1. AI (21) ai 38 90 210
6 (1) bài 132 205 281
dài 104
gai 271
hai 28 162 212 288
hai 211
mai (mùa) 220
ngài 20
phai 280 300
tài 才 163
tài 財 310
vài 42 92

2. OI (2) thoi 39 tỏi 302 7

3. ÔI (5) đôi 221
6 hôi 131
thôi 179 220
xôi (xa) 312

4. ƠI (19) bời 178
5 chơi 68
dời 260
đời 180
lời 130
nơi 69 142
rời 70 308 313
trời 29 41 140 150 282 12
289
vời (vẽ) 204
vời 19 191

5. UI (2) mùi 30
2 xui (xụt) 222 14

6. OAI (4) hoại 91
3 ngoài 40 152 164 17

7. UÔI

8. ƯƠI (13) cười 105
5 mười 40 309
mười 18 206
người 258
người 106 141 259 272
290 301 314

21 + 2 + 5 + 19 = 47
2 + 4 + 13 = 19 → 66

	c.8 T	c.s S	L	chữ
AI	10	5	6	21
OI	.	1	1	2
ÔI	2	3	.	5
ƠI	7	7	5	19
UI			2	2
OAI		1	3	4
UÔI		.	.	
ƯƠI	3	5	5	13

= 3 × 22

19
3
22

22 22 22 66 = 22×3

1

1. Ai 2. Oi 3. Ôi 4. Ơi 5. Ui 6 Uai 7. Uôi 8. Ươi

20

341	18	Vẹn mười .	khác vời .	nét, ngài .	nở nang
145	28	họa hai	tài trời	đủ mùi	ca ngâm
126	38	mặc ai	đưa thoi	đã ngoài	sáu mươi
341	40	sáu mười	chân trời	một vài	bông hoa
644	68	tìm chơi	đến nơi	bình rồi	bao giờ
161	90	là ai	người hoài	một vài	nén hương
188	104	vắn dài	mặc cười	khói người.	đồi so
431	130	và lời	tôi hồi	một bài	cổ thi
484	140	da trời	mặt người	tới nơi	tự tình
446	150	tính trời	tột vời	ra ngoài	hào hoa
116	162	cả hai	thiên tài	mặt ngoài	còn e
434	178	bồi bồi	khi thôi	lại đời	lỡ đi
418	204	vẻ vời	đã bài	đủ mười	khúc ngâm
111	210	cho ai	trả hài	một hai	tự tình
335	220	khí khôi	sóng dồi	xụt xùi	đoài cõi
884	258	trên người	nhớ người	vội dời	chân đi
118	270	mưa mai	than gài	biết người	ở đâu
114	280	chùa phai	chữ bài	duyên trời	chi đây
148	288	trôi hai	êm trời	bóng người	thiết tha
182	300	chưa phai	bóng người	tìm tòi	ngẩn ngơ
481	308	của rồi	mấy mươi	khinh tài	xiết bao
348	312	xa xôi	hỏi rồi	lung người	bấy nay

AOÔƠƯ OA.UÔ.UƠ3I/2

2

1. AI (19) 3 ai 340 462 520 556
7| 8< 4> 3 bài 342 640
1 dài 557
dài 463
giai 427
hai 341 564 580 647
mai 梅 638
nai 521 646
tai 464
tai 才 639
con trai 579

2. OI (2) hợp hòi 345
0| < > thi thôi 346

3. ÔI (9) bối 522
4| 3< 2> đôi 448 614
hồi 回 539
phối 550
rồi 401 493
sôi 578
xôi (xa) 538

4. ƠI (24) 1 bơi 547
5| 6< 13> 1 chơi 501
1 dơi 362 428 552
đời 344 416
lời 500
lời 402 414 450 502
540 548 551
3 rơi 361
rời 595

14
8
22

+4. ƠI trời 449 484 494
546 566 596
2 vời 482

5. UI

6. OAI (5) đoài 426
1| 3< > 3 ngoài 415 483 613 648

7. UÔI (1) xuôi 612

8. ƯƠI (6) người 360 492 558 565
4| < > 594
tươi 400

	T	S	L	chuẩn	?	C
AI	7	8	4	19		
OI		1	1	2		
ÔI	4	3	2	9		
ƠI	5	6	13	24		
UI						
OAI	1	3	1	5		
UÔI	1			1		
ƯƠI	4	1	1	6		
	22	22	22	66		

19 + 2 + 9 + 24 = 54
0 + 5 + 1 + 6 = 12 → 66

2 — 1 Ai 2 Ơi 3 Ôi 4 Ơi 5 Ui 6 Oai 7 Uôi 8 Ươi

111	340	đến	ai .	một	hai .	liệu	bài / .	mỏi mành
422	344	một	đời	hẹp	hòi	thiệt	thòi /	lẩn ra
844	360	tiếng	người	hoa	rơi	nặng	đời /	lầu trang
834	400	cũng	tươi	mới	rồi	vài	lời /	thêm hoa
464	414	một	lời	ra	ngoài	một	đời /	cài hoa
614	426	non	đoài	ngồi	giai	kịp	dời /	song sa
344	448	chưa	đôi	giữa	trời	một	lời /	song song
111	462	với	ai	cầm	đài	lắng	tai /	Chung kì
464	482	nửa	vời	thoảng	ngoài	như	trời /	đổ mưa
834	492	lòng	người	đi	rồi	tính	trời /	biết sao
[illegible]	500	lả	lơi	làm	chơi	một	lời /	đã rao
113	520	bởi	ai	hoa	rài	đền	bồi	có khi
334	538	xa	xôi	đổi	hồi	một	lời /	trao tờ
444	546	cuối	trời	bời	bời	dãi	lời /	trước sau
344	550	chưa	phôi	nặng	lời	dám	dời /	lòng tơ
118	556	khuyên	ai	còn	dài	đến	người /	hôm nay
184	564	chưa	hai	quê	người	bóng	trời /	nhạn thưa
311	578	như	sôi	một	trai	buộc	hai /	thâm tình
834	594	lọ	người	rụng	rời	kêu	trời /	nhũng xa.
763	612	mái	xuôi	gian	ngoài	trong	đôi /	ba ngày
111	638	như	mai	cân	tài	thủ	bài /	quạt thơ
116	646	đàm	nài	thăm	hai	vâng	ngoài	bái trầm

3

V
A Ô Ơ Ò U } I/3
oA, uô, uơ

1. AI (17)

7 ai 709 722 770 790
5 bài (Kỷ) 858
2 dài 684 731
1 đài 710
8 hai 682 730 771
2 mai 梅 708 746
2 phai 762
sai 772
1 tai 683 765

2. OI (2)

coi 667
đòi (tôi) 775

3. ÔI (14)

1 bối 705 766
1 hồi 回 778
2 rồi 724
1 sối 866
tôi 704
2 thôi 706 758 842 864
trôi 754
vôi 666 758
1 xôi (xa) 843

4. ƠI (18)

2 bời 761 857
2 chơi 816 835
3 đời 817 834 856
8 lời 668 698 723 732 747 764 830
2 mời 658 831
12 trời 659 832

5. UI

6. OAI (3)

loài 791
7 ngoài 760 779

7. UÔI (2)

1 xuôi 774 865

8. ƯƠI (10)

2 mươi 699
12 người 660 700 748 776 780 792 818 836 844

3

	T	S	L	đ.V
AI	7	5	5	17
OI	0	2	0	2
ÔI	6	3	5	14
ƠI	7	8	3	18
UI	0	0	0	0
OAI	1	2	0	3
UÔI	1	1	0	2
ƯƠI	0	1	9	10
	22	22	22	66

17 + 2 + 14 + 18 = 51 → 66
3 + 2 + 10 = 15

20
2
22

3 | AI 1 | OI 2 | ÔI 3 | ƠI 4 | UI 5 | OAI 6 | UÔI 7 | ƯƠI 8 | 3

448	658	đáng	nỗi	bẩy trời	cho người /	hợp tan
324	666	không	vội	người coi	tìm lời /	khuyên can
111	682	lại	hai	êm tai	dọt dài	ngỡ ngàng
488	698	một	lời	mấy mươi	cho người /	dở dang
333	704	tị	tôi	thế lời	thì thôi	còn gì
111	708	trúc	mai	cho ai	tuyền đài	chưa tan
143	722	vốn	ai	chịu lời	lạy rồi	số thưa
114	730	vẹn	hai	còn dài	thay lời /	nước non
148	746	trúc	mai	khuất lời	cho người /	thác oan
333	752	ấy	thôi	như vôi	bèo trôi	lỡ làng
641	760	người	ngoài	bời bời	chưa phai	dọc hồng
413	764	ra	lời	rỉ tai	tờ bồi	ở đây
111	770	vì	ai	một hai	dầm sai	tấc vàng
728	774	cho	xuôi	tôi đòi	quá người /	quản đâu
368	778	mấy	hồi	đến ngoài	giục người /	sinh li
168	790	với	ai	lạc loài	tay người /	tình chung
448	816	ăn	chơi	sự đời	mặt người /	vô duyên
444	830	thì	lời	tận nơi	của trời	cũng thâm
448	834	sự	đời	làng chơi	mấy người /	biết hoa
338	842	mã	thôi	xa xôi	nửa người /	sinh nghi
441	856	một	đời	bời bời	toan bài	quyên sinh
373	864	là	thôi	ngược xuôi	giọng sôi	mái trường

[illegible] 33/4

4

	1 AI (15)	ai	1044				
4B	11v	bài đề	945	1104	bài thơ		
		dài	1006				
		đài (đài)	1064				
		hai	1067	1086			
ngang		mai [illegible]	1043	1084			
		mai 梅	944	1085			
		nài	1008				
		ngài [illegible]	927				
		phai	1048				
		vài	1056				
	2 OI (4)	hỏi (hỏi)	929	1031			
3B	3v	rồi (ngắt)	1016				
		soi	1030				
	3 ÔI (8)	đôi	930				
5B	5v	ngôi	959				
		ngồi	958	1054			
		rồi	964	969			
		thôi	1076	1102			
	4 ƠI (23)	chơi	928	968	1028	1070	
7B	7v	đời	970				
		khơi	915				
		lời [illegible]	966				
		lời	891	916	960	1017	
			1029	1072	1077	1082	
		nơi	920	926	1084		
		trời	892	899	1018	1030	
			1065				
	5 ƯI (0)						

	6 OAI (4)	loài (loại)	1066	1080			
1B	2v	ngoài	921	1081			
	7 UÔI (1)	nguồi	1032				
	8 ƯƠI (11)	người	898				
3B	2v	người	890	900	914	922	
			928	946	965	1055	
			1078	1103			

	âm vần	Vần	chữ vần	Vần 4	Vần 5	Vần 6
1	Ai	11	15	4	6	5
2	Oi	3	4	2	2	0
3	Ôi	5	8	5	2	1
4	Ơi	7	23	7	7	9
5	Ưi	0	0	0	0	0
6	Oai	2	4	1	2	1
7	Uôi	1	1	0	0	1
8	Ươi	2	11	3	3	5
		31	66	= 22 ×3	22	22

4 4

844	890	quê người	nhiều lời	rạch trời /	kêu lên
848	898	tới người	ven trời	quê người /	một thân
844	914	một người	mù khơi	những lời /	non sông
468	920	đến nơi	cửa ngoài	một người /	bước ra
418	926	tận nơi	mây ngoài	năm người /	lãng chơi
423	928	lãng chơi	hẩm hoi	trắng đôi /	lông mày
118	944	trúc mai	thơ bài (2)	rước người /	cửa sau
334	958	đứng ngồi	đổi ngôi	một lời /	cho mình
384	964	đi rồi	tây người	kiếm lời /	mà ăn
434	968	khử chơi	đi rồi	đi đời /	nhà ma
111	1006	còn dài	lần hai	ép nài /	mưa mây
244	1016	rạch ròi	mấy lời	có trời /	ở trong
444	1028	mà chơi	như lời	mặt trời /	sáng sa
227	1030	sáng soi	hẩm hoi	số người /	người dối
117	1042	cho phai	hôm mai	những ai /	đó giờ
381	1054	ghế ngồi	non người	nên vai /	bầu cầu
146	1064	đeo đai	hướng trước	lạc loài /	đến đây
464	1070	như chơi	cành ngoài	mấy lời /	sắt đanh
348	1076	lại thôi	hai lời	vắt người /	trần hôn
614	1080	lạc loài	ngày mai	nhắn lời /	gửi sang
411	1084	dễn nào	tiền mai	có hai /	chỗ để
381	1102/	mới thôi	ơn người	một lời	cho nàng

5

A Ô Ơ U
oa Vô Vơ | I 5

1 Ai (14)	ai	1172	1178	1182	1190	
7∧ 8∨		1203	1246	1258		
	dài	1264				
	đài 台	1259				
	mai	1266				
	mai 梅	1247				
	mài giùi	1248				
	ngài 眉	1211				
	phai	1216				
2 Oi (1)	sỏi (thạo)	1214				
1∧ 3 Ôi (8)	rồi	1195				
4∧ 3∨	tối	1143				
	thôi	1142	1155	1173	1202	
		1222	1272			
4 Ơi (22)	bời (tơi	1134				
7∧∨ 11∨	chơi	1300	1324			
	đổi (mài)	1164				
	đời	1192	1196	1210		
	hỏi	1132				
	lơi lả	1227				
	lời	1154	1165	1174	1180	
		1215	1326			
	nơi	1131	1325			
	rời	1136	1301			
	khơi 隹	1179				
	trời	1130	1265			

5 Ui (3)	tủi	1186				
1∧ 2∨	ngùi	1188				
	xùi	1187				
6 OAI (4)	hoài	1204				
0∧ 3∨	loài	1223	1274			
	ngoài	1183				
7 UÔI (1)	xuôi	1194				
1∧ 8 ƯƠI (13)	cười	1212	1228	1302		
1∧ 2∨	người	1135	1144	1156	1166	
		1184	1191	1224	1226	
		1260	1273			

5

	âm v	vần	chữ v		v 8	
				5		2
1	Ai	8	14	4	7	3
2	Oi	1	1	0	1	0
3	Ôi	3	8	4	4	0
4	Ơi	11	22	8	7	7
5	Ui	3	3	1	1	1
6	OAI	3	4	2	0	2
7	VÔI	1	1	0	1	0
8	VƠI	2	13	3	1	2
		32	66	22	22x3	22

444	1130	lên trời	đến nơi	mặt hời /	lại nhà
384	1134	tơi bời	là người	thân rồi /	chẳng đau
338	1142	thì thôi	chi tôi	vốn người /	đã đâu
438	1154	dặn lời	thì thôi	con người /	đổ khanh
448	1164	mà đời	nặng lời	có người /	hiểu sâu
134	1172	đà ai	thì thôi	vâng lời	rằng không
144	1178	tại ai	giếng thơi	cứ lời	được ngay
168	1182	chứ ai	trong ngoài	mất người /	vô lường
	1186	thảo hư	xụt xùi (sụt sùi)	ngậm ngùi	cho thân
184	1190	như ai	kiếp người	ở đời	mẫu ru
734	1194	cho xuôi	vỡ rồi	nợ đời	theo xong
316	1202	thế thôi	như ai	tiền hoài	đến đây
418	1210	mẫn đời	nét ngài	khi cười	cột hoa
241	1214	người soi	mây lời	đường phai	vẻ hồng
368	1222	thì thôi	lạc loài	cho người /	tình chung
848	1226	phẩm người	ong lời	trận cười	suốt đêm
111	1246	với ai	mưa mai	gửi mao	ngọt thân
118	1258	chẳng ai	Chương đài	cho người /	chuyền tay
141	1264	canh dài	phương trời	lại mai	hồn hoang
346	1272	mới thôi	một người	cũng loài	thư hương
448	1300	như chơi	bốc rời	trận cười	như không
444	1324	mà chơi	có nơi	dài lời	làm chi

A ÔÔ Ơ UI
OAI ƯÔI ƯƠI 1/6

6

		ai 埃	1378
1 AI	耳	ai	1434 1557
4		bài	1371 1388 1444
		.	1544 1554
		dài	1367 1380 1583 (dồng..)
		mai 梅	1379
		tai 耳	1435
		tài 才	1467
		vai	1590
		vài	1346 1592
2. OI	1	soi	1524
3 ÔI	17	đôi	1466 1523
5		phôi	1522
		tôi	1343 1442 1510
		thôi	1578
4 ƠI	22	bởi (bởi)	1387
7		bởi (chơi)	1409
		chơi	1587
		khơi	1503
		lời	1366 1408 1436 1443
		.	1468 1502 1543 1562
		.	1580 1584
		mới	1370 1386
		phơi	1608
		thời thành	1563
		trời	1344 1512 1604
		với	1342

5 UI	1	mùi	1591
6 OAI	4	đoài	1368
1		ngoài	1347 1504 1552
7 ƯÔI	2	xuôi	1511 1588
8 ƯƠI	12	cười	1542 1564 1579 1586
5		mười	1582
		người	1556
		người	1348 1372 1410
			1553 1552 1600

6

	vần	v	chữ v	1	v2	2
1	AI	8	17	7	4	6
2	OI	1	1	0	0	1
3	ÔI	4	7	2	5	0
4	ƠI	10	22	8	7	7
5	UI	1	1	1	0	0
6	OAI	2	4	1	1	2
7	ƯÔI	1	2	1	0	1
8	ƯƠI	4	12	2	5	5
		31	66	22	22 × 3	21

434	1342	khi vơi /	vì tôi	tối trời	ấy cho
168	1346	một vài /	hôn người	gửi người	đằng la
416	1366	đến lời /	tình dài	non đoài	ngậm giọng
418	1370	một nỗi /	hai bài	muộn người	dò la
111	1378	trần ai /	trúc mai	càng dài	bình sông
441	1386	điểm nồi /	bởi bởi	tình bài	phân chia
448	1408	nặng lời /	chơi bời	ra người	đong đưa
114	1434	vì ai /	vào tai	đến lời	riêng tây
341	1442	vì tôi /	thương lời	mở bài	giàu vì
314	1466	sanh đôi /	vì tài	dạy lời	phong ba
446	1502	nghẹn lời /	xa khơi	thì ngoài	mới yêm
374	1510	phận tôi /	giấu xuôi	tay trời	đến san
332	1522	pha phôi /	làm đôi	nửa sôi	đụng trường
841	1542	nực cười /	khuất lời	liệu bài	giấu cho
681	1552	mé ngoài /	lâu người	liệu bài	tang công
818	1556	trên người /	như ai	những người	thị phi
448	1562	một lời /	thảnh thơi	nói cười	như không
384	1578	lại thôi /	mua cười	những lời	đau đầu
814	1582	cả mười /	đồng dài	những lời	nọ kia
8.47	1586	miệng cười /	như chơi	nói xuôi	đổ dồn
151	1590	sánh vai /	bén mùi	một vài	tin ngỗ
8.44	1600	quê người /	ăn trời	non phơi	bóng vàng

V
A O Ô Ơ U Ư 33/7
OA UÔ UƠ

7

	1 A (22)	ai		1662	1874	
8..	12v	bãi		1720	1840	1848
		dài		1663	1719	1870
		đài	台	1637	1714	
		hai		1667	1760	
		mai	梅	1713	1820	
		phai		1712		
		sai	差	1774	1808	
		tài	才	1779	1847	
		trai	柰	1666	(whay)	
		vai		1629		
		vãi		1780		
	2 Oi (2)	coi		1616		
1..	2v	đòi (theo)		1770		
	3 Ôi (3)	hồi	徊	1861		
1..	3v	rồi		1824		
		thôi		1761		
	4 Ơi (19)	bời rời		1818		
7..	8v	chơi		1776	1846	
		đời		1809	1872	
		lời		1630	1638	1768
				1819	1825	1876
		nơi		1653	1668	1812
		rời		1652		
		trời		1636	1775	1875
		vời		1838		

	5 Ui (2)	bùi	1628				
1..	2v	sùi	1826				
	6 Oai (0)						
0	7 Uôi (1)	đuôi	1871				
0	8 Ươi (14)	cười	1618	1813	1839	1862	
3v		người	1860				
		người	1617	1654	1664	1718	
			1762	1769	1778	1810	
			1814				

7

	âm v	vần	chữ v	ʃ	vần	ẞ
1	AI	12	22	8	8	6
2	OI	2	2	0	1	1
3	ÔI	3	3	2	1	0
4	ƠI	8	19	6	7	6
5	UI	2	2	0	1	1
6	OAI	0	0	0	0	0
7	UÔI	1	1	1	0	0
8	ƯƠI	3	14	4	3	7
		31	63	= 21	21 dòng	× 3 chữ

7

	1616	cho cõi	những người /	trò cười	về sau
615	1628	ngọt bùi	quanh vai /	nào lời	sắt son
	1636	giữa trời	thiên đài /	cạn lời	vân vân
	1652	rụng rời	đến nơi /	tìm người	lao xao
	1662	rằng ãi	vấn dài /	thương người	nết na
	1666	tặng trao	một hai /	đến nơi	bây giờ
	1712	chưa phai	hôm mai /	lâu đài	nào đây
	1718	mọi người	dãy dài /	có bài	treo trên
	1760	bằng hai	vừa thôi /	lấy người	hồng nhan
	1768	dạy lời	thiếu người /	theo đòi	đài trang
	1774	dám sai	chiều trời /	nghề chơi	mọi ngày
	1778	lòng người	thương tài /	tôi vào	bổn phận
	1808	chẳng sai	lạ đời /	có người	tình ma
	1812	đổi nơi	nói cười /	giết người	không dao
	1818	rối bời	vâng lời /	sâu mau	một chiều
456	1824	ai rồi	ra lời /	sụt sùi	nhỏ sa
	1838	chén với	chợt cười /	giạm bài	lảng ra
	1846	trò chơi	mọi tài /	một bài	chẳng nghe
	1860	tai người	bồi hồi /	giọng cười	cho qua
	1870	canh dài	đầu đuôi /	lạ đời	nhà ghe
	1874	được ai	một trời /	hát lời	thị phi

V
AOÔƠUƯ
OA UÔ ƯƠI I/8

8

1 AI (15) ai 2102 2107
6., 11v bài 2034
dài 2108
gai 2004
hai 1952
mai 梅 1989
phai 1953
sai 差 2104
tài 才 1988 2003
Thai [illegible] 2103 2106 2134
trai [illegible] 1990

2 OI (2) khói 1927
0., 2v thói 1948

3 ÔI (5) hồi [illegible] 2072
2., 4v nồi 1928
rồi 2139
thôi 1226 1970

4 ƠI (30) chơi 1982 2062 2150
10., 10v đời 1902 2005 2151
khơi 2124
lời 1903 1946 1954 1972
1976 1983 2089 2122
lời [illegible] 2088
mời 2036
nơi 1935 2059 2136
rồi 1977 2004 2071 2090
thời (thì) 2061 2135
trời 2060 2098 2123
2152

5 UI (0)
0., 6 OAI (1) ngoài 2035
0., 7 UÔI (1) xuôi 1971
0., 8 ƯƠI (12) mười 1936 2140
4., người 1904 1934 1947
1978 1984 2002
2006 2070 2100
2138

Trg 8

âm v	vần	chữ v	ς	vần ↘	ʟ
AI	11	15	5	6	4
OI	2	2	1	0	1
ÔI	4	5	1	2	2
ƠI	10	30	12	10	8
UI	0	0	•	0	0
OAI	1	1	1	0	0
UÔI	1	1	1	0	0
ƯƠI	2	12	1	4	7
	31	66	= 22	22 x3	22

dòng chuyển

14

8 16

8

1902	lạ đời	như lời	một người	sao vậy
1928	là thôi	sầu khơi	đêm rồi	tâm hương
1934	vàng người	đôi nơi	gặp mười	quan san
1946	ngại lời	đến người	thiệt thòi	xuân xanh
1952	trăm hai	vàng phai	một lời	được sao
1970	mà thôi	người xuôi	nói lời	nước non
1976	hết lời	mở rồi	tiếng người	nẻo xa
1982	lại chơi	liệu lời	xem người	viếng kinh
1988	bầy tai	hồng mai	thư trai	cùng về
2002	một người	mới tài	sởi gai	rụng rời
2004	rụng rời	nước đời	ra người	bó tay
2034	chữ bài	mé ngoài	nước mồi	vào trong
2060	ngang trời	thảnh thơi	bồn chồn	cửa già
2070	lại người	rụng rời	bồi hồi	chẳng xong
2088	có lời	nên lời	rụng rời	lầu phen
2098	thường trời	tiện mời	có người	nào xa
2102	chẳng ai	chân khơi	đem sai	chẳng hề
2106	chân khơi	biết ai	sông dài	thênh thênh
2122	một lời	có trời	ra khơi	quản gì
2134	chân khơi	thảnh thơi	tìm nơi	mọi ngày
2138	buồn người	vườn khơi	ra mười	thư buồng
2150	như chơi	cho đời	cho trời	đất ghen

27

AO Ô Ơ U
OA UÔ ƯƠ ... 1/9

9

1 AI (17)		ai	2184	2200	2338	2368.
5n	11v	bài	2370			
		cài	2230			
		dài	2309			
		đài	2271			
		gai	2369			
		hai	2280	2339		
		mai	2229	2282		
		ngài (mây)	2165	2272		
		sai	2412			
		tài *	2168			
2 OI (1)		coi	2394			
3 ÔI (10)	1a 1v	hồi	2315			
3n	7v	mồi	2238			
		ngồi	2314	2349		
		rồi	2162	2395		
		tối	2342	2350		
		thôi	2160			
4 ƠI (25)		bơi bơi	2244			
9n	10v	chơi	2164	2182		
		đời	2169	2199	2373	
		khói	2228			
		lời	2183	2253	2305	2372
			2396	2414		
		mời	2304	2340		
		nơi	2252	2308		
		rời	2254	2388		
		trời	2161	2237	2246	2389
		với	2245	2343		
		* bởi	2344			

5 UI	(1)		vui	2348		
1n	6 OAI	(3)	ngoài	2270	2310	2316
1n	7 UÔI	(1)	nguồi	2236		
1n	8 ƯƠI	(8)	cười	2281		
1n		3v	mười	2166		
			người	2170	2198	2506
				2374	2390	2413

trg 9

âm v	vần	chữ v	5	vần 9	c
AI	11	17	6	5	6
OI	1	1	0	1	0
ÔI	7	10	3	3	4 4
ƠI	10	25	11	9	5
UI	1	1	0	1	0
OAI	1	3	0	1	2
UÔI	1	1	0	1	0
ƯƠI	3	8	22	1	5
	35	66	= 22	22 x 3 dòng	22

2160	chưa thôi	khỏi trời	cho rồi		ngày xanh
2164	đến chồi	mày ngài	thân mười		thước cao
2168	gồm tới	ở đời	vốn người		Việt đồng
2182	mài chơi	quá lời	xem coi		lại thường
2198	mấy người	tình đời	trầu ai	8	mới già
2228	đậm khô	song mai	nhặt cài	9	then mây
2236	lỡ người	nắm trời	da mồi	10	tóc sương
2244	bồi bồi	tuyệt vời	phương trời	11	đăm đăm
2252	một mới	hẹn lời	dám rời	12	ước xưa
2270	cửa ngoài	cân đai	mày ngài	13	nhà xưa
2280	một hai	cả cười	trướng mai	14	tự tình
2304	nước mồi	mọi lời	người người		giúp mừng
2308	thoả mười	giáo dài	cơ ngoài		song phi
2314	cùng ngồi	dứt hồi	chực ngoài	16	cửa viên
2332	kho ai	thứ hai	vội mời	17	rước lên
2342	chúng tôi	sẩy vời	đến bời	18	tầm thường
533 2348	mừng vui	rồi ngồi	biết tôi	19	báo thù
2368	cho ai	chông gai	thương bài	20	nào chăng
2372	phải lời	may đời	ra người		nhỏ nhen
2388	phách rời	tại trời	khi người		phụ ta
2394	cho coi	nào rồi	gửi lời		tử quí
2412	chẳng sai	gặp người	mật lời		chung thân

V
AOÔƠU
oA, uÔ, ươ | I/10

10

1 AI (7)	4n 5v	ai	2470 2580
		bài	2594
		dài	2521
		sai	2451
		tài ✱	2450 2638
2 OI (6)	3n 6v	doi	2559
		đòi	2668
		ròi	2417 2686
		soi	2642
		thôi	2612
3 ÔI (16)	6n 10v	ối	2676
		bồi	2688
		đổi	2669
		đối	2440
		hồi	2644
		mồi	2670
		ngồi	2616
		rồi	2631 2636
		tôi	2550 2558
		thôi	2610 2614 2643 2652 2674
4 ƠI (20)	5n 9v	bời	2525
		dời	2520
		đời	2604 2630
		khơi	2548
		lời	2172 2549 2595 2684
		.	2691
		mời	2534
		rời	2675
		trời	2439 2522 2526 2632
		.	2653 2682 2692
		vời	2418
5 UI (2)	0n 2v	vui	2611
		vùi	2603
6 OAI ()	2n 3v	đoái	2615
		loài	2582
		ngoài	2416 2438 2452
7 UÔI	0n		2560
8 ƯƠI ()	2n 2v	người	2471 2582 2596
		.	2637 2654 2683
		.	2687 2690
		tươi	2602

tờ 10

	âm v	vần	chữ v	S	vần 8	8
1	Ai	5	7	2	4	1
2	Oi	6	6	2	3	1
3	Ôi	10	16	3	6	7
4	Ơi	9	20	7	5	8
5	Ui	2	2	2	0	0
6	Oai	3	5	2	2	1
7	Uôi	0	0	0	0	0
8	Ươi	2	10	4	2	4
		38	66 =	22	22 dòng × 3	22

2416	vội	ngoài	rạch ròi	vòi vọi	cạnh lòng
2438	trong	ngoài	góc trời	rạch đôi	sầu bò
2450	gồm	tài	đặt sai	việc ngoài	động nhưng
2470	có	ai	tin người	nghe lời	dễ xiêu
2520	hẳng	đời	chuỗi dài	ngửi trôi	ai đang
2524	đến	nơi	bồi hồi	giữa trời	trơ trọi
2548	bể	khơi	nghe lời	làm tôi	triều đình
2558	mình	tôi	một đời	lòng người	kẻ sinh
2580	cho	ai	lạc loài	có người	thác oan
2594	một	bài	câu lời	cho người	thổ quan
2602	phần	tươi	sáng vùi	thiệt đời	thông minh
2610	ấy	khóc	là vui	thiệt thôi	là thương
2614	thế	thôi	non đoài	đứng ngồi	chưa xong
2630	cõi	đời	cho rồi	trên trời	dưới đây
2636	đã	rồi	thân người	sắc tài	lựa chi
2642	thế	sao	thì thôi	ân hồi	khôn hay
2652	thể	thôi	đạo trời	lòng người	mà ra
2668	tôi	đòi	sống đời	giữa mối	lưng tình
2674	mới	thôi	rừng rồi	thương ôi	còn gì
2682	đến	trời	một người	biết lời	phải chăng
2686	rạch	rồi	chiều người	đến bồi	duyên sau
2690	trước	người	một lời	phủ trời	chi không

AOÔƠU } I/11
ơi, uô, ươ

11

1 AI (15) ai 2714 2752 2868
5n 11v bài 2973
cài 2766
chài 2798
đài 台 3029
hai 2754 3009
mai 梅 2709 2794
Ngài 3030
phải 2708
tài 才 2920
Thái 台州 2919

2 OI (0) 0

3 ÔI (10) đôi 2696
5n hỏi (hỏn) 2760
7v ngồi 2936
rồi 2796 2997
thôi đời 2795
thôi 2816 2934 2996
xôi 2935

4 ƠI (23) chơi 2753
7n 8v * đời 2784
khơi 2826
lời 2782 2817 2978
nơi 2702 2764 2827 2900
2946 2972
rồi 2762 2977
tới 2765
trời 2715 2761 2728 2902
2945

* dời 2944

5 UI (1) xùi 2818
6 OAI (1) loài 2869
7 UÔI (1) đuôi 3016
1n 8 ƯƠI (17) mười 2704 3018
4n người 2697 2703 2710
2716 2783 2870
2901 2918 2974
2976 2998 3010
3017
tươi 3008 3028

tg 11

	âm v	vần	chữ vần	9	vần đ	8
1	Ai	11	15	5	5	5
2	Oi	0	0	0	0	0
3	Ôi	7	10	3	5	2
4	Ơi	8	21	8	7	6
5	Ui	1	1	0	0	1
6	Oai	1	1	1	0	0
7	Uôi	1	1	0	1	0
8	Ươi	4	17	5	4	8
		33v	66	= 22	22 dòng	x3 22

2696	chưa đôi	hai người	kết chài	giăng sông
2702	tận nơi	với người	số mười	chàng nga
2708	chưa phai	hồn mai	thấy người	ngày xưa
2714	dễ ai	đến trời	của người	kì nhân
2752	hỏi ai	sang chơi	một hai	sự tình
2760	lần hồi	ngang trời	rụng rồi	xiết bao
2764	tận nơi	tả bài	trúc cài	phân thưa
2782	thùy lời	nghiêng người	muôn đời	chưa quên
2794	hồn mai	đài thôi	khóc rồi	lại mê
2816	mới thôi	hát lời	xụt xùi	trở ra
2826	dặm khơi	một nơi	bể trời	nơi nao
2868	với ai	lạc loài	thương người	biệt li
2900	[illegible] nơi	một người	nghiêng trời	uy linh
2918	muôn người	châu Thaw	thiên tài	phải duyên
2934	nửa thôi	xa xôi	ấm ngồi	cho an
2944	đổi dời	chiều trời	đến nơi	rành rành
2972	đến nơi	chữ bài	những người	đâu ta
2976	khóc người	rung rồi	rộn lời	hỏi tra
2996	hẩm thôi	chải rồi	thấy người	cầu nguyện
3008 3008	còn tươi	hoà hài	là người	ngày xưa
3016	dần chân	quê người	chối mười	bùn xáo
3028	hơn tươi	Phật đài	lòng ngơi	trà bi

AOÔƠƯ / OA. UÔ ƯƠ 21/12-1. 12

1 AI (18) 11v 8..
- ai 3090 3218
- bào 3126
- dài 3128 3251
- giai 階 3234
- hai 3060 3088 3219
- 3233 3244
- hài 諧 3089
- lai 來 3208
- mai 3232
- tai 災 3246
- tài 才 3245 3250
- vài 3252 (cuối 𦤾)

2 OI (1) 1..
- coi 3148

3 ÔI (6) 4v 4..
- đồi 3132
- mỗi 3133
- rồi 3193
- thôi 3046 3154 3192

4 ƠI (23) 7v 7..
- chơi 3162 3209
- dời 3085
- đời 3081 3110 3238
- lời 3062 3072 3082 3086 3111 3127 3163 3194
- nói 3032 3070
- rơi 3033
- trời 3047 3061 3084 3120
- 3164 3239

5 UI (2) 2v
- mùi 3034
- ngùi 3134

6 OAI (2)
- ngoài 3149 3220

7 UÔI (1) 1..
- nuôi 3080

8 ƯƠI (10) 3v 0..
- mười 3122 3156
- người 3048 3071 3112
- 3150 3155 3210
- 3240
- tươi 3121

tg 12

âm v	vần	chữ vần	T	vần B	C
AI	11	18	5	8	5
OI	1	1	0	1	0
ÔI	4	6	2	4	0
ƠI	7	23	10	7	6
UI	2	2	0	0	2
OAI	1	2	1	0	1
UÔI	1	1	0	1	0
ƯƠI	3	10	3	0	7
	30	63	= 24	21 × 3 dòng	21

3032	một nơi	hoa nơi	mọi mùi	đắng cay
3046	thì thôi	lễ trời	nghĩa người	ra đi
3060	một hai	cơ trời	mặc lời	kết giao
3070	có nơi	còn người	còn lời	nguyền xưa
3080	chẳng xuôi	lạ đời	còn lời	ấy sao
3084	có trời	sao dời	lấy lời	để sinh
3088	làm hai	duyên hài	ai ai	cũng lòng
3110	cả đời	nên lời	có người	có ta
3120	giữa trời	thêm tươi	hơn mười	rằng xưa
3126	một hai	chối lời	ngẩn dài	thở than
3132	đủ đôi	chén mời	ngậm ngùi	tình xưa
3148	khó coi	vành ngoài	với người	cho qua
3154	đấy thôi	với người	bằng mười	phụ nhau
3162	mà chơi	một lời	chịu trời	lỡ nhau
3192	mới thôi	đã rồi	vâng lời	một phen
3208	cam lài	hay chơi	hại người	bấy lâu
3218	như ai	hầu hai	ủng ngoài	cầm thơ
3232	hôm mai	gần hai	quan giai	lần lần
3238	muôn đời	bởi trời	làm người	có thân
3244	cả hai	chi tài	chữ tài	một vần
3250	chữ tài	dông dài	một vài	trống canh

VI
ĂM
VII ĂM ÂM
VI

AM (8) 12 = 3x4, 4(8)

- cam 甘 456 834 1394
- chăm 1395
- giăm 586
- Lam 蓝 457
- lăm 585, 1396
- phăm 凡 833
- săm 458
- thăm 贪 832 584

VII

ĂM (9) 12, 7(8)

- dăm 650
- đăm (dắm) 910 2246
- năm 2406 3048
- nằm 299 937
- nhăm 2408
- tăm 782
- thắm 80
- trăm 648
- xắm (xa...) 911

ÂM (20) 48 13(8)

- âm 音 31 386 2882
- ầm (ẫm) 938 2248
- cầm 298 385 650 1855 2337, 3050,
- cầm 琴 32 556 3176
- dâm 淫 2680
- dầm (ướt) 2336
- dầm (tối) 783, (đen) 912
- dẫm (dầm) 82 784
- lầm 2407 2880
- lẫm (cát) 3049
- ngâm 吟 30 206

+ÂM

- ngầm 1866
- râm 384
- rầm (lầm) 936
- tâm 心 81 208 555 608 1864 2682
- tầm 寻 2881
- thâm 深 609 2681 3178
- thầm 207 554 610 1856 1854 1865 2247 2338
- trẫm [illegible] 3177
- trầm 沉 (hương) 300

AM

	456	thừa cam		cầu Lam.		ra sàm.		
	584	túi	thăm.	ai	làm.	thắt giảm.		
	832	cũng	tham	tay	phàm	cho	cam.	sự đời
	1394	cũng	cam	những	chàm	khôn	làm	sao đây

VII 1. ĂM 2. ÂM

	30	ca	ngâm	nấm	âm	hồ	cầm	một trường
122	80	viếng	thăm.	thương	tâm.	đầm	đầm.	châu sa
222	206	khúc	ngâm	khen	thầm	cầm	tâm	khải thường
212	298	cõi	cầm	biếng	nằm	hương	thầm	chưa phai
	384	hoa	râm	mưa	cầm	tri	âm	bấy chầy
	554	xót	thầm	đồng	tâm	ôm	cầm	thuyền ai
	608	từ	tâm	tình	thâm	thương	thầm	xót vay
112	648	bốn	trăm	yên	dằn	trước	cằm	làm ghi
112	782	rũ	tằm	tối	dầm	đẫm	đầm	canh sương
112	910	đăm	đăm	xa	xăm	đen	dầm	ngàn mây
212	936	lâm	râm	chuối	nằm	ầm	ầm	tứ vi
vẫn	1854	khói	thầm ngằm ?	khăn	cầm	bạt	thầm	dọc sương
	1864	cửa	tâm	mừng	thầm	đan	ngẫm	xưa nay
122	2246	đăm	đăm	âm	thầm	ầm	ầm	một phương
	2336	ướt d	dầm	khôn	cầm	mừng	thầm	cho ai
121	2406	năm n	năm	chẳng	lầm	ắt	nhầm	việc son

VII AM - ÂM
VIII ÔM - ƯƠM
IX EM - IÊM

VIII

1 EM (8) em 128 372 726 768 3060
6, 4v đem 374
rèm 2850
xem 129

2 ÊM (7) êm 1504
3, 5v đêm 1228 728
mềm 3066
thêm 130 3172
Thềm 2851

3 IM (10) chim 1229 1506
o, 5v chìm 770
Kim 727
kim [illegible] 769 1505 3065 3173
tìm 1230 3174

4 IÊM (2) xiêm 393 2852
o,

IX.

1. ÔM (1) hôm 1047
ôm 1046
nôm (nam) 2442

2. ƠM (1) cơm 2444

3. UÔM (1) buồm 1048

4. ƯƠM (1) gươm 2443

Về vần ⊗M, có ba nhóm: AM; ĂM+ÂM và ÔM+ƠM+UÔM+ƯƠM

Vần	Số chữ vần	Số vần	Số vần hàng 8	
AM	8	12	= 4	x3
ĂM	9	12	7	
ÂM	20	48	13	
	29	60	= 20	x3
ÔM	3	3	2	
ƠM	1	1	0	
UÔM	1	1	0	
ƯƠM	1	1	0	
	6	6	- 2	x3

âm v	chữ v	vần	v.8
1. EM	4	8	6
2. ÊM	5	7	3
3. IM	5	10	0
4. IÊM	1	2	0
	15	27 -	9 x3 dòng

1. ĂM 2. ÂM

	2680	tà	dâm.	tình thâm.		hiếu tâm.		đến trời
	2880	có	lầm	trường tầm		giai âm		chẳng là
122	3048	tấm	nằm	cát lầm		con cầm		gặp đây
	3176	sắt	cầm	cái trâm		cao thâm		nghìn tầng

12+48 = 60 = 3×20
7+13 = 20 (8)

VII ÔM (1) ƠM (2) UÔM (3) ƯƠM (4)

113	1046	người	ôm.	chiều hôm.	cánh buồm	xa xa
142	2442	cõi nam (nôm)		lưỡi gươm	tá cơm	sá gì

VIII EM (1) ÊM (2) IM (3) IÊM (4)

128	chị,	em	cho xem	nói thêm.	vài lời
392	hai	em	áo xiêm	xa đem	tạc thành
726	mặc	em	chẳng kim	khi đêm	chén thề
768	đã	em	rồi kim	mây chìm	vì ai
1228	suốt	đêm	cành chim	tối tìm	trăng thanh
1504	mới	ém	trộn kim	bắt chim	khó lòng
2850	lay	rèm	trước thềm	bóng xiêm	mơ màng
3064	chị	em	duyên kim	suốt mầm	chờ sao
3172	kính	thêm	mò kim	phải tìm	trăng hoa

AN (101) 31 8

an 安 1414 1706 2936 2455
an 鞍 1519
bãn 1662 2454
can 668
5 căn 2598
chan 1759 3161 4
dan (.dần) 1298
đan 单 (?) ~ 1413
đan 丹 1424
10 đàn (lạc..) 2451
đàn 壇 1687 7
đàn 彈 255 1296 1850 2566 2584
2806 2874 2932 3190 1458 (đờn)
gan 594 1674 2358
gian 人間 1705
15 gian 奸 1661 2705 10
han (hỏi) 714 1686 2538
hãn 3189
khan 256
lan 2116
20 man (miên.) 1004
mãn 1007 2208 2561 13
nân (sống) 1152
nân 2540
ngân 1118 1520 2938
25 nhan 紅顏 469 1269 1762 2359
2539 2658 2962 3099 18
nhân 2207 2400 2873 20
quan 關 (20.) 1506
15

27

+-AN

quan 官 2456 2564 2596
2937 2950
ran 2438
30 san Xem Sơn 1518 1936
tan 660 740 749 1002
1117 1426 1502 1852
2399 2437 2930 2951
2963 3160
27
tàn 592 661 1270 1660
1688 1764 2583 2952
3098 3162
than 對 1501 1675 1851
1937 1998 2114 3128
trân 742
35 vãn 750 2931 34
34 36

OAN (30) 12 (8)

oan 593 662 716 748
1625 1676 1758 1763
2360 2436 2582 2656
2964
đoan (đay) 745 2597 5
đoan chịu. 1150
đoàn 1116 2872
5 hoan 1297 3188 (3188)
hoàn 盡桓 丸 1960 2398
hoàn 還 2206
hoàn 環 2805 7
khoan 1151
10 loan 255 221
ngoan 2657 10
12 toan 3100
8

210

1.AN 2.OAN 3.ƠN [4 ÊN 5 ÊN 6 IÊN]

333	24	phấn	hơn	3	xuân sơn	3	biếu hơn	3	kém xanh
323	222	đòi	cơn	3	trướng loan	2	hỏi cơn	3	cớ gì
211	254	phím	loan	2	gió đàn	1	trà khan	1	giọng tình
121	592	tôi	tàn	1	dây oan	2	nát gan	1	lọ người
333	602	nặng	hơn	3	mình sơn	3	đến ơn	3	sinh thành
112	660	hợp	tan	1	thân tàn	1	càng oan	2	khóc già
113	668	khuyên	can	1	hồng nhan	1	đến ơn	3	sinh thành
121	710	chưa	tan	1	bàn hoàn	2	dọc tràn	1	thẩm khơi
122	714	hỏi	han	1	đa đoan	2	riêng oan	2	một mình
211	748	thác	oan	2	giường tan	1	muôn vàn	1	cú ân
111	1002	vừa	tan	1	biên màn	1	miên man	1	gỡ dần
333	1108	lại	hơn	3	mưa đơn	3	chẳng cơn	3	cớ gì
211	1115	một	đoàn	2	canh tàn	1	tháng ngàn	1	ngậm sương
221	1150	chịu	đoan	2	kể khoan	2	nồng nàn	1	mối tha
311	1268	đòi	cơn	3	hồng nhan	1	cho tàn	1	cho cân
121	1296	họa	đàn	1	trung hoan	2	càng đan	1	dù tình
	1412	con	đen	1	nguyên đan		chẳng an		bề nào
311	1427	mặn	đơn	3	liên oan	2	liên tan	1	lúc mây
333	1456	nào	hơn	3	mua hờn	3	cho đơn	3	ngang cung
111	1500	Dương	quan	1	vân than	1	hợp tan	1	nghẹn lời
311	1518	Quan	sơn	13	chinh an	1	mây ngàn	1	cây xanh
111	1660	Cháy	tan	1	mưu gian	1	có bàn	1	rằng ai
112	1674	chảy	gan	1	khóc than	1	thác oan	2	thế này
	1412	con	đen		nguyên đan (V):	1	chẳng an (yên?)	1	bề nào

AN đi/2

ÒN (16)	òn	604	670	
6 (8)	cờn (đuôi.)	220	1268	
	cờn (. cổ)	222	1110	
	đờn 彈	1424	đàn	
5	đờn (múa)	1109		
	đờn 1458 (đàn)			
	hờn	24	602	1408
			1456	
	hỡn	26	1457	
9	sờn	25	603	1518 san
		1936 đọc san		

EN (2)		đen	1412
	1 8	xen	3130
ÊN (2)		bên	1999
	0 8	lên	2060
IÊN (2)		phiên	2804
	1 8	viên [?]	3129

Tóm lại

Vần	Số chữ vần	Số vần	Số vần bằng g		L
AN	35	101	34	34	35
OAN	12	30	10	12	8
ƠN	9	16	4	6	6
EN	2	2	0	1	1
ÊN	2	2	1	0	1
IÊN	2	2	1	1	0
			51		51
	62	153		51	(số hàng 23 + 22 + 6 = 51

153 = 51 x 3

	1686	hỏi	han	1	tình đàn	1	chưa tàn	1	nén hương	
	1704	nhân	gian	1	muôn gian	1	ở an	1	dưới thuyền	
	1758	được	oan	2	như chan	1	bàn hoàn	2	miền tay	
	1762	hồng	nhan	1	tiền oan	2	hoa tàn	1	mà chi	
	1850	vận	đàn	1	như than	1	cũng tan	1	nát lòng	
	1936	quan	sơn	1 3	người than	1	vân an	1	về nhà	
vần ôn ?	1998	thở	than	1	một bên		bước lên		trên lầu	
2114*		thở than			lại đàn		sở lan		cây song	
	2206	phát	hoàn	2	thanh nhàn	1	vậy màn	1	bất tiện	
	2358	mây	gan	1	hồng nhan	1	oàng oan	2	trái khoản	
	2398	bàn	hoàn	2	mây tan	1	mây nhàn	1	lá đàn	
	2436	tẩy	oan	2	ngói tan	1	dẫn ran	1	trọng ngoài	
2454*		luận bàn			chiêu an		xóa quang		thuyền hằng	
	2538	hỏi	han	1	hồng nhan	1	nhiều nan	1	cũng thương	
	2564	quân	quan	1	dưới màn	1	vặn đàn	1	nhất tâu	
	2582	thác	oan	2	hoa tàn	1	dây đàn	1	Tiều lâu	
	2596	thổ	quan	1	đa đoan	2	vó càn	1	về kiều	
	2656	dây	oan	2	khôn ngoan	2	hồng nhan	1	đã đành	
	2804	mối	phiền		kim hoàn	2	đến đàn	1	đến hương	
	2872	một	đoàn	2	thanh nhàn	1	trúng đàn	1	tiên dao	
	2930	hợp	tan	1	muôn vàn	1	phím đàn	1	con dây	
	2936	một	[illegible]an	1	tế quan	1	máy ngân	1	cũng pha	
2950* 2962*	3098	cũng	toàn	1	hồng nhan	1	con toan	2	nối nào	
ôn ?	3128	thở	than	1	đoàn viên		hồng xen		bởi là	

* xem phụ ở dưới trang sau

+ AN ƠN 3.1

Nhóm X (an, oan, ơn, en, ên iên) gồm 3 bộ:

1/ bộ AN, OAN là bộ chính. 2/ bộ ƠN và 3/ bộ en, ên, iên và bộ sau là bộ phụ và không quan hệ với nhau, nghĩa là không có "chuỗi ba" chứa lẫn vần hai bộ ấy.

Về bộ Ơ, thì có ba chuỗi ròng vần ƠN

608	nặng hơn	mình sơn	đền ơn
1108	lại hơn	mưa đơn	chẳng cơn
1456	nào hơn	mưa hơn	cho đờn

và hai chuỗi tạp vần ơ

220	đòi cơn	trướng loan	hỏi cờn
1428	mẫu đơn	tiếu oan	triễn tàn

Vả trong ngôn ngữ thường đến nay còn có hai vần ƠN và AN thông nhau: ví như: cờn cam, đờn đàn, sờn sạn, đỡn đàn cờn càn. Xem vậy ta có thể coi hai chuỗi cuối là chuỗi ròng vần AN và coi bộ chuỗi vần ƠN là một bộ riêng (với VƠN nhưng thiếu ở Kiều)

Về bộ EN...IÊN..., ngoài bộ riêng, xét nơi khác, thì trong này có bốn chuỗi tạp:

1412	Con đen	Nguyên đan	chưa an	EN
1998	Thờ than	mặt bên	bước lên	ÊN
2804	mối phiền	kim hoàn	đến đàn	AN
3128	thờ than	đoàn viên	hồng sen	EN

Nếu không kể vần "cuối tròng" thì không có sự lẫn bộ AN, EN

Nhưng nhận:

1/ thở than thông với thờ than, thì hai chuỗi 1998 và 3128 ròng thuộc bộ ÊN.

2/ mối phiền thông với mối phàn thì chuỗi thứ ba ròng thuộc bộ AN

3/ đảo nguyên đan ở chuỗi đầu ra đan nguyên và đọc an ra yên thì chuỗi 1412 ròng vần EN

3160 cho 踸 tàn 1 | chan chan 1 | hoa tàn 1 / | mã chồi
3188 giao 𨒺 hoan 2 | khiến hàn 1 | ngón đàn 1 | ngày xưa

sót:

2114 khổ than 1 | lạc đàn 1 | sợ làn 1 | cây cong
2454 luận bàn 1 | chiếu an 1 | sai quan 1 | thuế hàng
2950 phô quan 1 | đã tan 1 | lửa tàn 1 / | Thời giàng
2962 hồng 𦹵 nhan 1 | mã tan 1 | rừng oan 2 / | mặt vàng

Đặc biệt, xét lại bài nhóm có xen các vần AN, ƠN, ÊN

1412 con đan | nguyên đan 1 | chửa an 1 bề nào
1998 thở than | mặt bên | bước lên trên lầu
3128 thở than | đoàn viên | hồng xen bức lê

Nói tóm lại, trong nhóm X xét trên này, ta có thể dời 3 chuỗi 1412, 1998 và 3128 vào nhóm XII (ƠN, ÊN...)
Còn ba chuỗi 608, 1108 và 1456 cũng có thể để riêng ra một nhóm ƠN, nhưng vì số ít phải dùng luật thông vận, cho nên ta để nó vào nhóm X (AN, OAN, ƠN)

74
Ang Oang
Uông Ương 1

I

1 ANG (32) 19 cảng 34 364
428 — 1 chàng 380
(11; 9 12) đang 350
gang 425
mang 351
1 màng (mỡ) 440
nàng (nẻ) 30
1 nàng 68
ngang 56 408
光 quang 409
răng (rõ) 320
3 sang 240 266 378
1 sáng (sẵn) 279
tàng (tảng) 424
trang 莊 21
1 trang 妝 362
4 vàng (màu) 58 94 280 239
7 vàng (kim) 198 352 363 379
448 474 513
1 vàng (vội) 10

2. OANG (1) xoang 33
3. UÔNG (1) vuông 318
1B

4 ƯƠNG (32) chương 章 447
428 — 11 — 1 chướng (chản) 514
(10 12 10) 4 đường 57 93 268
442
2 gường 426 454
3 hương 66 92 446
nhường 22 210
phương 方 67
1 phường 坊 410
tương qu 蔣 453
tương 湘 238
tường 詳 199
2 tường 墻 267 319
378
thương 商 472
2 thường 常 12 208
Trương 32
Trương 張 512
trường 長 441
2 trường 腸 200 209
trường 場 473
Vương 王 11
xương 452

	Âm vần	vần	chữ vần	vần tám (sắc)		(bằng)
1	Ang	19	32	9	11	12
2	Oang	1	1	1	0	0
3	Uông	1	1	0	1	0
4	Ương	21	32	12	10	10
		42	66	22	22 (chẵng)	22 x 3 mặt vần

				ANG (1)	OANG (2)	UÔNG (3)	ƯƠNG (4)
144	10	vững	vàng	họ Vương	thuở thường	bực trung	
114	20	nở	nang	đoan trang	tuyệt nhường	màu da	
421	32	một	trường	nến xoang	lại càng	não nhân	
441	56	bắc	ngang	bên đường	nửa vầng	nửa xanh	
441	66	thiên	hương	vốn phường	tiếng vàng	tìm chơi	
441	92	nào	hương	giữa đường	suối vàng	biết cho	
144	198	gieo	vàng	xem tường	đoạn trường	có tên	
444	208	khác	thường	đoạn trường	chỉ nhường	cho ai	
411	238	mạch	Tương	oanh vàng	bay sang	láng giềng	
144	266	lần	sang	cao tường	dứt đường	chim xanh	
111	278	dọn	sang	sẵn sàng	nét vàng	chưa phai	
341	318	một	vuông	ngọn tường	rõ ràng	chẳng nhe	
111	350	cho	đang	đa mang	đá vàng	thủy chung	
111	362	lần	trang	trỗi vàng	lòng càng	ngẩn ngơ	
411	378	mé	tường	tiếng vàng	có chàng	đứng trông	
114	408	cho	ngang	dung quang	thì phường	kim môi	
114	424	tàng	tang	dây gang	ngậm gương	non đoài	
144	440	mơ	màng	đêm trường	dọ đường	tìm hoa	
441	446	thêm	hương	một chương	dao vàng	chia đôi	
444	452	tận	xương	quỳnh tương	bình gương	bóng lồng	
441	472	cung	thương	chiến trường	tiếng vàng	xem nhau	
414	512	Thôi	Trương	đá vàng	chán chường	yêu anh	

A, OA, UÔ, ƯƠNG 2

II

1 ANG (41) 17, 11 17 13

- hàng (bè) 518
- 20v chàng 520 756 774 1062
- dang (đổ) 780 948 995
- dàng (dịu) 1060
- 2 dàng (lờ) 754 885
- giàng (giời) 519
- hàng (mây) 562 634
- hàng (ngồi) 813 934
- lang Ép 755
- 2 màng (mở) 849
- 5 nàng 632 786 850 984
- ngang (ngồn) 684
- phàng (phụ) 702
- 5 sang (đi) 530 685
- 2 sang (sẵn) 631
- tang 喪 534
- 4 trang 妝 536 573 630
- 5 vàng (mau) 573
- 13 vàng (kim) 645 686 701 772 824 826
- 4 vàng (vội) 563 868 884

2 OANG (1) 1v

- hoàng 惶 535

4 ƯƠNG (24) 5v (9 5 10)

- 15v chường (rèn) 773
- chường (chẳng) 644
- 2 chường (chán) 935
- 5 đường (bước) 564
- đường 堂 531 949
- 3 gường 636
- giường 950
- 8 hương 香 814 825 848 936 1061
- hương 鄉 532 574
- 3 phường 坊 785 812
- sương 霜 635 784 867
- 3 tường 墻 856
- thương 傷 646
- 3 thường 常 886
- 3 trường 腸 (đoạn) 996

	Âm vần	vần	chữ vần	sau	vần 1,	bằng
1	Ang	20	41	12	17	12
2	Oang	1	1	1	0	.
3	Uông	0	0	.	0	.
4	Ương	15	24	9	5	10
		36	66	22	28 dòng x 3 chữ vần	
	Tự	78				

ANG 1 OANG 2 UÔNG 3 ƯƠNG 4

111		518 bẽ	bàng	quê giường	cũng chàng	bởi ai
144		530 mới	sang	tế đường	tha hương	đổ huề
121		534 hộ	tang	kinh hoàng	đài trang	tự tình
111		562 mấy	hàng	vội vàng	bước đường	chia hai
114		572 xắc	vàng	lầu trang	ngoại hương	mới về
111		630 lầu	trang	sẵn sàng	giục nàng	kíp ra
144		634 mấy	hàng	e sương	trông gương	mặt dày
414		644 đấy	chường	nghìn vàng	người thương	dám nào
111		684 ngỗn	ngang	vừa sang	cân vàng	mới trao
111		700 dở	dang	chén vàng	phụ phàng	với hoa
111		754 lỡ	làng	kim lang	phụ chàng	từ đây
141		772 tảo	vàng	rén chường	nghĩa chàng	cho xuôi
444		784 cành	sương	bái phường	một nường	ở trong
414		812 một	phường	cửa hàng	bán hương	đã lề
[141]	IV	824 khúc	vàng	khiên hương	nghìn vàng	chẳng ngoa
411		848 đến	hương	mở mang	một nàng	ngồi trò
441		866 mé	tường	còi sương	vội vàng	ra đi
114		884 vội	vàng	lỡ làng	xem thường	xem khinh
144		934 mối	hàng	chán chường	mảnh hương	lầm rầm
144		948 dỗ	dang	giữa đường	bên giường	ngồi ngay
111		994 một	nàng	dở dang	đoạn trường	được sao
141		1060 dịu	dàng	thủ hương	rằng chàng	Sở Khanh

14 A, OA, VÕ.. ƯƠNG 3

III

1 ANG (36) [27] [3] 17 ✓ 10 // (8 19 9)

8 Cang	1430		
chàng	1084	1313	
	1318	1356	1496
dàng (lạ)		1289	1479
giàng (gai)		1480	
5 hàng (chàng)		1314	
hàng (ngôi)		1276	
Hàng (mày) 行		1317	
khang 糠		1478	
nàng		1370	
10 ngang (ngang)		1316	
ràng (rậy)		1122	
ràng (sở)		1485	
sang (giả)		1082	
trang (hồi) 裝		1494	
15 trang (chiến) 妝		1334	
vàng (sắc)	1083	1384	1602
17 vàng (kim)		1123	1267
		1288	1454

2. OANG (1) 1 //

hoàng 黃 1266

3 VÕNG (0)

4 ƯƠNG (39) [38] 22 ✓ 14 // (14 11 13)

cường (chày)		1124	
chường (chàm)		1236	
dường (năm)		[1449]	
Đường 唐	1311	1453	
5 đường 堂	1290	1386	1495
đường	1120	1186	1234
	1358	1525	1804
giường	1118	1368	
giường (mối)		1482	
hường	1274	1335	
10 lương (vợ) 良		1184	
lương 涼		1369	
lường	1484		
phường 坊		1352	
sương 霜	1119	1235	
	1385	1428	
15 tường 墻		1353	
tường 詳		1452	
thương 傷	1352	1357	
	1429		
thường	1316	1483	
Thường 嘗		1375	
20 trường (khỏi) 引		1526	
trường (dặm) 長	1403	1524	
22 trường (đoạn) 腸	1268		

	Âm vần	Vần	Chữ vần	c Sau	Vần ở (cn)	Lưng
1	ANG	17	26 → 27	8	10	9
2	OANG	1	1	.	1	.
3	VÕNG	0	0	.	0	.
4	ƯƠNG	22	39 38	14 / 22	11	13 / 22
		40	66	=	22	× 3 vần

ANG 1 OANG 2 UÔNG 3 ƯỜNG 4

111	1082	gửi sang	bóng vàng	tìm chàng	đến nơi
444	1118	ngậm gương	mười sương	bước đường	mặt đau
114	1122	rậy ràng	gan vàng	dây cương	lời nào
411	1184	vô lường	rõ ràng	kiếm đường	tháo lui
444	1234	giữa đường	dặn nương	ong chường	bảy thân
211	1266	hôn hoàng	ác vàng	đoạn trường	đòi cơn
441	1274	khư hương	chân Thường	ngôi hàng	Lâm truy
114	1288	đá vàng	lạ dàng	nghiêm đường	lại quê
411	1312	luật Đường	lòng chàng	hàng-hàng	gẫm thêu
111	1316	ngang ngang	mây (v)ang	chịu chàng	hôm nay
144	1334	điểm trang	lan hương	thướng thường	mấy chẳng
444	1352	cỏ thương	hoa tường	sa phường	lầu xanh
144	1356	giả chàng	thì thương	mọi đường	thì vắng
444	1368	ngậm gương	khua hương	giàn nắng	một nơi
144	1384	lá vàng	dò sương	thung đường	đến nơi
441	1428	vóc sương	mà thương	lòng càng	xót xa
441	1452	xem tường	thình Đường	nghìn vàng	chưa cần
141	1478	tao khang	nên đường	quỷ giang	cho ta
444	1482	mối giường	phi thường	khôn lường	sông
141	1494	hồi trang	thung đường	giục chàng	mình già
444	1524	dặm trường	dọc đường	chủ trương	ở nhà
144	1602	bóng vàng	dặm trường	khuôn đường	quê mình

10 7 8

14

A, OA. VÔ. ƯƠNG 4

1V

1 ANG (27) 8B 14r (7 8 12)

càng	1968	2058		
dàng (dịu)		2010		
đang	1890			
nàng	1672	1686	1690	
	1710	1857	1891	
	1918	1940	1998	2066
phàng/phụ		1967		
quang (còi) 桄			1622	
quàng	1658			
ràng (rõ)		1684		
sang (theo)		1624	1685	
	1708	1771		
sang (giàu)		1899		
thang thuốc		1747	湯	
trang 妝 (đài)		1770		
tràng (cỏ)		1942		
vàng (kim)		1900		

2 OANG

3 VÔNG

4 ƯƠNG (39) 14B 16v (16 14 9) 39

dương 楊		1929		
đường	1623	1748	1798	
	1898	1930	2040	
đường 堂	1671	1709	1772	1917
hương 香	1659	1688	1928	
hương 鄉		1797		
lường	1966	2012	2065	
nường	2064			
sương 霜	2028	2056		
Tương 湘 (dợi)		1856		
tường 墻		1670		
tường (tỏ) 詳		1689	1996	2039
thương 傷		1746	1796	1898
		1997	2030	2038
thường		1916	2011	2057
trường (dặm) 長			2029	
trường (đoạn) 腸			1858	1941
xương		1660		

8

Âm vần	Vần	chữ vần	c. xấu	Vần 8 (n)	lòng
ANG	14	27	7	8	12
2 OANG	0	0	.	0	.
3 VÔNG	0	0	.	0	.
4 ƯƠNG	16	39	15/22	14	10/22
	30	66	=	22 dòng x 3 chữ vần	

ANG 1 — OANG 2 — UÔNG 3 — ƯỜNG 4

1i1	1622	côn	quang	mọi	đường	vượt	sang	biển	Tô
444	1658	tìm	quàng	phòng	hương	đồng	xương	chuy	tần
4i1	1670	bồi	tường	trung	đường	thả	nàng	ở	trên
11i	1684	rõ	ràng	đưa	sang	mặt	nàng	hỏi	han
44i	1688	nén	hương	nói	tường	việc	nàng	đã	tra
1i1	1708	vượt	sang	sảnh	đường	nộp	nàng	dâng	công
41i	1746	mà	thường	khuôn	thang	mở	đường	hoàn	sinh
1i1	1770	đài	trang	theo	sang	thiên	đường	là	đâu
44i	1796	nhớ	thương	gia	hương	tìm	đường	thẩm	giá
4i1	1856	dọt	tường	lấy	nàng	đoạn	trường	ấy	chi
11i	1890	chẳng	đang	đến	nàng	hiện	trường	hỏi	tra
4i1	1898	nâu	thường	giàu	sang	nhà	vàng	cũng	nên
44i	1916	tổ	thường	Phật	đường	cho	nàng	xuất	gia
44i	1928	tâm	hương	cảnh	đường	mọi	đường	trần	duyên
1i1	1940	vội	nàng	đoạn	trường	việc	tràng	áo	xanh
4i1	1966	mà	hương	phụ	phàng	lại	càng	cực	đây
44i	1996	tỏ	tường	tình	thương	nỗi	nàng	thở	than
144	2010	dịu	dàng	thì	thường	thân	lường	hiểm	sâu
4i4	2028	cầu	sương	dặm	trường	phần	thương	dỗ	dần
44i	2038	liền	thương	cho	tường	tìm	đường	nói	quanh
4i1	2056	nậu	sương	khá	thương	nàng	càng	nửa	chén
44i	2064	Hoạn	nương	lo	lường	lại	nàng	trước	sau

14
A, OA, VÔ
ƯƠ NG/5

V

1 ANG (30) 8B 19v	càng (cữ)	2239		
	dàng (nên)	2078		
13 8 9	giàng (giữ)	2503		
	hàng 降	2456	2498	
	lang [illegible]	2323		
	mang (tay)	2242		
	mang (mảnh)	2213		
	màng (mỏ)	2249		
	nàng	2082	2141	2222
		2322	2457	
	ngang (ngỗn)	2244		
	nhàng (nhẹ)	2291		
	ràng (rõ)	2394		
	ràng (rỗ)	2264	2480	
	sàng (sẵn)	2295		
	tràng (trẽ)	2502		
	vang	2294		
	vàng (màu)	2266		
	vàng (kim)	2195	2346	
		2458		
	vàng (vội)	2144	2429	
		2296	2499	
201 2 OANG(1)	hoàng 隍 (城)	2130		
100 3 UÔNG(1) 1B	buồng	2149		

4 ƯƠNG (34) 13n	cường 強	2447		
	dường (như)	2324		
10 13 11	đường	2077	2081	2142
		2214	2220	2250
		2265	2292	2500
	đường 堂	2145		
	đường (đi)	2479		
	hương 香	2089	2128	
	hương 鄉	2243	2478	
	phương 方	2212	2248	2448
	phường 坊	2146		
	sương 霜	2238		
	tường 祥	2504		
	thương 傷	2076	2290	
		2344	2592	
	thường 常	2184	221	2345
	trường 腸 (con)	2186		
	trường 場	2393		
	vương (bủ) 王	2466		
	Vương (tơ)	2240		

	âm vần	vần	chữ vần	c. sáu	vần 8	Lửng
1	ANG	19	30	12	8	10
2	OANG	1	1	0	0	1
3	UÔNG	1	1	0	1	0
4	ƯƠNG	17	34	10	13	11
		38	66	22 =	22	22 x3

ANG 1 OANG 2 VÔNG 3 ƯỜNG 4

444	2076	cũng thương	tìm đường	nên dường	còn quê
44i	2080	dầu hương	mọi đường	cho nàng	chửa chán
412	2128	thắp hương	vội vàng	Thành hoàng	thổ công
314	2140	Thì buông	rước nàng	kiếm đường	cho xa
144	2144	vội vàng	giữa đường	cùng phương	lầu xanh
414	2184	làm thương	thẻ vàng	can trường	vào đâu
414	2212	bốn phương	mênh mang	lối đường	thẳng giòng
44i	2220	rày đường	phi thường	rước nàng	nghi gia
444	2238	tỏa sương	cũ càng	còn vương	tơ lòng
141	2242	tay mang	tha hương	ngổn ngang	bời bời
414	2248	một phương	mơ màng	chật đường	giáp binh
141	2264	rõ ràng	lên đường	đeo vàng	kéo san
414	2290	xót thương	nhẹ nhàng	đôi đường	chưa xong
111	2294	sẵn vàng	sẵn sàng	vội vàng	mười sao
114	2322	mặc nàng	Thuê làng	thân đường	để giam
441	2344	tẩm thương	lễ thường	mây vàng	cho cầu
441	2392	ai thương	pháp trường	rõ ràng	cho coi
444	2446	bá vương	tranh cường	một phường	hải tần
111	2456	thuê hàng	với nàng	ngọc vàng	nghìn cân
441	2478	cố hương	đường đường	rỡ ràng	mẹ cha
114	2498	thế hàng	vội vàng	quyết đường	giữ bình
114	2502	trễ tràng	quít quàng	tỏ tường	thuộc hà

XIV
OA VÔ
ƯỜNG / 6

VI

1 ANG (33) càng 2808
12B 17v chàng 2776 2838 2877
(11 12 10) dàng (lạ) 2768 2777
đang 2522 2814
giang 江 2634
lang 郎 2894
màng (mở) 2852
nàng 2524 2542 2647
2650 2707 2816
2822 2854 2876
phàng (phụ) 2895
ràng (rõ) 2619
sàng (sẵn) 2820
tang 喪 2739
tàng (ngang) 2553
vàng (vẫy) 2662
vàng (màu) 2696
vàng (kim) 2644 2708
2853 2867
vang (rội) 2638 2770

2. OANG (1) hoang 荒 2523

3 UÔNG

4 ƯƠNG (32) chương 章 2839
10B 14v Dương 陽 湯 2740
(10 10 12) đường 堂 2840
đường 2613 2648 2651
2663 2778 2815
2878 2896
đường 堂 2531 2695 2868
Đường 錢 塘 2618 2694
gương 2706
hương 香 2806 2436
tường 墻 2769
thường 場 2540 2612
2646 2738
2809 2864
thưởng 賞 2821
trường 腸 2620 2652
2664
trường 場 2554
xương 2552

	Âm vần	Vần	Chữ vần	C. sán	Vần 8	Lưng
1	ANG	17	33	11	12	10
2	OANG	1	1	1	0	0
3	UÔNG	0	0	.	0	.
4	ƯƠNG	14	32	10	10	12
				22		22
		32	66	=	22	x3

			ANG 1	OANG 2	ƯƠNG 3	ƯỜNG 4
431	2522	ai đang	tan hoang	tay nàng	đến nơi	
441	2540	cũng thương	miền đường	lời nàng	mới răn	
414	2552	thịt xương	ngang tàng	chiến trường	như không	
441	2612	là thường	trăm đường	tan vàng	thì thôi	
414	2618	Trên đường	rỡ ràng	đoạn trường	là đây	
414	2634	trướng giàng	vội vàng	chiêu hương	đã rồi	
414	2646	càng thương	giữ nàng	rộng đường	vân du	
144	2650	hại nàng	đủ đường	đoạn trường	thế thôi	
144	2662	vững vàng	đưa đường	đoạn trường	mà đi	
441	2694	Tiền đường	thảo đường	mây vàng	chia đôi	
411	2706	bóng gương	mặt nường	giải vàng	chưa phai	
414	2738	mà thương	trì tang	Liêu-dương	lại nhà	
441	2768	ngẩn đường	ngoài tường (đợi)	vội vàng	chạy ra	
144	2776	với chàng	lạ dường	tìm đường	cứu cha	
441	2806	đến hương	càng thương	một càng	xót xa	
141	2814	cho đang	ngày đường	gặp nàng	mới thôi	
141	2820	cũng sang	lỗ thường	lòng nàng	ngày xưa	
144	2838	cho chàng	văn chương	xuân đường	kịp thì	
11.	2852	mơ màng	ghi vàng	thấy nàng	về đây	
41.	2866	càng thương	thề vàng	ngọc đường	với ai	
114	2876	thấy nàng	cùng chàng	hai đường	tin nghi	
114	2894	Thúc lang	phụ phàng	toan đường	bể hoa	

14 AOA VÕ ỪONG | 7.1
17. IÊNG/y. VII

1 ANG (12) 3B 7V (5 3/4 4)

chàng	2912	3094	
chàng (lạ)		2982	
giàng		2952	
ràng	2954	2964	2983
	3005		
ràng (rõ)		2911	
vàng (kim)		3006	3093
vàng (vội)		2949	

4 ƯỜNG (12) 5B 10V (3 5/4 4)

Dương 陽	2948	
dường (dường?)	3114	
đường	2950	3116
đường 堂	3004	
Đường 錢塘	2984	
xx Tường 详	2910	
thường 常	2965	3115
trường 场	2966	
Vương 王	2953	
x giường	3092	

	Âm vần	Vần	Chữ vần	Vần 8 sau		bằng
1	ANG	7	12	5	3	4
4	ƯỜNG	10	12	3/8	5	4/8
		17	24	=	8	x 3 chữ vần

IÊNG

giềng	240
nghiêng	241
riêng	242

âm v	vần	chữ v	vần 8
IÊNG	3	3	= 1 x 3

		ANG 1		OANG 2		UỐNG 3		ƯỜNG 4	IÊNG
411	2910	mới	tường	rõ	ràng	mới	chàng	Thủ sinh	
41ỉ	2948	Duy	đường	vội	vàng	một	đường	phó quan	
141	2952	Chuốt	giường	rủ	Vương	tìm	nàng	sau xưa	
ỉ4ỉ	2964	một	nàng	lễ	thường	đàn	tường	bến sông	
4ỉ4	2982	lạ	dường	vói	nàng	Tiền	đường	buổi sau	
ỉ11	3004	Chật	đường	gọi	nàng	sen	vàng	bước ra	
411	3092	trôn	giường	nghìn	vàng	vói	chàng	mai xưa	
ỉ4ỉ	3114	bảy	mường	khi	thường	một	đường	chấp kinh	

XVII IÊNG

240	láng giềng	nghiêng nghiêng	tắc riêng	một mình

Ă Â Ưng 15

1/.

1 ĂNG (48)	bẵng	136			
17B 17v	bằng (như)		1026	1285	
	bằng (bài)		1633	2423	
(17 17 14)	chẳng	330	458	476.	1024
	chẳng phải	1088.	1336	1632	2370
		2426	2684.	2992	
	dặng (chừng)		1576		
	dằng 藤		902		
	đằng (dài)		1025	2009	
	hằng 恒		332		
	Hằng 姮 chị		1338	1634	
	lăng 陵		477		
	năng 能		368		
	nắng (nói)		1562	2010	2372
	rặng	1560	1595	2008	
	rằng	331	460	474	587
			903	2371	2427
	thẳng		138	588	
	thằng 赤繩		459	904	
	trăng	137	369	467	
		1090	1337	1594	

2 ÂNG (4)	lẫng (lừng)		2686	
2B 3v	nâng		468	
~~2 2~~	vẫng		466	1358
3 ỬNG (17)	bừng	1561		
4B 9v	chừng	370	1359	1596
(6 4 7)		1804	2994	
	dừng	586	1752	
	dửng	1803		
	đừng	1754		
	mừng	1802		
	rừng	1089	1578	
		1753	2993	
	từng (chưa)	1360		
	xừng	1576		

	âm vần	vần	chữ vần	C. sáu	vần 8	(chồng) lưng
1	ĂNG	17	48	17	17	14
2	ÂNG	3	4	0	2	2
3	ỬNG	9	17	6	4	7
				23		23
		29	69	=	23	× 3 chữ vần

ĂNG ÂNG ƯNG
1 2 3

111	136	dặm	bằng.	gió	trăng.	vài	thằng.	con con
111	330	cho	chăng	thưa	rằng	chất	hằng	phỉ phong
113	368	cho	nâng	đêm	trăng	đã	chừng	xuân qua
111	458	sợ	chăng	xích	thằng	tiếng	rằng	tường trì
212	466	phải	vâng	cầm	trắng	tay	nâng	ngang mày
111	476	phải	chăng	Quảng	lăng	hai	rằng	hành vân
311	586	bỗng	dừng	biết	rằng	lò	thằng	bàn tờ
111	902	cát	đằng	thừa	rằng	xích	thằng	nhiệm trao
111	1024	cho	chăng	đầu	đằng	sao	bằng	thác trong
131	1088	phải	chăng	về	rừng	ngậm	trăng	nửa vành
111	1336	mấy	chăng	cung	trăng	chị	Hằng	ở trong
233	1358	thì	rằng	đã	chừng	chưa	từng	hay sao
131	1560	bể	rầng	như	bưng	nói	năng	một lời
313	1576	đã	xưng	dùng	dằng	động	rừng	lại thôi
113	1594	giỏ	trăng	rỉ	rằng	liệu	chừng	như qua
111	1632	cho	chăng	bài	bằng	chị	Hằng	nghĩ nao
333	1752	chẳng	dừng	mạch	riêng	cũng	đừng	nhìn chi
333	1802	lạy	mừng	một	dừng	tổ	chừng	nẻo xa
111	2008	cửa	rằng	đài	đằng	nói	năng	dịu dàng
111	2370	nào	chăng	nên	rằng	nói	năng	phải lời
111	2426	được	chăng	gọi	rằng	bắt	bằng	mà tha
112	2684	phải	chăng	ai	bằng	lăng	lăng	rạch ròi
	2992	miền	chăng	lửa	rừng	liệu	chừng	mức mây

Ong Ông Ung 1

1 Ong (30) 10 ` 13 √ (11 10 9)

dòng	14						
lòng	4	13	160	183			
	246	252	304	334			
	350	353	381	388			
	451	456	542				
mong	306						
mòng	158						
phong 丰	5						
phong 封	285						
phong 蘴	332						
song (sông)	450						
Song 窗	173	245					
trong 中	184						
trong (sạch)	455						
vòng	389						
xong	244	344	652				

2 Ông (26) 8 ` 15 √ (8 8 10)

Ông	654						
công 公	653						
công 工	85						
chồng	88						
đông 冬	543						
đồng 同	452						
đồng 銅	253						
đồng 筒	397						
hồng 紅	6	86	90	286	333	354	497
không	172	182	305	496			
lồng	174	454					
nồng	498						
sông	396						
thông	390						
trông	284	380					

3 Ung (10) 4 ` 9 √ (3 4 3)

chung	84	89
chung 終	352	
chùng	254	
lùng (lạ)	349	
* ngùng (ngại)	348	
phùng 逢	159	
tùng 松	398	
trung 中	15	
* lùng (lạnh)	382	

	âm √	vần sai	chữ sai	vần ¢	lẩy
1 Ong	13	30	11	10	9
2 Ông	15	26	8	8	10
3 Ung	9	10	3	4	3
	37	66	= 22 dòng		×3

ONG ÔNG UNG

4 đón lòng	tử phong	má hồng	đánh ghen
12 bậc trung	rốt lòng	nổi dòng	nho gia
84 lời chung	hoá công	má hồng	phôi pha
88 không chồng	loan chung	tham hồng	là ai
158 chóc mòng	tương phùng	thỏa lòng	tìm hoa
172 thu không	đầy song	cây lồng	bóng sân
182 hay không	bén lòng	ngụ trong	tính tình
244 cho xong	thủ song	bên lòng	biếng khuây
252 ngán lòng	như đồng	tơ chùng	phím loan
284 hằng trông	nguồn phong	bóng hồng	vào ra
304 sớm lòng	hư không	mà mong	chân về
332 phỉ phong	chỉ hồng	tại lòng	mẹ cha
348 ngại ngùng	lạ lùng	cầm lòng	cho đang
352 thủy chung	tấm lòng	khấu hồng	trao tay
380 đứng trông	bấy lòng	lạnh lùng	bấy lâu
388 tạ lòng	đi vòng	nẻo thông	mới rao
396 non sông	thư đồng	tranh tùng	treo trên
450 song song	tấc lòng	chữ đồng	tận xương
454 bóng lồng	trắng trong	chút lòng	chưa cam
496 được không	thửa lòng	cũng nồng	tấm yên
542 thốt lòng	ta đồng	cho xong	còn chầy
652 chẳng xong	Chung công	Vương ông	về nhà

16 Ong Ông Ung 2

1 Ong (35) 11 \ 9 v (10 11 14)

dong (thong)	693	1027	1198		
dòng		1106			
đòng (lòng)		797	"		
lòng	722	738	788	794	
	876	880	918	1028	
	1038	1127	1207		
mong		694	796	855	
phong 风		1105			
trong 中		760	786	874	1018 1208
trong (sạch)		879	1026	1197	
xong	692	720	856	878	
	1019	1104	1196		

2 Ông (20) 5 \ 11 v (8 5 7)

chồng		737		
đông 東		793		
đồng 同		1039		
đồng 侗		1160		
đồng 銅		758		
hồng	762	787	798,	854
	875	917	1036	1128
không (1)		764	1174	
nồng		759		
sống		916		
trông		1035	1040	
trồng		1020		

3 Ung (11) 6 \ 9 v (4 6 1)

chung	736	1034	1206
chung 鍾	794		
dung 容 蓉	1158		
dùng	1159		
đùng (đùng)	1175		
hùng (hổ)	1106		
hùng 雄	1176		
lùng (lạ)	763		
khủng (khoảng)	721		

	âm v	vần	ch. vần	Sai	vần ^	Lỗi
1	Ong	9	35	10	11	14
2	Ông	11	20	8	5	7
3	Ung	9	11	4	6	1
				22		22
		29	66	=	22	x 3
					đúng	

(1) xem XVI/5

692	Cũng xong	thong dong	đã xong	độ về
720	chưa xong	thẹn thùng	tấm lòng	với ai
736	của chung	nên chồng	ắt lòng	chẳng quên
758	lạnh đồng	giấc nồng	kẻ trong	người ngoài
762	dọt hồng	lạ lùng	mở không	ra lời
786	ở trong	e hồng	xa lòng	đôi phen
792	tình chung	gió đông	đau lòng	khi đi
796	mà mong	long đong	má hồng	được sao
854	má hồng	mã mong	lá xong	một đời
874	ở trong	dọt hồng	dại lòng	thấp cao
878	giả xong	bụi trong	tấm lòng	trở đấy
916	non sông	vá hồng	tấm lòng	thân hôn
1018	ở trong	chưa xong	nọ trông	kiếp sau
1026	khác trong	thong dong	đổi lòng	mà chơi
1034	ở chung	xa trông	bụi hồng	dặn kia
1038	tấm lòng	chén đồng	rày trông	mai chờ
1104	cho xong	trùng phong	vân dòng	kiện nhi
1126	hãi hùng	nở lòng	vô hồng	lấm nau
1158	phù dung	chước dùng	một đồng	xưa nay
1174	rằng không	dùng dùng	thị hùng	ra tay
1196	cho xong	trắng trong	thong dong	dặn dò
1206	riêng chung	tấm lòng	vành trong	tám nghì

1.6 Ong Ông Ung 3

1 ONG (28)	bòng	1507			
5, 12v	chong	1646			
(10 5 13)	dong (thg)	1307	1493	1569	
	hòng	1476			
	lòng	1284	1331	1340	1352
		1484	1494	1506	1536
		1556	1565	1570	
	phòng 房	1711			
	ròng	1485			
	sòng	1508	1748		
	tòng 從	1332	1475		
	trong 中	1338	1460		
	vòng	1378			
	xong	1377	1462		
2 ÔNG (30)	bông	1306			
15, 12v	công 功	1554	1710		
(8 15 7)	công 公	1376	1402	1459	1463
	đồng 同	1339			
	đồng 銅	1304			
	hồng	1216	1303	1308	
		1404	1464	1566	
	không (1)	1302	1534	1564	
	lồng	1382			
	nồng	1282	1350	1381	
		1535	1568	1712	
	sông	1330	1380	1647	
	thông 通	1492			
	thông 椿	1351			

xem XVI/5

3 UNG (8)	cung 宫	1458	
2, 7v	chung	1474	
(4 2 2)	~~đùng~~		
	đùng (dũng)	1403	1555
	giùng (giẩu)	1486	
	lùng (lạ)	1218	
	nùng (nũ)	1283	
	thùng (thọm)	1217	
	thung (thông) 木春	1351	

	âm v	vần	chữ v	vần v
1	ONG	12	28	= 10 + 5 + 13
2	ÔNG	12	30	= 8 + 15 + 7
3	UNG	7	8	= 4 + 2 + 2
		31	66	= 22 x 3 dòng

(sai — 22 — lỏng 22)

1216 vẻ	hồng /	thẹn thùng /	lạ lùng /	khắt khe
1282 càng	nồng /	não nùng /	cầm lòng /	được chăng
1302 như	không /	chuốt hồng /	hơi đồng /	thì mê
1308 đượm	bông /	thong dong /	trướng hồng /	tàn hoa
1330 lạch	sông /	ơn lòng /	bên tòng /	dễ đâu
1338 ở	trong /	dải đồng /	chia lòng /	riêng tây
1350 lửa	nồng /	nhà thông /	biết lòng /	có thương
1376 cửa	công /	đến xong /	lọt vòng /	trần ai
1380 tình	sống /	càng nồng /	càng lồng /	màn sen
1402 cửa	công /	đùng đùng /	phái hồng /	thôi tra
1458 ngang	cung /	cửa công /	song trong /	là tình
1462 là	xong /	lễ công /	đuốc hồng /	diễn sao
1474 riêng	chung /	chữ tòng /	đã lòng /	đầy niềm
1484 đáy	lòng ? /	nằm ròng /	giăng giăng /	được nào
1492 chửa	thông /	thong dong /	quyết lòng /	hồi trang
1506 khổ	lòng /	đeo bòng /	nói sòng /	cho mình
1524 thì	không /	càng nồng /	ra lòng /	trăng hoa
1554 tấm	công /	đùng đùng /	ra lòng /	tiếc người
1564 như	không /	dấn lòng /	lần hồng /	xuống yên
1568 càng	nồng /	thong dong /	trong lòng /	mà ra
1646 lửa	chong /	bến sông /	lần sông /	ai hay
1710 dâng	công /	môn phòng /	giấc nồng /	chưa phai

16 Ong Ông Ưng

1 ONG (35)
12 ^ 13 v
(11 12 12)

bòng	1783				
cong	2116				
chong	1870				
dong (thong)	2052				
dong 容 (mặt)	1828				
giòng	2214				
lòng	1782	1830	1852	1868	
	1909	1954	2038	2053	
	2073	2118	2131	2176	
	2212	2216	2240	2276	
mong	1925				
phòng 房	1869	2054			
tòng 從	2117	2215			
trong 中	1854	2096			
vòng	1910				
xong	1730	1829	1959		
	2072	2292			

2. ÔNG (23)
9 ^ 15 v
(6 9 8)

bồng	2242				
công 公	2130				
chồng	1728				
đông 东	2170				
đồng (gà)	1729				
đồng 同	1952				
đồng 桐	1853				
hồng 红	1924	1926	2132	2175	2241
không 空	1908				
không (!)	2074	2180	2192	2274	
lồng	2182				
nồng	2211				
rồng	2194	2210			

xem XVI/5

ông*, dông 2172

sống	2097

3 UNG (8)
1 ^ 6 v
(5 1 2)

chung	2293		
dung 容	2193		
dùng dùng	2294		
hùng 雄	2174	2181	2275
phùng 逢	1784		
vùng (vẫy)	2191		

	âm v	vần	chuỗi v		vần ^
1	Ong	13	35 = 11	+ 12	+ 12
2	Ông	15	23 = 6	+ 9	+ 8
3	Ưng	6	8 = 5	+ 1	+ 2
		34	66	= 22	x 3
				dòng	

1728	lộn chồng /	gà đồng /	chẳng xong /	bề nào
1782	nỉ lòng /	đèo bòng /	tường phùng /	kiếp sau
1828	động dong /	vừa xong /	đau lòng /	chung thiên
1852	nát lòng /	tơ đồng /	người trong /	khóc thầm
1868	đắng lòng /	loan phòng /	đèn chong /	canh dài
1908	cửa không /	chiều lòng /	trong vòng /	bước ra
1924	bụi hồng /	con mong /	túi hồng /	là thôi
1950	cho xong /	cam lòng /	chữ đồng /	làm hai
2036	vào trong /	nâu sồng /	lành lòng /	liền thương
2052	thong dong /	thuộc lòng /	trai phòng /	quen tay
2072	chẳng xong /	dãi lòng /	là không /	hợp gì
2116	cây cong /	chữ tòng /	biết lòng /	làm sao
2130	Thổ công /	dãi lòng /	tơ hồng /	kết duyên
2170	Việt đông /	vẫy vùng /	non sông /	một chào
2174	anh hùng /	lầm hồng /	hai lòng /	cũng vừa
2180	có không /	anh hùng /	chim lồng /	mà chơi
2192	hay không /	bao dung /	mây rồng /	có phen
2210	cưới rồng /	đang mừng /	động lòng /	bèo phường
2214	thẳng giong /	chữ tòng /	quyết lòng /	xin đi
2240	tố lòng /	chỉ hồng /	tay bồng /	tay mang
2274	hay không /	anh hùng /	cam lòng /	ấy chưa
2292	chưa xong /	thủy chung /	đùng đùng /	sấm vang

16 O Ong Ông Ung 5

1 Ong (26) 9 14
(6 9 11)

bóng		2801		
dong (thong)		2661		
dòng	2483	2634		
đòng	2508			
hòng	2802			
lòng	2328	2418	2434	2546
	2556	2628	2693	2732
	2814			
mong		2420		
mòng (vần)		2924		
phong 封		2748		
phong 鋒		2507		
phòng 房		2847		
trong 中	2630	2660	2700	
vòng	2528	2846		
xong	2616			

2 Ông (28) 9 12
(12 9 7)

công 公從	2419		
công 功	2555	2563	2699
công 攻	2506		
chồng	2629	2813	
đông 東	2746	2923	
đồng 同	2327	2436	2564
* đồng 銅	2519		
không (1)	2326	2554	2662
	2692	2747	2812
lồng	2734		
mông (mênh)		2633	2733
sông	2562	2618	2632
	2694	2698	
* đồng 桐		2848	

3 UNG (12) 4 9
(4 4 4)

chung 鍾	2800	
dùng (dùng)	2647	2922
hùng (hổ)	2484	
hùng 雄	2452	2547
nhung 絨	2452	
rung	2520	
trung 中	2435	2454
trung 忠	2482	
vùng (vẫy)	2548	

	âm vần	vần	chữ vần	sắc		ngang
1	ONG	14	26	6	9	11
2	ÔNG	12	28	12	9	7
3	UNG	9	12	4	4	4
				22		22
		35	66	=	22	x 3
					dòng	

(1) không có 4 nghĩa dấu hiệu như sau
1 ▭ chữ
2 ▭↗ hay không?
3 ▭↘ trông không
4 ▭↘ bật

2326	nhớ không /	chữ đồng /	phụ lòng /	cố nhân
2418	cạnh lòng /	Từ công /	nào mong /	có rày
2434	cam lòng /	quân trung /	hội đồng /	tẩy oan
2452	đồng nhung /	anh hùng /	quân trung /	hậu ban
2482	đắc trung /	giữa dòng /	hãi hùng /	nước sa
2506	tập công /	tiên phong /	bác đồng /	phục sau
2518	giữa vòng /	như đồng /	ai rung /	chẳng dời
2546	sạt lòng /	anh hùng /	vẫy vùng /	biển khơi
2554	nhử không /	làm công /	đem lòng /	bấy nhiêu
2562	bến sông /	hạ công /	hội đồng /	quân quan
2616	chưa xong /	dùng dằng /	là sông /	Tiền đường
2628	phụ lòng /	lấy chồng /	đứng trong /	cõi đời
2632	dưới sông /	mênh mông /	giữa dòng /	trường giang
2660	vào trong /	thong dong /	ngồi không /	vững vàng
2692	chỉ không /	mừng lòng /	bên sông /	Tiền đường
2698	giòng sông /	mây công /	ẵng trong /	chuyển vần
2732	chạy lòng /	mênh mông /	mây lồng /	trước sau
2746	gió đông /	sẵn không /	rêu phong /	dãi dầy
2800	tình chung /	đèo bòng /	thì hồng /	bỏ sao
2812	nói không /	vợ chồng /	dứt lòng /	cho đang
2846	trầm vòng /	hương phòng /	phím đồng /	ngày xưa
2922	đùng đùng /	cõi Đông /	vân mòng /	làm sao

Ong Ông Ưng 16 8 .1.

1 ONG (8)	lòng	3038	3063	3055
1 \ 4 v		3090	3180	
(4 1 3)	sòng	3215		
	trong (sạch)	3179		
	vòng	3092		
2. ÔNG (8)	chồng	3091		
5 \ 8 v	đồng (đậu)	3202		
(1 5 2)	đông 东	3214		
	hồng 红	3044		
	hồng 鸿	2968		
	không? ↗ (1)	3036		
	sông	2966		
	sống	3042		
3 UNG (8)	cung 宫	3203		
2 \ 8 v	cũng	3056		
(3 2 3)	chung	3054		
	lùng (lạ)	3216		
	mừng (nẫo)	3204		
	phùng 逢	3037		
	trùng 重	3178		
	trùng (trùng)	2967		

	âm v	vần	chữ v	v đ
			sai	
1	ONG	4	8 = 4 + 1 + 3	
2	ÔNG	8	8 = 1 + 5 + 2	
3	UNG	8	8 = 3/8 + 2 + 3/8	
		20	24 = 8 x 3	

(sai, hàng, dòng)

(1) xem tg XVI/5

2966	bến sông	trùng trùng	cánh hồng	lưỡi giáo
3036	nửa không	trướng phùng	tấm lòng	lâu nay
3042	nấm sông	tro lòng	bụi hồng	lâm chí
3054	ở chung	chiều lòng	đều cùng	bước ra
3090	cũng lòng	vợ chồng	trăng vòng	trên giường
3178	nghìn trùng	khơi trong	khác lòng	người ta
3202	mới đồng	nấm cung	não nùng	xôn xao
3214	rạng đông	nói sòng	lạ lùng	khéo lao

Tóm lại

BÒNG 3 (345)	PHÒNG 4 (345)
CONG 1 (4)	RÒNG 1 (3)
CHONG 2 (34)	SONG 1 (3)
DONG 8 (2345)	SONG 窗 2 (1)
DONG 容 1 (4)	SÒNG 3 (36)
DÒNG 4 (125)	TÒNG 從 2 (34)
ĐONG 1 (2)	TRONG 13 中 (12345)
ĐÔNG 1 (5)	— (rạch) 5 (125)
GIONG 1 (4)	VÒNG 6 (13456)
HÒNG 2 (35)	XONG 14 (12345)
LÒNG 65 (cả)	
MONG 6 (1245)	
MÒNG ch 1 (1)	
MÒNG v 1 (5)	
PHONG 風 1 (2)	
— 丰 1 (1)	
— 封 2 (15)	
— 蜂 1 (3)	
— 鋒 1 (5)	

A.Ê.I.OA.UY NH / 1
18

ANH ÊNH INH OANH UYNH

1 ANH (38)	anh 英	116			
13c 20v	anh 鍈	148			
	anh 鸚	45	64		
(13 14 11)	cành	66	270	294	433
	danh	149			
	đành	28	219	376	
	gành*	56			
	hành 行	46			
	manh (mối)		342		
	manh (mong)		65		
	mành (mành)		185	213	269
	mảnh (tơ)	244			
	quanh	55	293		
	rành	125			
	ranh (vắng)	60	292		
	thanh 青	44,			
	thành*	54	thành		
	thành 城	27	258		
	thành 誠	126	343	374	
	xanh	8	26	58	73
		143	268	344	504
2 ÊNH (2)	gềnh*	56	→ (x gành)		
1c 2v	thềnh*	54	(x thành)		

3 INH ()					
7c 11v	kinh 京	10			
(9 7 9)	kinh 驚	125	218		
	kinh 荊	505			
	linh 靈	118			
	Minh 明	9			
	minh 明	59	150		
	mình	74	186	214	
		220	242	375	
		432			
9	quỳnh 瓊	144			
s	sinh 生	257			
t	tình 情	73	117	142	
		184	212	243	
		256			
	Trinh 貞	506			
4 OANH					
5 UYNH (1) 0c 1v	huỳnh 螢	434			
5 VENH					

	âm v	vần	chữ v	c.vần sàn →	g	lưng
1	ANH	20	38	13	14	11
2	ÊNH	2	2	0	1	1
3	INH	11	25	9	7	9
4	OANH	0	0		0	
5	UYNH	1	1		0	
		34	66	=	22 dùng	x 3

8	sử xanh /	triều Minh /	hai kinh /	vững vàng
26	kém xanh /	nghiêng thành /	tài đành /	họa hai
44	đạp thanh /	yến anh /	bộ hành /	chơi xuân
54	thanh thanh /	nẻo quanh /	cuối ghềnh /	bắc ngang
58	nửa xanh /	Thanh minh /	váng tanh /	thế mà
64	yến anh /	mong manh /	gẫy cành /	thiên hương
72	mỡ xanh /	sự tình /	là mình /	với ta
118	tình anh /	gặp tình /	hiển linh /	bây giờ
124	rành rành /	đến kinh /	tình thành /	chẳng xa
142	tự tình /	dặm xanh /	cây quỳnh /	cành dao
148	trâm anh /	tài danh /	thông minh /	tính trời
184	tỉnh tình /	xế mành /	một mình /	thiu thiu
212	tự tình /	mành mành /	rằng mình /	chiêm bao
218	mà kinh /	đã đành /	phận mình /	thế thôi
242	một mình /	hữu tình /	tơ mành /	cho xong
256	gương tình /	ba sinh /	khuynh thành /	trêu người
268	chùm xanh /	buông mành /	trên cành /	mưa mai
292	vầng tanh /	rào quanh /	một cành /	kim sa
342	mối manh /	tác thành /	xuân xanh /	một đời
374	tác thành /	một mình /	đã đành /	có nay
432	một mình /	đầu cành /	trướng huỳnh /	hắt hiu
504	chùm xanh /	bố kinh /	chữ trinh /	làm đầu

AEIOAUY NH/2
18

1 ANH (34) 12 18 (10 12 12)

Anh 鸚 (yến)	514	955	1096	
Bành 三彭	962			
canh 更	717			
cành	515	674	1091	1158
danh 名	625	854	956	
dành	516			
đinh 釘	1072			
hành	872			
khanh 羌卿	1062	1092	1156	
mành	1063	1090		
quanh	681	1054		
tanh (hôi)	853			
tành	582	676		
thanh 清	887			
thanh 聲	626			
thành 成 (4)	604	670		
vành	1098			
xanh 581	680	1052	1157	

2 ÊNH (2) 1 1 — gênh (gập) 870

3 INH (29) 9 10 (10 9 10)

đình 亭		871			
hình 形		888			
khinh 輕		886			
minh 明		960			
mình	532	606	672	682	
.	736	804	852	859	
.	1073				
ninh 嚀		531			
sinh 生 (死)		858	1097		
sinh 生 (嘗)		625	805		
tinh 星 (sao)		954			
tình 情		530	580	605	
.	675	718	806	860	
.	961	1064	1074		

4 OANH (1) Oanh 鶯 671

5 UÊNH (1) quềnh 1053

6 VYNH

âm v	vần	chữ v	c. vần 8 sẵn		lưng
1 ANH	18	34	10	12	12
2 ÊNH	1	1	.	1	.
3 INH	10	29	10	9	10
4 OANH	1	1		0	
5 UÊNH	1	1		0	
6 VYNH	0	0		0	
	30	66	=	22 dòng	x 3

514 yến anh	liền cành	đã đành	một nơi
536 tự tình	đinh ninh	nỗi mình	xa xôi
580 thâm tình	muối xanh	tan tành	gói may
604 sinh thành	hạ tình	bán mình	chuộc cha
624 vấn danh	Giám sinh	Lâm thanh	tập gần
670 sinh thành	nàng Oanh	bán mình	hay sao
674 nhiễu cành	dứt tình	tan tành	nước non
680 con xanh	toan quanh	thiệt mình	là hai
716 một mình	tàn canh	mười tình	chi đây
804 một mình	Giám sinh	phong tình	đã quen
852 nỗi mình	hồi tanh	ô danh	má hồng
858 quyên sinh	một mình	hai tình	thì sao
870 gập ghềnh	trường đình	tiễn hành	đưa theo
886 xem khinh	người thanh	như hình	con buôn
954 triển tình	làm anh [illegible]	với danh	phận gì
960 cho mình	hay tình	tam Bành	mụ lên
1052 xanh xanh	mặt duềnh	kêu quanh	ghế ngồi
1062 Sở khanh	dưới mành	ra tình	đeo đai
1072 sắt đanh	nghĩ mình	lạt tình	giở vờ
1090 nửa mành	bóng cành	Sở khanh	lẻn vào
1096 yến anh	tử sinh	ngậm vành	về sau
1156 Sở khanh	lầu xanh	mây cành	phù dung

vở AEIOu Vỹnh 3

1 ANH (2.) 6.. 14✓ (1[illegible] 6 9)	canh 更 (tuần năm)	1234	1521		
	cành	1323	1424	1500	1739
	danh 名	1356			
	đành	1398	1510		
	khanh dẹp	1230			
	quanh	1491	1544	1651	
	ranh (trẻ)	1542			
	ranh (rây)	1630			
	rành	1391			
	tành	1740			
	thanh 清	1473			
	thành 城	1299			
	vành	1324			
	xanh	1354	1390	1418	1472
	[illegible]	1499	1520		
2 ÊNH (1) 1.. 1✓	tênh (buồn)	1322			

3 INH (37) 14.. 14✓ 10 14 12	bình 平 (2)		1462	1509? 坪?		
	bình 瓶		1575			
	đình 庭		1461			
	đình 亭		1300	1498		
	đinh 霆		1422			
	hình 形		1355	1492		
	hình 刑		1447	1423		
	kinh 驚		1652	1738		
	minh 明		1508			
	mình		1232	1256	1400	
		1416	1528	1540	1576	
	[illegible]		1606	1608	1650	
*	[illegible]inh (三)		1257			
	tình 情		1258	1298	1392	
		1399	1460	1490	1509? 平	
	[illegible]	1574	1605	1474	bình → 平	
	thinh	1609				
*	minh 寧	1604				

	âm ✓	vần	chữ vần	f. vừ ✓ sai		trùng
1	ANH	14	28	= 11 +	6 +	9
2	ENH	1	1		1	
3	INH	14	37	10/21	14	12/21
4	OANH					
5	UÊNH					
6	UYNH					
		29	63	= 21 đồng		x 3

1230	Trùng khanh	tàn canh	thương mình	xót xa
1256	việc mình	tam sinh	biết tình	chẳng ai
1298	dứt tình	khuynh thành	xiêu đình	như chơi
1322	buồn tênh	lìa cành	lượng vành	mà chơi
1354	lầu xanh	dại hình	ngại danh	giá chẳng
1390	lầu xanh	rành rành	lấy tình	nài kêu
1398	cho đành	thương tình	tiếc mình	làm chi
1416	mặc mình	già hình	lầu xanh	phó về
1422	lỗi đinh	gia hình	mặt cành	mấu đơn
1460	lại tình	gia đình	bất bình	lả xong
1472	nảy xanh	đêm thanh	bày tình	riêng chung
~~1476~~	~~dẫy miền~~	~~vừng tanh~~		
1490	biết tình	giấu quanh	như hình	chưa thông
1498	cao đình	xanh xanh	mây cành	Dương quan
1508	cho mình	bất bình	tôi đành	phận tôi
1520	cây xanh	xăm canh	một mình	phập phồng
1540	vào mình	giấu quanh	trẻ ranh	nực cười
1574	sự tình	miệng bình	mà mình	đã xong
1604	qui mình	mọi tình	sự mình	chịu đau
1608	chi mình	làm thinh	rập ranh	những ngày
1650	ẩn mình	gần quanh	thất kinh	rụng rời
1738	chẳng kinh	mặt cành	tan tành	một phen

18 AEIOaUYNH 4

1 ANH (16) 7 10	canh 更 (cháo)	1882	.	.	.	
	đành	1749	.	.	.	
(5 7 4)	hành 行	2042				
	quềnh	2040	2251			
	rành (rảnh)	2045				
	sanh (sắm)	1916	2126			
	thanh 清	2163				
	thành 城	2269				
	vành	1808	2020			
	xanh	1942	1948	2146	2162	
2 ÊNH (2) 2 2	đênh (lênh)	2018				
	khênh thênh	2108				
3 INH (43) 11 17	binh 兵	2219	2250	2283		
	bình 平	2190				
(15 11 17)	bính 餅	2128				
	đinh (linh)	2117				
	đình 亭	1986				
	dinh 庭	2164				
	kinh 京	2041				
	kinh 經	1914	1984			
	minh 明	1915				
	mình	1750	1886	1944	2019	
	.	2046	2049	2110	2148	
	.	2188	2252			

INH	nghinh 迎	2270				
	rình (rập)	2284				
	sinh 好生	1748				
	sinh 求生	1806	1887	1897		
	tinh 精	1985				
	tinh 猩	2220				
	tình 情	1807	1884	1888	1896	
	.	1898	1943	1950	2048	
	.	2109	2147	2189	2218	
	.	2282				
4 OANH 1	doanh .	1889	2268			
5 UÊNH	duênh	1949				
6 UYNH 1	huỳnh .	2044	2050			

âm vần	vần	chữ	sắc	vần	lặng
1 ANH	10	16	5	7	4
2 ÊNH	2	2	0	2	0
3 INH	17	43	15	11	17
4 OANH	1	2	1	1	0
5 UÊNH	1	1	1	0	0
6 UYNH	1	2	0	1	1
	32	66	= 22	28 dòng	22 ×3

1748	hiền sinh	đã đành	lấy mình	cho hay
1806	Thúc sinh	rõ tình	vào vành	chẳng sai
1882	nắm canh	đài doanh	đè tình	hỏi tra
1886	nỗi mình	Thúc sinh	thực tình	cho vào
ATV 1896	chút tình	Thúc sinh	mà tình	nên thương
1914	tụng kinh	bình minh	sắm sanh	lễ thường
1942	áo xanh	với tình	một mình	cho hoa
1948	xuân xanh	dưới duềnh	với tình	cho xong
1984	viết kinh	đã tình	Lan đình	nào thưa
2018	lênh đênh	một mình	tròn vành	ăn no
2040	nói quanh	Bắc kinh	tu hành	bấy lâu
2044	sư huynh	rành rành	bên mình	đổ ra
2048	hậu tình	một mình	sư huynh	ít ngày
2108	thênh thênh	thuận tình	lụy mình	buổi sau
2126	sắm sanh	linh đình	rửa bình	thắp hương
2146	lầu xanh	biết tình	cắt mình	bay cao
2162	ngày xanh	đêm thanh	biên đình	đến chơi
2188	tại mình	hữu tình	cầu Bình	nguyện quân
2218	thương tình	tinh binh	bóng tinh	rợp đường
2250	giáp binh	chung quanh	lánh mình	một nơi
2268	đại doanh	sủng thành	thân nghinh	cửa ngoài
2282	tụ Tình	khao binh	dập dình	nhạc quân

18 AEIOaVYNH

字	dành	2070		
1 ANH (14)	canh 更 cầm	2502		
5n 9v	danh 名	2914		
定	đành	2652		
(2 5 7)	khanh	2382		
	lành	2580	3069	
	rành (–)	2886	2946	2956
	tành (tan)	2387	2552	
	thành 城	2904.	2948	
2 ÊNH (1)	đênh (lênh)	2605		
3 INH (50)	binh 兵	2500	2903	2957
16n 29v	Bình 平帝	2947		
	đình 庭	2755		
(19 16 15)	đình 廷	2463	2550	
	hình 形	2562		
	hình 刑	2386		
	kinh 經	2365		
	kinh 香	2388		
	kinh 京.	2888		
	linh 靈	2319.	2902	2958
	minh 明	2318	2604	2913
	minh 盟	2501		
	mình .	2464	2660	2672
	.	2756	2788	3015
	.	3087		

INH	minh 嚀	2787			
16n	sinh 生 (sanh)	2383	2887	2912	
	sinh (sanh)	2560	2579	2606	
		2786	3086		
	tinh 晶	2670			
	tình 情	2320	2364	2366	2384
		2561	2578	2659	2671
	TV	2754	3014	3016	3068
		3088			
	vinh 榮 .	2551			
4 OANH (1) 1n 1v	hoành 橫、	2462			

	âm V	vần	chữ vần	vần 8 sắc		bằng
1	ANH	9	14 =	2	5	7
2	ÊNH	1	1	1	0	0
3	INH	19	50	19	16	15
4	OANH	1	1	0	1	0
		30	66 =	22	22 × 3	22

dòng

2318	cho minh	uy linh	ân tình	cho phu
2364	thương tình	viết kinh	dứt tình	chẳng theo
2382	Sở khanh	Giám sinh	đáng tình	còn sao
2386	gia hình	tan tành	hồn kinh	phách rời
2462	tung hoành	triều đình	phận mình	ra đâu
2500	giải binh	yên minh	tiếng canh	trễ tràng
2550	triều đình	phụ vinh	tan tanh	thịt xương
2560	tử sinh	thương tình	di hình	bên sông
2578	vì tình	ba sinh	cầm lành	cho ai
2604	thông minh	lênh đênh	tử sinh	chốn nào
2658	đã đành	chữ tình	lấy mình	vào trong
2670	bằng tình	với tình	một mình	mình hay
2754	sự tình	tụng đình	bán mình	chuộc cha
2786	lại sinh	đinh ninh	cắt mình	ra đi
2886	rành rành	Giám sinh	Bắc kinh	đưa về
2902	uy linh	tinh binh	một thành	Lâm truy
2912	Thúc sinh	phân minh	tính danh	là gì
2946	rành rành	Nam bình	Nhận thành	Duy dương
2956	rành rành	giao binh	thu linh	trận tiền
x 3014	là tình	gieo mình	sự mình (bình (?))	đầu đuôi
3068	nhiên tình	lại lành	đã đành	có nơi
3086	tử sinh	chi mình	chung tình	làm hai

1
18
AEIOU VT
NH 6./

1ANH	đành	3163
INH	kinh [illegible]	3102
(2 3 3)	kính [illegible]	3116
	minh	3104 . 3118 . 3144
	tình	3103 3142
	trình	3117

	âm v	vần	chữ v	vần s8 Sai		lưng
1	ANH	1	1	1	0	0
2	INH	5 / 8	8 / 9	2/3	3 / 3	3/8 × 3

= 3 dòng

3102	bố	kinh	vì tình	tủi mình	lắm ru
3116	chấp	kinh	làm tình	được mình	ấy vay
3142	chung	tình	đã đành	cái mình	bỏ đi

XVII- IÊNG (có rồi, ở trang 44)

240	láng	giềng	nghiêng nghiêng	tấc riêng	một mình

13 ON ÔN UN UÔN 1/.

1 ON (40) — 10 · 13v

con	677	289	1012	
con (-)		138	1631	
còn	168	326	678	734
	1011	1974	2326	
đòn	1588	1842		
giòn		2831		
giồn		139		
hòn (bồi)		1844		
mòn	325	733	1973	2832
non (đồi)		1010		
non ([illegible])		140		
non	676	732	919	1328
	1600	1972	2325	
son	1589	1599	1630	2087
	2830			
tròn	418	920	1329	1590
	1632.			

2 ÔN (9) — 6 · 7√

chôn		890	
chồn		324	
hôn [illegible]		822	
hỏn [illegible]		918	1598
hồn [illegible]		1843	
khôn		166	
môn [illegible]		410	2086

3 UN (1)

giun		2324	

4 UÔN (7) — 2 · 5√

buôn	820	888	2088
buồn		167	
chuồn		411	
khuôn		821	
nguồn		1330	

âm v	vần	chữ v	vần 8
1 ON	13	40	10
2 ÔN	7	9	6
3 UN	1	1	1
4 UÔN	5	7	2
	26	57 =	19 dòng x 3

ON ÔN UN UÔN

138	con con	câu giòn	nhuốn non	da trời
166	chồn khôn	côn buồn	người còn	nghé theo
324	đã chồn	rũ mòn	lại còn	hôm nay
410	kim môn	cành chuồn	vuông tròn	mà hay
676	nước non	thân con	lá còn	xanh cây
732	nước non	xương mòn	cũng còn	thơm lây
820	lái buôn	vào khuôn	nghinh hôn	sẵn ngày
888	con buôn	chi con	thác chôn	quê người
918	thần hồn	lạ non	tháng tròn	đến nơi
1010	đào non	hãy còn	làm con	cái nhà
1328	nước non	vuông tròn	ngọn nguồn	lạch sông
1588	đã đòn	cạt son	trăng tròn	sánh vai
1598	thần hồn	tảo son	nước non	quê người
1630	sắt son	con con	vuông tròn	cho chẳng
1842	có đòn	tan hồn	bồ hòn	ráo ngay
1972	nước non	đá mòn	cũng còn	kéo tờ
2086	đồng môn	sùm son	bán buôn	có lời
2324	tiể giun	nghìn non	chẳng còn	nhỏ không
2830	lòng son	héo giòn	hao mòn	mình ve

XIX AO/1

AO (66)
22.. 25✓
(22 22 22)

ào		578			
bao chiếu		214	230	250	444
bao bánh		628			
bao (xử...)		310	674		
cao 高		237	495	673	
chào		145			
dao		577	799		
dao 瑤		144			
dào		238			
đao					
đào 桃		391	446	503	528
giao 膠		359			
hao 耗 sức		251			
lao 勞		601			
nao! (đâu)		502			
nao? (nghĩ)		236			
nào	110	215	231	312	
	490	496	602	623	
	861				
ngao		252			
rào	390	504			
sao?	111	494	600	672	
	687	798	860		
tao 騷	491				
thao (trăng)	527				
trao	350	686			
vào	112	116	216	232	
	311	392	445	526	
	624	630	688	800	
	862				
xao	360	576	622	629	
nao (?)	492				

âm v	vần	chữ vần		vần ?
AO	25	66	=	22 dòng x3

1.	110	thế	nào	hay sao /	vận vào /	khó nghe
	144	cành	dao	ra chào /	nấp vào /	dưới hoa
2	214	chiêm	bao	đâu nào /	ra vào /	đến đây
	230	chiêm	bao	thế nào /	vịnh vào /	thế kia
	236	nghĩ	nao	thấp cao /	đã đào /	mạch tương
	250	chiêm	bao	dần hao /	lòng ngao /	ngại lòng
3.	310	xiết	bao	ra vào /	người nào /	xa xôi
	358	đổi	trao	tất giao /	xôn xao /	tưởng người
	390	mới	rào	động đào /	lối vào /	Thiên thai
4.	444	chiêm	bấc	sắc vào /	hồ đào /	thêm hương
	490	thế	nào	tiêu tao /	nao nao /	lắng người
	494	biết	sao	ý cao /	chút nào /	được không
5.	502	đã	<u>nao</u>	yến đào /	ngấn vào /	chim xanh
×	526	gọi	vào	buồng thao /	sân đào /	vội ra
	576	xôn	xao	tay đao /	ào ào /	sắc sôi
6.	600	biết	sao	cù lao /	bên nào /	nặng hơn
	622	xôn	xao	mụ nào /	tìm vào /	vẫn danh
	628	bình	bao	lao xao /	rước vào /	lầu trang
	672	hay	sao	cùng cao /	biết bao /	nhiễm cảnh
	686	mới	trao	làm sao /	buộc vào /	tự nhiên
7.	798	được	sao	thanh dao /	gói vào /	gút khăn
8	860	thế	sao	thế nào /	lùng vào /	song thân

XIx
AO/2

AO (66)	bao (chưa)		1644			
22 18v	bao		1744			
	cao		876	896	1126	
	.		1226	1655	1732	
	chào		925	1093		
	dao 刀		906			
	đào 桃		877	897	1279	1635
	đào (vườn)		997	1225	1466	
10	hao (tiền)		1487			
	Lào		1361			
	nao (nghĩ)		1634			
	nào	878	905	998	1124	
	.	1170	1280	1414	1486	
	.	1656	1730	1736	1738	
	.	1745				
15	rao (rêu)		1169			
	sao 星		1464	1636		
	sao	924	976	996	1125	
	.	1224	1360	1374	1416	
	.	1488	1642			
	.					
	tao (ta)	977	1731			
20	trao	904	1094	1375		
	vào	898	926	978	1092	
	.	1168	1278	1362	1376	
	.	1415	1643	1737	1746	
24 24 20	xao xôn xao	1465	1654			

âm v	vần	chữ v	vd
AO	18	66 =	22 x 3 dòng

876	thấp cao /	thờ đào	kiếp nào /	thả rong
896	thấp cao /	thờ đào	trắm vào /	tới người
904	nhiệm trao	thế nào	nọ dao /	quỉ thần
924	làm sao	han chào	bước vào /	tận nơi
976	sớm sao	phép tao	sân vào /	ra tay
996	được sao	má đào	trời nào /	đã cho
1092	lên vào	ra chào	rỉ trao /	ân cần
1124	lối nào	làm sao	bước cao /	hãi hùng
1168	dẫn vào	rêu rao	cơn nào /	ở đây
1224	biết sao	trướng đào	càng sao /	phẩm người
1278	quỉ vào	hoa đào	nét nào /	chẳng ưa
1360	hay sao	Ngô Sào	trông vào /	mặt ta
1374	dám sao	tay trao	thân vào /	cửa công
1414	bề nào	luận vào	muốn sao /	mặc mình
1464	điểm sao	xôn xao	trướng đào /	sánh đôi
1486	được nào	tiêu hao	làm sao /	chẳng là
1634	nghĩ nào	song đào	ba sao /	giữa trời
1642	làm sao	rưới vào	chiêm bao	biết gì
1654	lao xao	càng cao	nâng vào /	thấy đâu
1730	bề nào	cửa tao	làm cao /	thế này
1736	nhẽ nào	dập vào	gan nào /	chẳng kinh
1744	quản bao	mạ nào	ra vào /	mà thương

X 1B
AO 3

AO (63)		bao	2490	2762			
21	20✓	bảo	1889				
(21 21 21)		cao 高	1815	2148	2166		
			2379	2492	2495	2546	2600
		dao 刀	1814				
		dào	2487	2545	2722		
		đao 刀	2385	2491			
		đảo 濤	1955				
		đào 桃	2149				
		đào (sửi)	2179	2297	2601	2607	
		hào 豪	2167				
		nao!	1888	2763			
	*	nào	1956	1982	2119	2380	
			2496	2544	2592	2602	
			2606				
		ngào	1981				
	*	sao (星)	2296				
		sao	1816	1954	1958	2118	
TV			2178	2384	2386	2591	
			2723				
		Sào 巢		2494			
		khao	2168				
		vào	1890	1960	1980	2120	
			2150	2180	2298	2378	
			2486	2488	2590	2608	
			2724	2764			
	x	nao (nào)	2763 → (xem nao trên)				
	x	rào mùi	1959				

âm v	vần	chữ v.	vần ?
AO	20	63 = 21 x 3 dòng	

6 11 15 19 24 25 33 36 44 47 59 61 63

	1814	không dao /	trời cao /	làm sao /	bây giờ
	1888	cho nao /	như bào /	trông vào /	chẳng đang
	1954	được sao /	sóng đào /	lúc nào /	rủi may
	1958	nữa sao /	màu rào /	trông vào /	cũng hay
	1980	buổi vào /	ngọt ngào /	chốn nào /	lại chơi
	2118	làm sao /	thế nào /	chắc vào /	lưng đâu
	2148	bay cao /	hoa đào /	buộc vào /	như chơi
	2166	khước cao /	anh hào /	lược thao /	gồm tài
	2178	hay sao /	má đào /	ai vào /	có không
	2296	ruồi sao ×	cờ đào /	đạo vào /	Lâm Truy
	2378	dần vào /	trời cao /	sự nào /	tại ta
TV	2384	còn sao /	khai đao (?)	cờ sao /	gia hình
	2486	nói vào /	dồi dào /	thấm vào /	đã đâu
	2490	biết bao /	binh đao /	đã cao /	bằng đầu
	2494	Hoàng sào /	quyền cao /	lối nào /	cho qua
	2544	bề nào /	tuôn dào /	thấy cao /	sự lòng
	2590	trông vào /	hay sao /	thế nào /	được đây
	2600	khâu cao /	phai đào /	phần nào /	phần mười
	2606	chốn nào /	tơ đào /	giắt vào /	tận tay
	2722	dồi dào /	biết sao /	gọi vào /	bên tai
	2762	xiết bao /	nơi nao /	tìm vào /	tận nơi

XIX
AO/4%

OA	(45)	ao		3067			
15n	22√	bao		2835	3014	3068	
(15 15 15)		bao (chiếu)		2834	2876	3012	
		bào (nhu)		2830			
		bào 袍		3013			
		cao		3084	3138	3217	3242
		dao 遙道		2874			
		dào		2844	3244		
		đảo (lao)		2926			
		đào 桃		2875	3218		
		đào (sâu)		3140			
		đào 清波		3063			
		giao 交		3062	3083		
		hao 耗 [illegible]		2925			
		khao (khát)		2829			
		lao (khăn)		3216			
		nao		2828			
		não	2836	2842	2970		
		.	3100	3205	3243		
		sao .	2924	2971	3066		
		.	3082	3101	3206		
		thao (phủ)		3139			
		vào	2843	2972	3064	3102	
		rao	3204				

âm √	vần	chữ √	vần 8	
OA	22	45	= 45 dòng	x 3

Cộng 22 + 22 + 21 + 15 = 80 dòng => 240 chữ v. OA

2828	nỗi	nao	khát khao		như bào	lòng son	
2834	chiêm	bao	niết	bao	thế nào	mà hay	
2842	được	nào	ra	vào	càng dào	tình xưa	
2874	tiêu	dao	hoa	đào	chiêm bao	thấy nàng	
2924	lẫn	sao	tiêu	hao	lao đao	thẩn-thờ	
2970	chốn	nào	lạ	sao	tìm vào	đến nơi	
3012	chiêm	bao	quạt	bào	xiết bao	là tình	
3062	kẻi	giao	ba	đào	chác vào	cho em	
3066	chờ	sao	mai	ao	biết bao	nhiều tình	
3082	ấy	sao	thâm	giao	trên cao	có trời	
3100	nỗi	nào	mình	sao	dạ vào	bố kinh	
3138	trông	cao	sủ	thao	má đào	thêm xuân	
3204	xôn	xao	tay	nào	nay sao	vui vầy	
3216	khen	lao	chữ	cao	tối đào	như ai	
3242	thanh	cao	người	nào	dồi dào	cả hai	

XX
EO ÊU
IU IÊU 1

I EO (9) 4	5v	bèo	330	1447				
		chèo		2172				
		gieo		1366				
		theo	123	168	872	2366		
		veo		169				
II ÊU (5) 3	4v	kêu	1392					
		rêu	124					
		thêu	127	1314				
		trêu	264					
III IU (8) 3	5v	dìu	642	873	944			
		hiu	434					
		rìu	1394					
		sìu	1201					
		thìu		186	435			
IV IÊU (44) 12	15v	chiêu 招		1148				
		chiều (gió)		170				
		chiều (thơ)		2368				
		chiều (kẻ)		188	436	500	1820	
		điêu 貂		1315				
		điều	329	421	1200	1316	1365	1446 2362
		KIÊU	874	1822.	2173			
		kiều 嬌		126	187	1149		
		kiều 橋 荍		266	643			
		liều	328	422	1150	1202		
			1364					

IÊU 5	nhiễu		644		
	nhiều		122	265	420
			1393	1448	2360
	tiêu 宵		942		
	xiêu	499	1821	2361.	
	yêu	128	498	943	2174
		2367			

	âm v	vần	chữ v	c vần sai	8	tuy
1	EO	5	9	3	4	2
2	ÊU	4	5	1	3	1
3	IU	5	8	3	3	2
4	IÊU	15 / 29	44 / 66	15 / 22	12 / 22	16 / 22 ×3

dộ

412	122	ít nhiều /	lấn theo /	in xâu /	rành rành
424	156	hai kiều /	buông thêu /	thân yêu /	<u>chói màng</u>
114	168	nghé theo /	Trong veo /	gió chiều /	tha ra
344	186	thiu thiu /	tiểu kiều /	có chiều /	thanh tân
244	264	khẩy tiêu /	tưởng nhiều /	Lam kiều /	lần sang
441	328	đã hiểu /	hai điều /	dâu bèo /	cho chàng
424	420	cũng nhiều /	đến đầu /	mà hiểu /	với thân
334	434	hát hiu /	thu thiu /	nửa chiều /	như mê
444	498	tẩm yêu /	xiêu xiêu /	có chiều /	lả lời
344	642	dật dìu /	Lam kiều /	bao nhiêu /	đống chương
134	872	đưa theo /	dật dìu /	một Kiều /	ở trong
443	942	nguyện triều /	cũng yêu /	dập dìu /	trúc mai
448	1148	cung chiêu /	Mã kiều /	đánh liều /	chực đoàn
434	1200	đủ điều /	sập sìu /	phải liều /	thế thoi
266	1314	gấm thêu /	nói điều /	hai điều /	ngang ngang
444	1364	cũng liều /	đến điều /	nặng gieo /	đến lời
243	1392	nài kêu /	đã nhiều /	búa rìu /	cũng cam
443	1446	biết điều /	bọt bèo /	ít nhiều /	bút nghiên
444	1820	một chiều /	hồn xiêu /	nàng Kiều /	ở đây
444	2172	một chèo /	nàng Kiều /	cũng xiêu /	anh hùng
444	2360	trái nhiều /	phách xiêu /	liệu điều /	kêu ca
444	2366	chẳng theo /	kính yêu /	ai chiều /	cho ai

XX EO ÊU IU IÊU 2

1 EO	(5)	bèo	2473	2810			
2.	3v	gieo	2968				
		theo	2970	3126			
2 ÊU	(1)	khêu	2804				
3 IU	1v						
4 IÊU	(21)	chiều (lè)		2803	3079		
7.	10v	điều	2680	2812	2969	3125	
		KIỀU	2679				
		hiều	2558	3167			
		nhiêu	2556	3168			
		nhiều	2474	2557	2678	2811	
			3078	3166			
		tiêu? 湉?		2802			
		TIÊU 蕉 (chàng)		3124			
		triều 潮		3080			
		xiêu		2472			

		âm v	vần	chữ v	vần 8	
1	EO	3	5	1	2	2
2	ÊU	1	1	.	0	1
3	IU	0	0	.	0	.
4	IÊU	10	21	8	7	6
		14	27 =	9	x	3

414	2472	dễ xiêu	cánh bèo	đã nhiều	gian truân
444	2556	bây nhiêu	tội nhiều	nên liều	mình tôi
444	2678	còn nhiều	Thúy Kiều	khỏi điều	tà dâm
.42	2802	bỏ (sau) tiêu	trăm chiều	cùng khâu	mối phiền
144	2810	dạt bèo	đã nhiều	phải điều	nói không
141	2968	lui gieo	lạ điều	biết theo	chén nào
444	3078	đã nhiều	trăm chiều	thủy triều	chảy xuôi
441	3124	chung tiêu	hết điều	quyết theo	mặt bài
444	3166	đón nhiều	đã liều	bây nhiêu	là tình

21
Au

22
A

XXI
AU ÂU 1

1 AU (24) 11.. 7V (5 11 8)	chau	488				
	dàu	656	1002			
	đau	4	109	664		
	lau (cây)	98				
	màu	264	948			
	nhau	2	197	323	474	
	,	649	928			
	sau	76	110	234	274	
		548	657	830	946	
		1000				
2 ÂU (42) 11.. 13V (17 11 14)	câu ả	.	100	404		
	cầu (cũng)		196			
*	châu 珠		77	198	405	665
	dâu (cây)		3	507		
	dầu (mỡ)		78	697		
	đâu.	108	235	262	272	
	.	406	776	829	947	19
	đầu 頭	99	322	384	487	666
	tầu (chó)	506				
	lâu	273	324	382	698	
	lâu 樓		778			
	sầu	236	263	383	476	
	.	486	550	696	777	
	thâu (sáo)		1001			
*	cầu 求		475	508		
*	cầu 球		658			

	âm v	vần	chữ v	sai vần 8	lẻ
1	AU	7	24.	5 11	8
2	ÂU	13	42	17 11	14
		20	66 =	22 đồng	~3

2	ghét	nhau /	bể dâu /	mà đau /	đón lòng
76	duyên	sau /	xe châu /	mặc dầu /	cỏ hoa
98	ngọn	lau /	mái đầu /	bốn câu /	ba vần
108	ai	đâu /	mà đau /	biết sau /	thế nào
196	cỏ	cầu /	đến nhau /	ném châu /	gieo vàng
234	mai	sau /	cứ đâu /	chác sầu /	nghĩ nao
282	nữa	đâu /	còn sầu /	như màu /	khảy trên
272	ở	đâu /	giờ lâu /	mé sau /	có nhà
322	cúi	đầu /	gặp nhau /	bấy lâu /	đã chiều
382	bấy	lâu /	đổi sầu /	mái đầu /	hoa tàn
404	bốn	câu /	phun châu /	cũng đau /	thế nầy
474	xem	nhau /	phượng cầu /	như sầu /	phải chăng
486	ngẫm	sâu /	cúi đầu /	khi chau /	đôi mày
506	làm	điều /	trong dâu /	ai cầu /	lựa chi
548	trước	sau /	chi nhau /	đã sầu /	chia phôi
656	ruột	đau /	về sau /	gieo cầu /	dường đôi
664	lòng	đau /	dòng châu /	gieo đầu /	trường vôi
696	mối	sầu /	cũng dâu /	bấy lâu /	mặt lời
776	quản	đâu /	thảm sầu /	Nam lâu /	mấy hồi
828	đưa	nhau /	kém đâu /	còn sau /	thì lời
946	cửa	sau /	biết đâu /	những màu /	dở dang
1000	về	sau /	ngày thâu /	dàu dàu /	vừa tan

XXI AU, ÂU 2

1 AU (28)	dàu	1051				
11 ∧ 8 √	đau	1120	1136	1250	1679	
(9 11 8)	mau nhặt	1121				
	màu	1052	1334	1518		
	nau	1128				16
	nhau	1513	1547	1582		
		1657	1678			15
	sau	1020	1098	1116	1122	
		1129	1146	1167	1432	
		1512	1516	1618	1658	21
	thau	1581				29
2 ÂU (38)	bâu	1717				
11 ∧ 14 √	câu	1056				
(13 11 14)	cầu 求	1137				
	châu 珠		1057			
	dâu (cây)		1252			
	dầu (mặt)		1620			6
	đâu	1022	1050	1058	1100	
		1114	1130	1144	1168	
		1242	1332	1514	1546	18
		1580	1628	1656		
	đầu	1021	1099	1138	1145	25
		1548	1627			
	lâu	1333				
	lầu	1115				
	mầu	1619				30
	sâu	1166	1251	1433		
	sầu	1241	1434	1626	1680	
	thâu	1240				

	âm vần	vần	chữ vần	'vần' 8 (sai)	Lăng
1	AU	8	28 =	9 + 11 + 8	
2	ÂU	14	38	13 + 11 + 14	
		22	66 =	22 × 3	
				dòng	

1020	kiếp	sau /	cuối	đầu /	muộn	đâu /	thề	nầy
1050	về	đâu /	dàu	dàu /	một	màu /	xanh	xanh
1056	bốn	câu /	rèm	châu /	tiếng	đâu /	họa	vần
1098	về	sau /	gật	đầu /	ai	đâu /	mà	rằng
1114	đến	đâu /	xuống	lầu /	ngựa	sau /	một	đoàn
1120	một	đau /	quý	mau /	mé	sau /	rậy	ràng
1128	lắm	nau /	trước	sau /	cảnh	đâu /	lên	trời
1136	chẳng	đau /	khấu	cầu /	cất	đầu /	máu	sa
1144	để	đâu /	lâu	đầu /	trè	sau /	cũng	chưa
1166	hiểm	sâu /	nghĩ	sau /	ở	đâu /	dẫn	vào
1240	trắng	thâu /	đeo	sầu /	vui	đâu /	bao	giờ
1250	mà	đau /	cao	sâu /	bóng	dâu /	tà	tà
1332	dễ	đâu /	bấy	lâu /	mặt	màu /	điểm	trang
1432	kẻo	sau /	nghĩ	sâu /	hoa	sầu /	vì	ai
1512	đến	sau /	lời	nhau /	đi	đâu /	mà	chẳng
1516	năm	sau /	chia	bâu /	nhuốm	màu /	quan	san
1546	đi	đâu /	được	nhau /	cất	đầu /	chẳng	lên
1580	đâu	đâu /	vàng	thau /	tin	nhau /	cả	mười
1618	về	sau /	cũng	mầu /	mực	dầu /	ra	tay
1626	mối	sầu /	ngang	đầu /	biết	đâu /	ngọt	bùi
1656	thấy	đâu /	nhìn	nhau /	trước	sau /	tìm	quàng
1678	đưa	nhau /	càng	đau /	quét	sầu /	cho	khuây

AU, ÂU 3

1 AU (26)	chau		2111			
9.. 8v	đau		2112			
(10 9 7)	mau (chóng)		1717	2267		
	mau (nhật)		1933			
	màu		1785	2067		
	nhau	2122	2202	2332	2402	2409
	sau	1718	1784	1992	2043	
	.	2066	2110	2187	2196	
TV	.	2198	2226	2261	2266	
	.	2408				
	thau		2188			
2 ÂU (40)	âu (lo)		2013			
13.. 16v	âu (thể)		2002			
(12 13 15)	cầu 求		2121	2204		
	châu 珠		1934			
	chầu (chực)		2268			
	chẫu (bò)		2262			
	dâu (cây)		2031			
	dầu (dãi)		2030			
	đâu	1772	1786	1966	1994	
		2001	2014	2032	2120	
		2186	2224	2400	2410	
	đầu 头	1773	2197	2260		
	đầu chấp	1932	2068			
	đấu 斗	2203				
	hầu	1716	1774	2044		
	lâu	1965	1993	2042	2225	
	.	2333	2401			
	lầu .	2000				
	sâu	1964	2012	2334		

	âm v	vần	chữ	sắc vần	lẻ
1	AU	8	26	10 + 9 + 7	
2	ÂU	16	40	12 + 13 + 15	
		25	66	= 22 / 22 / 22 dày	22 n3

1716	lên [illegible] hầu	giục mau	theo sau	mọi người
1772	là [illegible] đâu	lược đầu	con hầu	dám sai
1784	kiếp sau	một màu	biết đâu	là nhà
1932	đứng đầu	treo mau	rời chân	vắng người
1964	ơn sâu	bấy lâu	biết đâu	mà lường
1992	trước sau	đã lâu	để đâu	nửa giờ
2000	trên lầu	xiết đâu	thể âu	một người
2012	hiểm sâu	lo âu	ở đâu	chốn nầy
2030	dấu dầu	ngàn dâu	biết đâu	là nhà
2042	bấy lâu	đến sau	sang hầu	Sơ huynh
2066	trước sau	giảm màu	gót đầu	bảy ngay
2110	buổi sau	mảy chau	càng đau	như dâu
2120	lưng đầu	sổ cầu	với nhau	một lời
2186	vào đâu	ra sau	vàng thau	tại mình
2196	mai sau	gật đầu	trước sau	mấy người
2202	có nhau	tấm đầu	là câu	mới thân
2224	đi đâu	ít lâu	năm sau	vội gì
2260	khấu đầu	nói sau	rước chầu	vu qui
2266	kéo sau	ruổi mau	trống chầu	đại doanh
2332	gặp nhau	chưa lâu	nghĩa sâu	cho vừa
2400	là đâu	mấy lâu	gặp nhau	đó mà
2408	viếu sau	với nhau	hết đâu	vội gì

TV

221 AU ÂU/4

1 AU (27)	dàu	2792				
11.. 7v	đau	2791	3166			
(10 11 6)	lau (cây)	2690				
	làu (-)	2735				
	màu	2626				
	nhau	2465	2668	2530	2689	
		2720	2940	2986	3156	
		3164				15
	sau	2493	2508	2624	2688	
		2721	2734	2984	3027	
		3157	3211	3212	3231	27
2 ÂU (36)	cầu 求		3158			
10/1 13v	châu 珠		2570	2625		
(11 10 15)	dâu (rể)		2980			
	dầu (hương)		3232			
	dầu (mặc)	2469				6
	đâu	2464	2494	2509	2571	
		2736	2790	2942	2982	
		3026	3230			
	đầu 头	2470	2490	2492	2532	20
	đầu	2510	2568 → [illegible]			
	hầu 候	2466				
	lâu	2489	2722	2981		
		3165	3210			
	sâu	2488	2941	2985		31
	sầu	2531	2567	2572	3028	
	tâu	2566				

36

âm vần	vần	chữ vần	số vần 8 (e)	dòng
1 AU	7	27 = 10 + 11 + 6		
2 ÂU	13	36 = 11 + 10 + 15		
		21 — 21		
	20	63 = 21 x 3		
		dòng		

2464	ra đâu /	lấy nhau /	công hầu	làm chi
2468	được nhau /	mặt dấu /	thân đâu /	có ai
2488	để sầu /	bấy lâu /	trên đầu /	biết bao
2492	bưng đầu /	về sau /	khác đâu /	Hoàng đào
2508	phụ sau /	biết đâu /	ra đầu /	của viên
2530	với nhau /	cơn sầu /	gieo đầu /	một bên
2566	nhiệt tàu /	mưa sầu /	nắm đầu /	ngón tay
2570	rời châu /	ở đâu /	nghìn sầu /	lần thay
2624	để sau /	rèm châu /	một màu /	bao la
2688	duyên sau /	nghìn nhau /	bể lau	rước người
2720	giã nhau /	về sau /	phúc lâu	dồi dào
2734	trước sau /	làu làu /	biết đâu /	chốn này
2790	ở tàu /	càng đau /	cũng đều	như dưa
2940	thấy nhau /	vực sâu /	biết đâu /	mà nhìn
2980	em dâu /	bấy lâu /	sự đâu /	lạ dường
2984	buổi sau /	đáy sâu /	gặp nhau	rước về
3026	thiếu đâu /	hôm sau /	trả sầu /	làm trời
3156	phụ nhau /	về sau /	lọ cầu /	chị đây
3164	lỡ nhau /	bấy lâu /	những đau	đái nhiều
3210	bấy lâu /	cùng nhau /	về sau	cũng chừa
3230	tìm đến //	xưa sau /	hương dầu	hôm mai

XII ÂY
AY OAY VÂY 1

1 AY (35)	bay	50	122			
13,, 11 v	cay	490				
	dày	407				
(10 13 12)	hay (biết).	412	489	545 (hay tốt)		
	may (vá)	582				
	mày	468	483			
	nay	193	314	326	376	
	.	387	511	558		
	ngay (lại)	120	378	414	560	→ thật → thẳng
	ngày	194	248	284	315	
	.	510	568	591		
	tay .	52	298	354	377	
		559	592			
	tày	512				
2 ÂY (30)	cây	121	328			
8,, 10 v	chầy	217	386	544		
(12 8 10)	đây	192	216	282		
		296	355	388		
	đầy	247	584			
	mây	283	327	546	590	
	nẩy	218	297	356	406	
	.	408	470			
	ngẩy	413				
	tây [illegible]	51	569			
	tây [illegible]	316	469	583		
	vầy (vò)	570				
3 OAY						
4 VÂY (1)	khuây	241				
1,, 1 v						

âm vần	vần	chữ v	vần 8 (sâu)	(tăng)
AY	11	35 = 10 + 13 + 12		
ÂY	10	30 12	8	10
OAY	0	0	0	
VÂY	1	1	1	
	22	66 =	22 dòng	×8

50	giấy bay	về bây	dan tay	ra về
120	đến ngay	rung cây	hương bay	ít nhiều
192	đến đây	xưa nay	ban ngày	đã quên
216	đâu đây	canh chầy	sau này	mơ kinh
246	biếng khuây	càng đầy	một ngày	dài ghê
282	chi đây	cánh mây	ngày ngày	hằng trông
296	đến đây	báu này	vào tay	ai cầm
314	bấy nay	một ngày	niềm tây	gọi là
326	hôm nay	khung mây	ấp cây	đã liền
354	trao tay	từ đây	chút này	làm ghi
376	số nay	sẵn (?) tay	rảo ngay	mé tường
386	bấy chầy	hôm nay	ra đây	lạ lùng
406	thà vầy	chửa dày	giá này	cho ngang
412	mà hay	khó ngây	toàn ngay	một lời
468	ngang mày	nâng tay	lòng này	lân thân
488	đôi mày	là hay	nuốt cay	thế nào
510	một ngày	xưa nay	đẹp tay	Thái Trường
544	còn chầy	cho hay	chân mây	cuối trời
558	hôm nay	rời tay	dụng ngay	mọi nhà
568	một ngày	hiên tây	như vầy	biết ta
582	gói may	nâng tay	cho đây	túi tham
590	rộng này	suốt ngày	phụ tay	bồi tàn

XXII
. AY ÂY Oay
Vây 2

1 AY (33)		bay	616	908	990		
12 n 12 v		dày	636	979			
(9 12 12)		hay (bài)	744				
		may	941				
		may hỏi	913				
		mày	930				
		nay	756	931			
		ngay	940	950			13
	X	ngày	.614	.680	.822	881	
			910	.942	980	1010	
		say	.757	804	.824	.914	
		tay	.637	.758	.823	.882	29
			909	.978	.984		
		vay (muộn?)		610			33
2 ÂY (33)		bây (bài)	973				
10 n 15 v		cây	678	743			
(13 10 10)		chầy	803				
		dây	986				
		đây	611	.718	766	.880	
			951	.972	.1009.		12
		đầy	719				
	*	lây	734				
		mây	.735	.912	.1008.		
		mầy	767	952	974		20
		nầy	.612	.720	.736	742	
			768	.802	.932	985	25
		ngây	616				
		tây	991				
		thầy	992				
		vầy (vậy)	679				
	*	gẫy	638				

	âm v	vần	chữ v	sẵn vần +	làng
1	AY	12	33 = 9 +	12 +	12
2	ÂY	15	33	13 (22) 10	10 (22)
		27	66 =	22 dòng	x 3

6. 610	xót vay	luồn đây	việc này	mới xuôi
614	ba ngày	thề ngày	tai bay	bất kì
636	mặt dày	bắt tay	điệu gầy	như mai
678	xanh cày	cũng vầy	những ngày	con xanh
7. 718	chi đây	thứ đầy	mối này	chưa xong
734	thơm lây	tờ mây	vật này	của chung
742	phím nầy	lá cây	thì hay	chị về
756	tử nay	máu say	đôi tay	lạnh đồng
766	ở đây	duyên mây	sau này	đã em
8. 802	phận này	một chày	như say	một mình
822	sẵn ngày	đến tay	cũng say	khuở vàng
880	tễ đây	nhiều ngày	mắc bay	bạn bè
9. 908	nhủ bay	phân tay	ngày ngày	đầm đầm
912	ngăn mây	hơi may	riêng say	một người
930	lông mày	xưa nay	ông này	tiền sư
940	khẩn ngay	cho may	ngày ngày	nguyên tiêu
950	ngồi ngay	mẹ đấy	cậu mày	bên kia
972	tao đây	bai bây	mà mầy	đạo nghĩa
978	ra tay	đất dây	những ngày	ra đi
984	quả tay	mực này	dứt dây	phong trần
990	hồn bay	buôn tây	chạy thầy	thuốc men
10. 1008	mưa mây	vào đây	đợi ngày	đào non

XXII ÂY
AY Day
Vây 3

1 AY (37)	bay	1552					
12 v 16 v	bày	1572					
	dày	1221	1261				
(16 12 9)	đày		1068				
	hay (biết)		1177	1551			
	hay (kết)		1023	1205	1220	1531	
	may (may)		1574				
	mày	1426					13
	nay	1160	1318	1515			
	ngay (lại / sát)	1180	1437	1612 → Hay (thuộc)			
	ngày	1206	1397	1438	1530		
		1610					
	rày	1024	1440				
	say	1573					27
	tay	1141	1164	1176	1181		
		1260	1441	1532	1550		35
	thay	1319					
	thay (đổi)		1256				37
2 ÂY (29)	chầy	1514	1611				
10 v 12 v	dây	1398					
(6 10 13)	đây	1066	1140	1170	1204		
		1396					
	đầy	1342	1427				
	gầy	1428					11
	mây	1067	1171	1341			14
	nầy	1022	1142	1162	1172		
		1178	1182	1222	1254		
		1262	1320	1442	1516		26
	ngậy	1255					
	rầy	(xem rày)					
	tây [illegible]	1340	1436				29

âm vần	vần	chữ v	vần 8 (sáu, lưng)
1 AY	16	37	16 + 12 + 9
2 ÂY	10	29	6 10 13 → 32
		66	22 = 22 x 3 dòng

10. 1022	thế này	là hay	như vầy	cho chàng
1066	đến đây	trên mây	cho đây	đọa hoa
11. 1140	đến đây	ở tay	thế này	thì thôi
1160	xưa nay	trao tay	chuyện này	trò kia
1170	ở đây	rủ mây	mặt này	là ai
1176	ra tay	có hay	sự này	tại ai
1180	thuở ngay	ở tay	mặt này	chú ai
12. 1204	đến đây	điều hay	nỗi ngày	riêng chung
1220	nghiệp hay	mây dày	thế này	thì thôi
1254	thế này	thơ ngây	đổ thay	việc mình
1260	chuyện này	nghĩ dày	cây này	cho chừa
13. 1318	hôm nay	lừng thay	cội này	mà ra
1340	riêng tây	bèo mây	khi đầy	khi vơi
1396	sao đây	một ngày	dứt dây	cho đành
14. 1426	tác này	đã đầy	mai gầy	vóc sương
1436	riêng tây	thừa ngay	sự ngay	cầu thân
1440	có này	một tay	nỗi này	vì tôi
15. 1518	mà chầy	dấu nay	đêm này	năm sau
1530	những ngày	cũng hay	thì tay	cũng già
1550	biết tay	ai hay	gió bay	mé ngoài
1572	dài bày	nói say	mấy may	sự tình
16. 1610	những ngày	tháng chầy	sang ngày	thì gần

XXII) AY OAY ÂY UÂY

1. AY (36)	bay!	1733.				
13 n 18 v	bay	1649	1729	1969	2015	
	bày	1846				
(9 13 14)	cay	1868				
	dây (đẹp)	1867				
	hay (biết)	1648	1750			10
	hay (tốt)	1960				
	may (rủi)	1956				
	mày	2008				
	nay	1866				
	ngay (liền)	1716	1844			
	ngày	1678	1776	1790	1962	20
	.	2016				
	rày	1958				
	say	1715	1778	1845		
	tay	1620	1682	1734	1824	
	.	1836	1906	2006		32
	thay!	1696				
	vay!	1880	1904			
	vày	1677				36
2 ÂY (29)	bây	1622				
8 n 12 v	cây	1658				
(13 8 8)	chầy	1881				
	dây	1737	1961			
	đây	1714	1751	1822	1968	9
	đầy	1759 1838	1882			
	lầy	1957				
	mây	1621				
	nầy	1636	1697	1732	1752	
		1760	1788	1823	1905	
		1970	2007	2014		25

ÂY	ngây	1837	
	tây tàu	1758	
	thấy	1681	1698	29
3 OAY	.		
4 UÂY (1)	khuây	1680	
2n			

	âm vần	vần	chữ vần	c. sắc vần 8	lưng
1	AY	18	36	= 9 + 13 + 14	
2	ÂY	12	29	13 / 22 — 8	8 / 22
4	UAY	1	1	1	
		31	66	= 22 × 3 dòng	

1620	ra tay	leo mây	một bầy	côn quang
1648	ai hay	hồn bay	gốc cây	ẩn hình
1676	thế nầy	lại vầy	là ngày	chia nhau
1680	cho khuây	một thầy	cao tay	thông huyền
1696	lạ thay	dáng này	lời thầy	dám tin
17. 1714	nào đây	dở say	đôi ngày	lên hầu
1732	thế nầy	nó bay	biết tay	một lần
1750	cho hay	chỉ đây	thế nầy	chẳng dùng
1758	niềm tây	chịu đầy	thử nầy	bằng hai
1776	mọi ngày	so dây	dễ say	lòng người
1788	thế nầy	uyên bay	tháng ngày	chước thần
18. 1822	ở đây	thế nầy	mắc tay	ai rồi
1836	tận tay	như ngây	chén đầy	• chén vơi
1844	rảo ngay	nói say	lại bày	trò chơi
1866	xưa nay	ruột dày	càng cay	đắng lòng
1880	được vay	đêm chầy	mất đây	năm canh
1904	nào vay	thế nầy	bắt tay	mới vừa
1956	rủi may	vũng lầy	đến rầy	nữa sao
1960	cũng hay	bấm đầy	một ngày	duyên ta
1968	cực đây	xa bay	ngần nầy	nữa thôi
2006	bó tay	đường nầy	cau mày	nghiến răng
2014	chốn này	cao bay	có ngày	bể hoa

XXII
Ay oay
Ây uây 5

1 AY (39)	bay	2098				
12 n 15 v	~~say~~					
(11 12 16)	chạy	2056				
	giày	2028	2231			
	hay (hèn)	2621	2644			
	may (nồi)	2070	2586			
	mày	2570				
	nay	2137	2425	2645		
	ngay	thẳng 2068	2376	2594	liền	15
	ngày	2050	2052	2136	2280	
		2286	2288	2426	2530	
		2574	2588	2593	2610	27
		2646				
	rày	2420				
	say	2577	2587			
	tay	2054	3138	2357	2421	35
		2568	2608			
	tày	2569				
	thay!	2573				39
2 ÂY (27)	cây	2027	2278			
10 n 10 v	dây	2097	2378			
(11 10 6)	đây	2096	2279	2356	2529	
		2576	2592	2620		
	đấy	2422				
	gầy	2232				13
	mây	2051	2055	2230	2377	
		2424				
	bấy	2069	2358	2528	2573	22
		2609	2622			
	ngây	2578				23

ÂY

tây ...	2026	
vẫy (tay)	2287	207

Âm vần	Vần	Chữ vần	sáu Vần	lưng
AY	15	39 = 11 + 12 + 16		
ÂY	10	27	11/22 10	6/22
	25	66	= 22 x 3 dòng	

2026	về	tây	đổi cây	dài giày	cầu sương
2050	ít	ngày	ăn mày	tháng ngày	thong dong
2054	quen	tay	phướn mây	từng chày	nện sương
2068	bây	ngay	đường này	dù may	tại người
2096	nữa	đây	xe dây	mà bay	đường trời
2136	mọi	ngày	xưa nay	cũng tay	buồn người
2230	then	mây	dán giày	kiến gây	vải phân
2278	bóng	cây	biết đây	những ngày	một hai
2286	một	ngày	vui vầy	sự ngày	hoa vi
2356	đến	đây	mấy tay	đổi này	mấy gan
2376	tha	ngay	sân mây	một dây	dẫn vào
2420	có	rày	ra tay	gánh đây	đỏ đi
2424	trời	mây	xưa nay	một ngày	được chẳng
2528	hồi	vầy	nhau đây	một ngày	với nhau
2568	ngón	tay	nào tày	nhấn mày	rời chân
2572	lắm	thay	khúc này	những ngày	còn thơ
2576	là	đây	càng say	cũng ngây	vì tình
2586	là	may	quá say	rạng ngày	tỉnh ra
2592	được	đây	rạng ngày	đoán ngay	một bài
2608	tận	tay	khổ này	dù ngày	ấy thôi
2620	lả	đây	cho hay	được này	rước ta
2644	khôn	hay	xưa nay	lâu ngày	càng thương

ÂY OAY
ÂY VÂY 6

1 AY (31)	bay	2860	2995		
10 .. 19v	bày	3060			
(12 10 9)	cay	3034			
	dày (mỏng)	2713	3053	3148	
	dày (dạy)	3160			
	giày	2748			
	hay (thiếu)	2672	2836		
	may (mắn)	3146			
	mày	2991			
	nay	3038	3119	3184	
	ngay	2772			
	ngày	2839	2855	2858	3022
		3208			
	rày	3036			
	say	3059	3186		
	tay	3021	3185		
	thay!	3147			
	thay (đổi)	2856			
	vay!	3118			
2 ÂY (37)	bầy	3224			
12.. 11v	cây	3040			
(11 12 14)	chầy	2738	3138		
	dây	2840	2933		
	đây	2712	2854	2932	3020
		3052	3136	3158	
	đấy	2737	2749		
	mấy	2859	2994	3035	3039
		3120	3225		
	đầy	2673			

ÂY	nầy	2674	2714	2736	2750
		2774	2934	2992	2996
		3137	3159	3207	
	tây	2773			
	thấy	3054	3226		
	vẫy (vui)	3058	3206		
3 OAY					
4 VÂY (1)	khuấy	2990			
1.. 1v					

âm vần	vần	chữ vần	vần sắc & lửng
1 AY	19	31	12 + 10 · 9
2 ÂY	11	37	11 12 14
4 VÂY	1	1	1
	31	69 =	23 × 3 dòng

2672	mình	hay	thác	đây	khi	nầy	mới	thôi
2712	ở	đấy	đuề	dày	lòng	nầy	dễ	ai
2736	chốn	nấy	đã	đầy	bấy	chầy	mối	thương
2748	dấu	giầy	mọc	đầy	lối	vầy	năm	xưa
2772	ra	ngay	miền	tây	nước	nầy	cho	chừa
2836	mà	hay	chọn	ngày	chắp	dây	cho	chầy
2854	về	đây	đêm	ngày	đổi	thay	mấy	lần
2858	một	ngày	đường	mây	hương	bay	dặn	phần
2932	còn	đây	ngỡ	dấy	kiếp	nầy	nữa	thôi
2990	khôn	khuây	mở	mây	mừng	vầy	nữa	chẳng
2994	nước	mây	hương	bay	kiếp	nầy	hẳn	thôi
3020	gặp	đây	cầm	tay	chí	ngây	bước	ra
3034	đắng	cay	chân	mây	cỏ	xây	nắn	khăng
3038	lâu	nay	am	mây	cỏ	cây	cũng	vừa
3052	cho	đây	cao	dầy	ước	thấy	ở	chung
3058	vui	vầy	dở	say	dải	bay	một	hai
3118	ấy	vay	hôm	nay	cuốn	mây	giữa	trời
3136	hai	đây	tan	nầy	đêm	chầy	trăng	cao
3146	mảy	may	lắm	thay	mây	dầy	khó	coi
3158	chị	đây	chút	nầy	lại	dạy	cho	tan
3184	đêm	nay	cầm	tay	càng	say	vì	tình
3206	vui	vầy	lòng	nầy	đến	ngày	cam	lai
3224	bạn	bầy	am	mây	nước	thẳm	Giác	duyên

XI
ĂN, ÂN, UN 1

XI/1 ĂN

ăn	966				
khăn	712	800			
ngắn	526				
văn 文	471				

XI/2 ÂN

ân	750				
cần	433	714			
chân	801				
dần (dài)	863				
gần	134	190	438	622	626
lân 隣	155	175			
lân 璘	525				
lần (luật)	136				
tần (thứ)	864				
mẫn (tài)	968				
ngần (mực)	752				
ngẫn (tẩn)	102				
nhân 人	34	47	135		
nhân 仁	967				
phân 分	18	524	621		
phần	480				
quân 君	479	751			
(từng) quần 羣	901				
quận 郡	35	48	628		
sân	174				
tân 新	188				
Tần 秦	907				
thân 親	154	862			
thân 身	189	422	802	900	902
thân!	470				
thần 神	17	101	906		
Thần 神	439				
Nhân 坐	908				
vân (mây)	478				
VÂN (Thuy)	16				
vần 韻	100	472			

XI/3 UÂN

tuần 旬	36	627			
xuân	46	156	176	424	
	440	620	713		

âm ✓	vần	chữ ✓	mỗi Bài	mỗi Tài	lượng L
Ăn	4	5	1	3	1
Ân	31	52	19	17	16
Vân	2	9	2	2	5
	37	66	22	22	22

= 22 dòng × 3 chữ vần

16	Thúy Vân	tinh thần		mười phân	vẹn mười
34	não nhân	hồng quân		lên tuần	cập kê
46	chơi xuân	giai nhân		áo quần	như nêm
100	ba vân	tâm thần		tần ngần	chẳng ra
134	gần gần	văn nhân		bước lần	dặm băng
154	đồng thân 亲	hương lân		khóa xuân	hai kiều
174	bóng sân	đông lân		cành xuân	la đà
188	thanh tân 新	pha thân		nhủ gần	như xa
422	với thân 身	ân cần		chén xuân	tàng tàng
438	lại gần	non Thần		đêm xuân	mơ màng
470	lầm thân! 申	dây <u>vân</u>		theo vần	cung thương
478	Hành vân	chiêu quân		nửa phần	tư gia
524	mười phân	. vẻ lân		. cửa <u>ngăn</u>	gọi vào
620	ba xuân	bằng nhân		xa gần	xôn xao
626	tận gần	bốn tuần		áo quần	bánh bao
712	thắm <u>khăn</u>	giấc xuân		ân · cần	hỏi han
750	ái ân	tình quân		có ngần	ấy thôi
800	gửi <u>khăn</u>	đến chân		với thân	phận này
862	song thân 亲	dần (?) dần		một lần	là thôi
900	một <u>thân</u> 身	tương quân		cho <u>thân</u>	cát đằng
906	quỉ thần	mây tần (vần)		hồng trần	như bay
966	nửa <u>ân</u>	bất nhân		tần mần	thử chơi

XI
ĂN ÂN UÂN 2

XI/1 ĂN

hăn		1791				
khăn		1060				
năn (nỉ)		1782				

XI/2 ÂN

cân (bằng)		1290?	1454			
cần 懃?		1094				
chân		1113	1614			
dân (dã)		1004	1032			
dần (đánh)			1250			
gần	987	1034	1079	1249	1439	1612
lần (次)		988	1272	1420	1702	1734
luân 沦		1078				
nần (nợ)		1096				
ngẫn (ơ)		1189				
nhân 人		1455	1613 1780	1639	1727	
chia phân / phân 分 / phận		1736		1792		
quân (bọn)		1728				
rân (dạ)		1735				
sân		1293	1422			
Tần 秦		1237				
thân 親		1438				
thân 身		1005	1080	1095	1112?	1188
		1236	1248	1421		1440
		1726	1781	1790		
thần 神		1294	1640			
trần 塵			986	1190	1271	1700
TRẦN		1456				
vân (vâng)			1638			
vần 韻		1058				
vẫn (xoay)			1114			

XI/3 UÂN

xuân	1006	1033	1059	1232
	1292	1701		

âm V	Vần	Chữ V	Sáu	Tám	Lưng
ĂN	3	3	1	0	2
ÂN	26	57	18	21	18
UÂN	1	6	3	1	2
	30	66	22	22	22

(cuối above Tám)

= 22 × 3 dòng

	986	phong	trần /	xa gần /	một lần / như nen
	1004	gỗ	dần /	mây thần 身 /	ngày xuân còn dài
	1032	người	dân /	khoá xuân /	trăng gần / ở chung
	1058	họa	vần /	thanh xuân /	ảo khẩn / dịu dàng
	1078	trầm	luân /	xa gần /	nỗi thân 身 lạc loài
	1094	ân	cần /	chút thân 身 /	nợ nần / yêu anh
	1112	được	thân 身	đưa chân /	xây vần / đến đâu
	1188	cho	thân 身	trăng ngần /	phong trần / như ai
	1236	bẩy	thân 身	mây Tần /	có xuân / là gì
	1248	mặt	thân 身	xa gần /	chẳng dần / mà đau
	1270	cho	cân /	phong trần /	một lần / mới thôi
	1292	với	xuân /	trăng sân /	câu thần / nối thơ
	1420	mây	lần /	là thân 身	trước sân / lôi đình
KtV	1438	cần	thân 親	xa gần /	biết thân 身 có rằng
	1454	chưa	cân /	giai nhân /	châu Trần / nào hơn
	1612	thì	gần /	gia nhân /	buộc chân / nàng về
	1638	vân	vân /	dễ nhân /	kinh thần / mọc ra
	1700	cõi	~~[illegible]~~ thần /	ngui xuân /	mấy lần / gặp tiên
	1726	quen	thân 身 /	thiện nhân /	thị quân / lộn chồng
	1734	mật	lần /	dạ rân /	khôn phân / kể nào
	1780	bốn	phần /	chút thân 身 /	đầm nần / nở lòng
	1790	chiều	thân 身 /	in hằn /	bội phân / xót xa

x XI
ĂN ÂN VÂN 3

XI/1 ĂN gằn 2156

XI/2 ÂN

ẫn	2330	2430				
cân (kỹ)	2346					
cân 斤	2329	2458				
cần	2415	2538				
chân	2058	2082	2113	2416	2518	
dần (dà)	1796	2536				
dần (đánh)	2112					
gần	2084	2094	2114	2191		
lần (次)	2154					
luân 綸	2450					
ngân (kỹ)	2060					
ngân 銀	2022	2206				
ngẫn (tẫn)	2347					
nhân 人	1795	2205	2258	2314	2328	
phân 分	2232	2460				
phần 粉	2233					
phần	2024	2192	2348			
quân 君	2190					
quân 军	2259	2284	2313	2459	2516	2537
quần 裙	2155					
sân	2260	2312				
TẦN 秦	2234	2432				
tần 濱	2448					
thân 親	2204	2286	2431			
thân 身	2023	2083	2093	2414		
thần 神	2517					
thần 臣	2449	2475				
trần 塵	2255					
TRẦN	2093					
vân 雲	2476					

XI/3 VÂN

truân 屯	2474	
xuân 春	1794	2059

Âm V	vần	chữ V	cuối Sáu	Tám	Lưng
ĂN	1	1	0	0	1
ÂN	30	62	21	20	21
VÂN	2	3	1	2	0
	33	66	22 =	22 =	22

= 22 x 3 dòng

1794	sang xuân /	cố nhân .	cổi dần - nhớ thương
2022	kinh [illegible]: ngần /	hộ thân 身	một phần - trông ba
2058	rừng chân /	cuối xuân /	vẻ ngân - ngang trời
2088	chửa chân /	an thân 身	tình gần - tình xa
2092	Phàm Trần /	một thân 身	dữ gần - lành xa
2112	nhẹ dần /	sẩy chân /	xa gần - thở than
2154	mấy lần /	hồng quần /	còn gần - chưa tha
2190	Nguyên quân 君 /	cho gần /	vài phần - hay không
2204	mới thân 親	bằng nhân /	nguyên ngân - phát hoàn
2232	và phân /	thể phân /	mây Tần - xa xa
2258	Phu nhân 人 /	tướng quân 軍 -	trước sân - khấu đầu
2284	nhạc quân 軍 /	phong trần -	thân thân 親 mọi [illegible]
2312	rập sân /	trung quân 軍	phu nhân 人 cùng ngồi
2328	cố nhân 人 /	nghìn cân /	báo ân - gọi là
2346	cho cân /	tần ngần /	nửa phần - mừng vui
2414	chung thân 身 /	ân cần /	dời chân - cõi ngoài
2430	tri ân /	song thân 親 -	người Tần - cách xa
2448	hải tần /	trọng thần /	kinh luân - gồm tài
2458	nghìn cân /	trung quân 軍 -	mười phân - hồ đồ
2474	gian truân /	vương thần /	thanh vân - hẹp gì
2510	tướng quân 軍 -	về thần -	chôn chân - giữa vòng
2536	dần dần /	trung quân 軍 -	ân cần - hỏi han

XI
ĂN ÂN VÂN

XI/1 ĂN

ăn 2760

khăn (Khó) 2759

văn 2857

XI/2 ÂN

ân 2862 2906 3170

cân (平) 3025

cẫn 斤 2718

dân 民 2717

dần (dã) 2702

gần 2861 2866 2908 3026 3248

(Tiểu) LÂN 2584

lần (lượt) 3234

lẫn (沙) 2641 2666 2780 2856

ngân (ký) 2701

nhân 人 3141

nhân 仁 2746 2907

phân 3142

phẫn 梒 2586 2860

phần 3002 3024 3172 3242

quân 君 2781

quẫn 褃 2585 2642

sân 3004 3236

tân 津 3003

thân 身 2640 2668 3240 3247

trần 塵 3171 3241

.Trần 陳 2864 ?

trẫn (lỗ) 2667

vân 雲 2865

VÂN (Thủy) 2758 2782 3235

vần 2700

vần 韵 3246

XI/3 VÂN

xuân 2858 3140

âm V	Vần	Chiến	Cuối Hai	Tam	Lùng
ĂN	3	3	2	0	1
ÂN	27	49	16	17	16
VÂN	1	2	0	1	1
	31	54	18	18	18

= 18 x3
dòng

2584 Kiều	lân	hồng quần	gốc phần	là may
2640 là	thân 身	nhiều lần	hồng quân	thử soi
2666 hai	lần	gươm trần	gửi thân 身	tôi đòi
2700 chuyện	vần	duềnh ngân	trôi dần	tận nơi
2716 là	nhân	vì dân	đóng cân	đã già
2758 Thúy	Vân	khó <u>khăn</u>	kiếm <u>ăn</u>	lâu hồi
2780 bốn	lần	Lang quân	Thúy vân	thay lời
2856 mấy	lần	trường <u>văn</u>	bảng xuân	một ngày
2860 dặm	phần tử	xa gần	tạ ân	chu tuyền
2864 châu	trần	thanh vân	xa gần	cùng thương
2906 giá	ân	có nhân	xa gần	ngợi khen
3002 nửa	phần	giang tân	tóc sân	phật đường
3024 bổn	phần	chi cân	xa gần	thuở đầu
3140 thêm	xuân	tình nhân	mấy phần	chung tình
3170 cứ	ân	bụi trần	muôn phần	mình thêm
3234 lần	lần	nàng Vân	một sân	quế hòe
3240 có	thân [illegible]	phong trần	được phần	thanh cao
3246 mới	vần	vào thân 身	trời gần	trời xa

XII
EN-UYÊN 1

XII/1 EN

đen	690	807	839		
đèn	7				
ghen	6				
hèn	619	789			
men	992				
nen	48	988			
phen	788				
quen	806				

XII/2 ÊN

bên	516	812	994
đến	228	620	
lên	49	892	962
nên	418	811	
quên	194	738	
kên	200		
trên	196	398	

XII/3 IN

gìn	790	
min	964	
nhìn	400	990
tin	739	

XII/4 IÊN

軒 hiên	395			
liền	230	894		
miền	808			
然 nhiên	399	688	963	
仙 TIÊN	829			
钱 * tiền	50	598	689	840
天 thiên	420			
阡 thiên	195			
仙 * tiên	989			

XII/4 UYÊN

duyên 緣	201	419	518	618	810
	818	993			
huyền [illegible]	394				
khuyến 劝	893				
nguyên 原	838				
nguyện 願	396	517	740		
* quyền 权	600				
[illegible]uyền 全	599				
thuyền 船	202	820			
truyện 传	8				
* quyên 娟	819				

âm V	Vần	chữ V	Cuối: sáu	tám	lưng		
EN	8	12	5	6	1	1 5?	1
ÊN	7	15	2	9	4	4	4
IN	4	5	1	0	4	4	6
IÊN	9	15	7	2	6	6	
UYÊN	10	19	7	5	7		
	38	66	22	22	22 dòng		

66 = 22 × 3

EN 1

80

6	đành ghen /	trước đèn /	còn truyền /	sử xanh
48	nhủ nên /	kéo lên /	tro tiền /	giấy bay
194	đã quên /	tây thiên /	bên trên /	có cần
200	có tên /	nhân duyên /	một thuyền /	dấu xa
228	chưa đến /	Đạm . Tiên	ửng liền /	chiêm bao
394	hàn huyên /	khuê hiên /	nặng nguyền /	non sông
398	treo trên /	thiên nhiên /	càng nhìn /	càng tươi
418	có nên /	là duyên /	thẳng thiên /	cũng nhiên
516	một bên /	hương nguyền /	ra duyên /	bẽ bàng
598	vì tiền /	vẹn tuyền /	từng quyền /	biết sao
618	đến duyên /	phận hèn /	quyết đen /	ba sinh
688	tự nhiên /	đồng tiền /	thay đen /	khó gì
738	chẳng quên /	của tin /	hương nguyền /	ngày xưa
788	đôi phen /	tay hèn /	mua ghen /	với ai
806	đã quen /	hồi đen /	ăn miền /	nguyệt hoa
810	hết duyên /	mà nên /	đôi bên /	một phường
818	vô duyên /	thuyền quyên /	vào thuyền /	lái buôn
838	còn nguyên /	con đen /	nhuận tiền /	mất chi
892	kêu lên /	chửi khuyên /	giục liền /	ruổi xe
962	mụ lên /	quả nhiên /	chồng min /	đi rồi
988	như nên /	giấc tiên /	mặt nhìn /	hồn bay
992	thuở non	trần duyên /	đứng bên /	một nàng

XII 2
EN_UYÊN

XII/1 EN
(4 6 5)

Chen	1384			
đen	1412	1606		
đấn 1921				
ghen	1540	1607	1872	
khen	1311	1608		
phen	1740	1742	1932	
quen	1383			
sen	1382			
then = than	1998			

XII/2 ÊN
(6 5 4)

bên	1721	1999		
lên	1548	1722	2000	
nên	1449	1831	1900	
nến	1539			
tên	1741	1922		
Trên	1538	1672	1700	1720

XII/3 IN
(0 2 3)

nhìn	1696	1874	
tin	1684	1694	1698

XII/4 IÊN
(5 5 7)

yên 鞍	1505	
yến 安	1314	1703
chiều thiề	1695	
miền	1704	1708
nghiền	1448	
nhiên 然	1319	
phiền	1674	1832
tiền	1703	
Tiền 前	1549	
khiển 遣	1312	1450

thiên 天	1830	
Thiền 禪	1931	
xiên	1899	

XII/4 UYÊN
(8 5 4)

uyên	1873				
chuyền	1707				
duyên	1568	1673	1878	1902	1930
huyền	1567	1682			
nguyện 願	1413				
quyến 眷	1879	1901			
tuyền 全	1880				
Tuyền 泉	1683	1920			
thuyền 船	1550	1706			

âm vần	vần	chữ vần	Cuối: Sau	Thân	Lưng
En	9	15	4	6	5
Ên	6	15	6	5	4
In	2	5	0	2	3
Iên	13	17	5	5	7
Uyên	9	17	8	5	4
	39	69	23	23	23

= 23 × 3 = 69

EN 2

1310	thiên nhiên /	cũng khen /	một thiên /	luật Đường
1382	mẫu sen /	vừa quen /	đã chen /	lá vàng
1412	con đen /	đơn nguyên /	chen yên /	bể nào
1448	bút nghiên /	thì nên /	một thiên /	tranh nghề
1538	đường trên /	lấy nền /	tiếng ghen /	vào mình
1548	chẳng lên /	nhãn tiền /	bán thuyền /	biết tay
1566	xuống yên /	hàn huyên /	chữ duyên /	càng nồng
1606	chịu đen /	hờn ghen /	ai khen /	chí mình
1672	ở trên /	sự duyên /	hả phiền /	cháy gan
1682	thông huyền /	Cửu tuyền /	biết tin /	rõ ràng
1694	được tin /	chiền chiền /	dám nhìn /	lạ sao
1698	dám tin /	quàng xiên /	thấy trên /	cổ thần
1702	gặp tiên /	đã yên /	ở miền /	nhân gian
1706	dưới thuyền /	cành chuyền /	bằng miền /	vượt sang
1720	treo trên /	hai bên /	ngồi lên /	một bà
1740	một phen /	đổi tên /	vào phen /	thị tì
1830	chung thiên /	đã nên /	giải phiền /	đâu thua
1872	nhà ghen /	chia uyên /	ai nhìn /	được ai
1878	lời duyên /	thuyền quyên /	có tuyền /	được vay
1900	cũng nên /	thuyền quyên /	vô duyên /	lạ đời
1920	Trạc tuyền /	dầu đèn /	hai tên /	hương trà
1930	trần duyên /	mấy thiền /	vài phen /	đứng đầu
1998	thổ than (then) /	một bên /	bước lên /	trên lầu

x XII 3
EN – UYÊN

XII/1 EN

(2 6 2)

Đèn	2600		
ghen	2152		
hèn	2195	2514	
khen	2908		
nhen (nhỏ)	2374		
phen	2090	2194	2944
phèn	2153		

XII/2 ÊN

(4 5 6)

bên	2317	2512	2532	
đến	2318	2786	2800	2863
lên 2154	2340	2884		
nến	2375	2542		
quên	2784			
tến	2886	2909		

XII/3 IN

(2 2 2)

nhìn	2341	2726	2942
tin	2304	2943	
xin	2544		

XII/4 IÊN

(7 5 7)

yên 安	2302		
liền	2094	2376	2514
liền (gạn)	2516		
miền	2134		
niên	2885	2921	
phiền	2196		
tiền	2208		
TIÊN	2727		
tiền 前	2511	2515	
khiên 天	2922		
triền	2533		
viên 员	2910		
viên 轅	2316	2510	
xiên	2598		

XII/5 UYÊN

(7 4 5)

duyên	2092	2132	2210	2785	2863
Duyên	2303	2728			2910
khuyên	2798				
Quyên	2209				
Tuyến	2342				
tuyền	2543	2862			
thuyền	2133	2599	2799		

mở

âm v	vần	chữ v	Sắc	Trầm	Lửng
EN	7	10	2	6	2
ÊN	6	15	4	5	6
IN	3	6	2	2	2
IÊN	13	19	7	5	7
UYEN	7	16	7	4	5
	36	66	22	22	22

= 22 × 3

EN 3

2090 lắm phen / cho liền / ép duyên / châu Trần
2132 kết duyên / xuống thuyền / xuôi miền / chân khai
2152 đất ghen / đánh phèn / vẫn lên / mấy lần
2194 có phen / hoa hèn / dám phiền / mai sau
2208 bát tiến / thuyền quyên / đẹp duyên / cỗi rồng
2302 cho yên / Giác duyên / đem tin / rước mời
2316 cửa viên / hai bên / báo đền / cho mình
2340 rước lên / cho nhìn / Trạc tuyền / cũng tôi
2374 nhớ nhen / thì nên / trướng liền / tha ngay
2510 cửa viên / trận tiền / tồi bên / kéo cờ
2514 cũng hèn / trận tiền / gan liền / tướng quân
2532 một bên / tương truyền / Từ liền / ngả ra
2542 mới nên / vạn tuyền / muốn xin / bề nào
2598 vỡ xiên / xuống thuyền / ngọn đèn / khôn cao
2726 mà nhìn / Đạm tiên / Giác duyên / ngồi kề
2784 chưa quên / phụ duyên / sẽ đền / lại sinh
2798 nài khuyên / đóng thuyền / khôn đền / tình chung
2862 chưa tuyền / nghĩa đền / kết duyên / châu trần
2884 thưa lên / thập niên / biết tên / rành rành
2908 ngại khen / được tiên / Sinh viên / mới từng
2920 phải duyên / nhiều niên / kinh thiên / đùng đùng
2942 mà nhìn / đợi tin / mấy phen / đổi dời

XII EN-UYẾN 4

XII/1 EN

(1 2 1) phan 3194
then (...) 3227
then (then) 3228
xen 3230

XII/2 ÊN

(1 1 2) đến 2959 3052
lên 3222 3228

XII/3 IN

XII/3 IÊN

(3 1 2) ĐIẾN (...) 3202
liền 3000
tiền 3055 3395
tiền 前 2958
viên 圓 3229

XII/3 UYẾN

(3 4 3) duyên 緣 2960 3224
DUYÊN 覺 2999 3226
huyền 絃 3196
NGUYÊN 源 2998
nguyền 3223
quyên 鵑 3200
quyên 絹 3201
quyền 權 3050

âm V	Vần	chữ V	sài	Thơm	Lòng
EN	4	4	1	2	1
ÊN	2	4	1	1	2
IN	0	0	0	0	0
IÊN	5	6	3	1	2
UYÊN	8	10	3	4	3
	19	24	8	8	8

= 8 x3

2958	trận tiễn	, chẳng đền	. ép duyên	thổ tơ
2998	Cửu nguyên	Giác duyên	theo liền	một khi
3050	tòng quyền	cầu Tiền	ai đền	cho đây
* 3128				
3194	một phen	tay tiên	tiếng huyền	gần xa
3200	Đỗ quyên	duềnh quyên	Lam-điền	mới đông
3222	trăng lên	mười nguyền	là duyên	bạn bầy
3226	Giác duyên	gài then	cỏ lên	mái nhà
* 3128	Thở than	đoàn viên	hồng xen	bức là

C
E

B
.1

1)
A10

2
E

2
A

2
A

900 thần quân thần

406 nầy dầy nầy

824 vang hường vang

1110 gì nghĩ gì — 2 gì

1344 cho co cho

1286 ra la ra.

2534 ra qua ra > 2 ra

2444 gì thấy gì — 2 gì

1926 hồng mang hồng

1896 tình tình kình

3064 tình minh (minh) tình — 2 tình

2364 tình kinh tình

1736 nào vào nào

2384 sao đao sao

2196 sau đầu sau

2286 ngày vậy ngày

2050 ngày mấy ngày > 2 ngày

2914 gì li gì — 2 gì

18 vần trùng

1 vang 824

1 cho 1344

1 hồng 1926

~~1 đình 1890~~

1 nào 1736

1 nầy 406

1 sao 2384

1 sau 2196 — 1 thần 899

2 ngày 2286 và 2050

2 ra 1286 và 2534

3 tình 1890 và 3064, 2364

3 gì 110, 2444, 2914

4,30 F

UG
R 215 520 11 06

70 G SURFIN

FORMAT: 17 x 22

192 PAGES

EUROMARCHE a selectionné et fait contrôler ce produit
pour vous en assurer sa qualité.
Adressez toutes remarques utiles à Madame Consommateur
EUROMARCHE - BP 312 - 91201 Athis-Mons Cedex

3 228460 008689

2958	trận tiền	. chẳng đền	. ép duyên	thổ tù
2998	Cửu nguyên	Giác duyên	theo liền	một khi
3050	tòng quyền	cầu Tiên	ai đền	cho đây
* 3128				
3194	một phen	tay tiên	tưởng huyền	gần xa
3200	Đỗ quyên	duềnh quyên	Lam-điền	mối đong
3222	trăng lên	mười nguyện	là duyên	bạn bầy
3226	Giác duyên	gài then	cỏ lên	mái nhà
* 3128	Thổ than	đoàn viên	hồng xen	bức là